HOCVAN12

100 %

Nắm chắc

Kiến thức

Ngữ Văn

Lớp 11

10

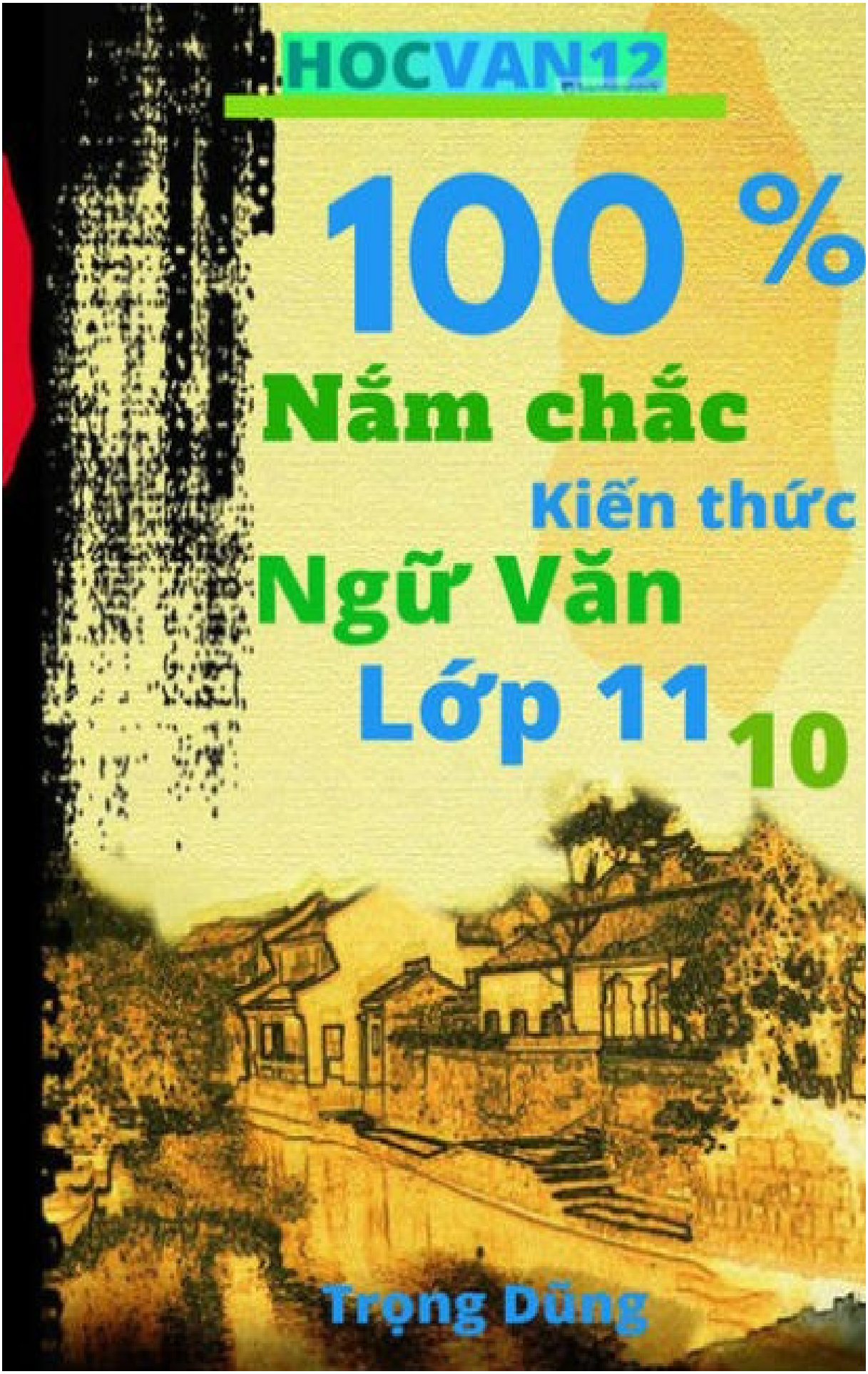

Trọng Dũng

Lời Nói Đầu

Trong những năm gần đây, cùng với tiến trình đổi mới, cải cách giáo dục đã có rất nhiều phương pháp học tập mới được đưa ra để bắt kịp với xu thế, với yêu cầu của bộ giáo dục thế nhưng với bộ môn văn thì vẫn còn rất nhiều hạn chế đặc biệt trong cách giảng dậy truyền thống.

Với cách giảng dậy truyền thống sẽ làm môn văn trở nên cồng kềnh, dài dòng và gây rất nhiều khó khăn, áp lực cho học sinh trong quá trình học tập và ôn luyện. Chính vì thế, Hocvan12.com đã đưa ra một phương pháp học tập mới với mong muốn đưa môn văn trở nên gần gũi hơn với tất cả học sinh.

Phương pháp này sẽ giúp cho tất cả học sinh dễ dàng nắm bắt được kiến thức trọng tâm của cả chương trình học chỉ trong một bộ sách: **100% Nắm Chắc Kiến Thức Ngữ Văn 11 và 10**. Từ đó giúp các bạn có được một nền tảng vững chắc tạo tiền đề nâng cao khả năng của bản thân.

Cuốn sách này được chia làm 2 phần:

- Phần 1**; Sơ đồ tư duy**: Đây là phương pháp chính mà Hocvan12.com muốn nói tới: Ngắn gọn – đầy đủ - hiệu quả là 3 tiêu chí mà sơ đồ tư duy mang lại cho các bạn. Các bạn có thể dễ dàng ghi nhớ kiến thức nền tảng của toàn bộ lớp 12 chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn, nó giúp bạn giảm bớt thời gian, áp lực học tập.
- Phần 2**: Phân Tích Chi Tiết**: Đây là phần mà các bạn có thể luyện tập và tham khảo giúp bạn có thể hoàn thiện hóa kiến thức từ sơ đồ tư duy bằng những bài phân tích hoàn chỉnh.

Cuốn sách này sẽ là công cụ hữu hiệu bổ trợ cho bạn trong quá trình học tập ở trên lớp và cả trong quá trình ôn thi của các bạn. Với thời gian biên soạn không nhiều mong rằng chúngt tôi sẽ nhận được những ý kiến đóng góp của các bạn để hoàn thiện hơn bộ sách qua:

- Website: hocvan12.com

- Fanpage: Hocvan12.com
- Group: Hocvan12 – Ôn thi THPT Quốc Gia

Mục Lục

Phần 1: Sơ Đồ Tư Duy
I: lỚP 11.....5
Chí Phèo.....5
Câu cá mùa thu.....11
Bài ca ngất ngưởng.....14
Chiều tối.....17
Chữ người tử tù.....19
Đây thôn vĩ dạ.....22
Hai đứa trẻ.....25
Thương vợ.....28
Tràng giang.....31
Từ ấy.....34
Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.....37
Vội vàng.....40
II: Lớp 10.....44
Cảnh ngày hè.....44
Chuyện chức phán sự đền Tản Viên.....47
Độc Tiểu Thanh Kí.....50
Tỏ Lòng.....53
Trao Duyên.....55
Phần 2: Phân Tích Chi Tiết
I: Lớp 11.....58
Chí Phèo.....58
Tự tình II.....64
Câu cá mùa thu.....71
Thương vợ.....76
Bài ca ngất ngưởng.....80
Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.....88
Hai đứa trẻ.....92
Chữ người tử tù.....97
Vội vàng.....105
Tràng giang.....116
Đây thôn Vĩ Dạ.....127
Chiều tối.....134
Từ ấy.....138

II: Lớp 10.....142

Tỏ Lòng.....142
Trao Duyên.....148
Độc Tiểu Thanh Kí.....156
Cảnh Ngày Hè.....161
Chuyện chức phán sự đền Tản Viến.....175

Phần 1: Sơ Đồ Tư Duy

I: LỚP 11

Chí Phèo

Nam Cao

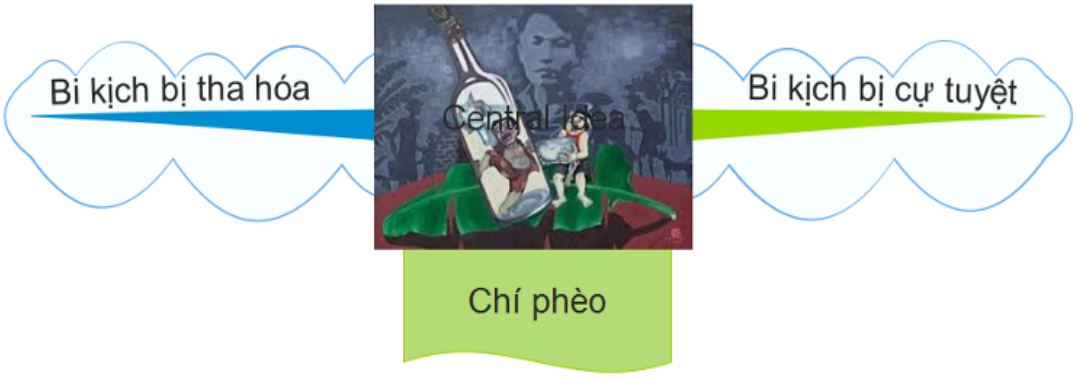

I: Bi kích bị tha hóa

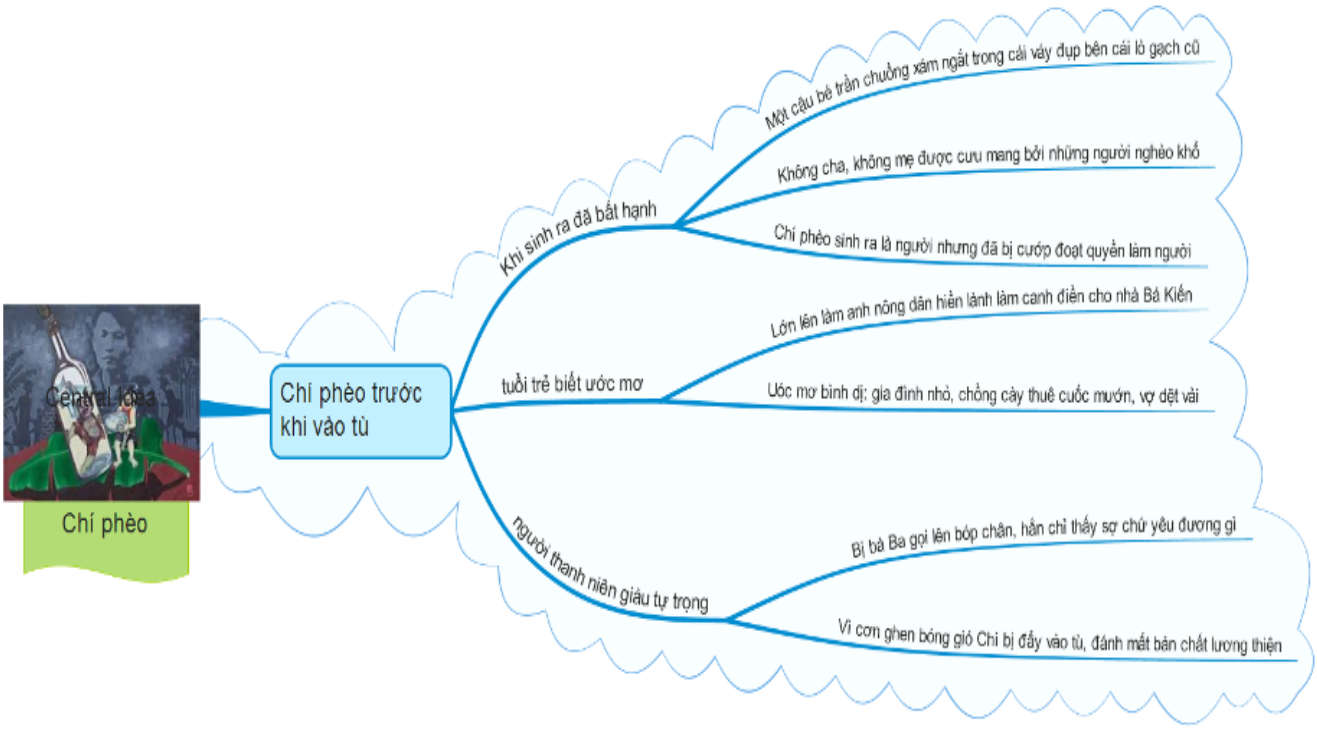

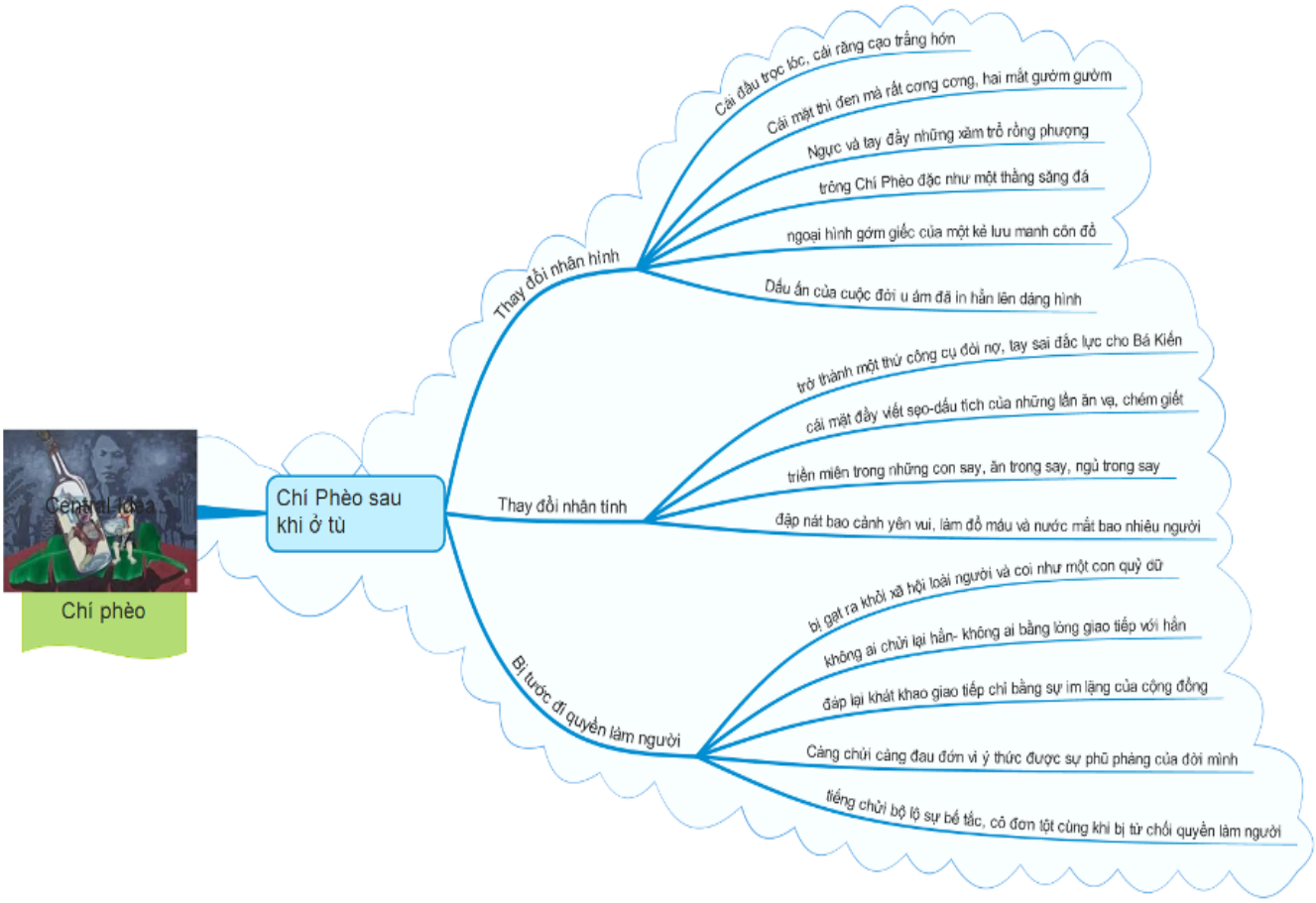

II: Bi kịch bị cực tuyệt

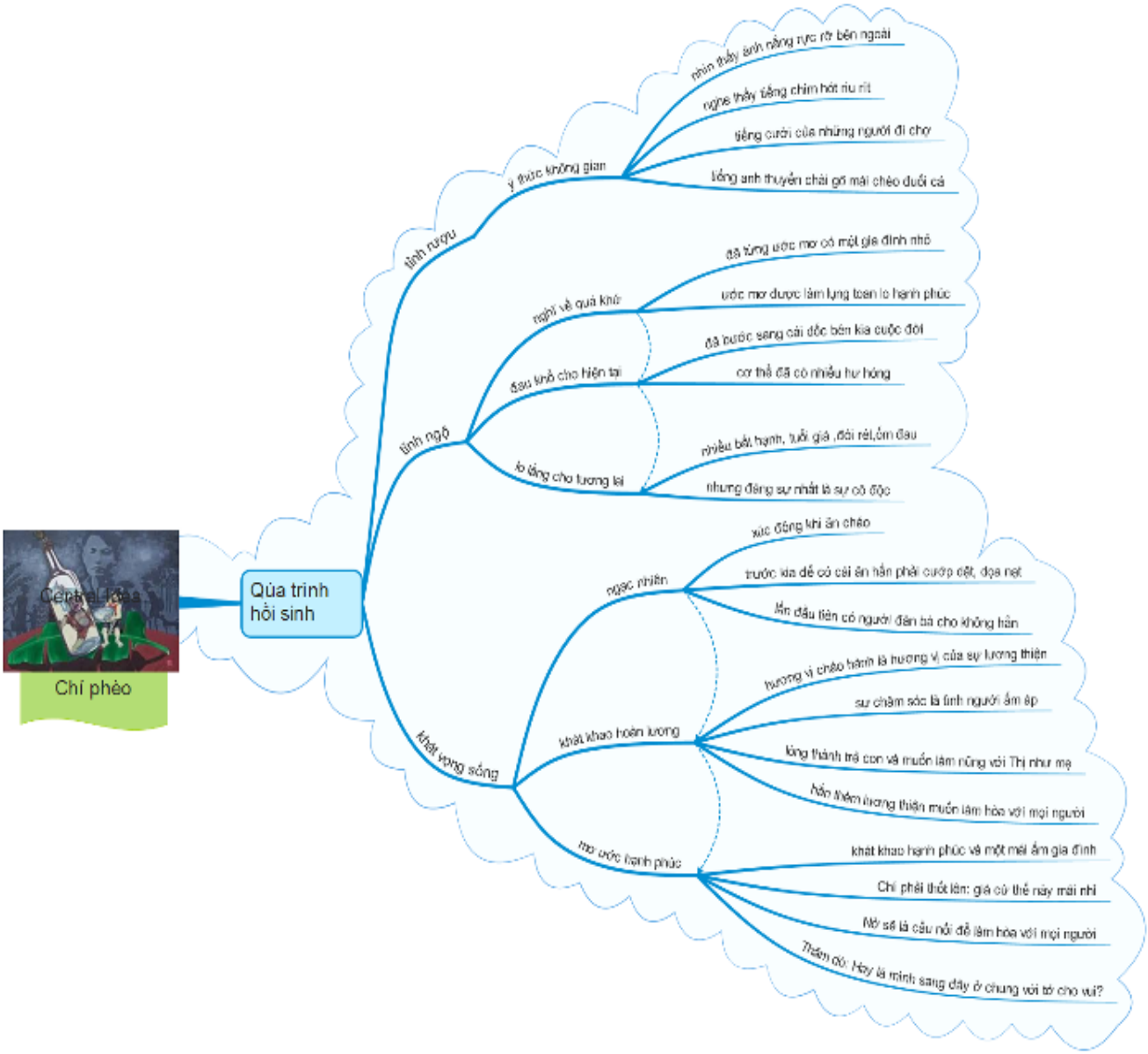

Tự Tình II

Hồ Xuân Hương

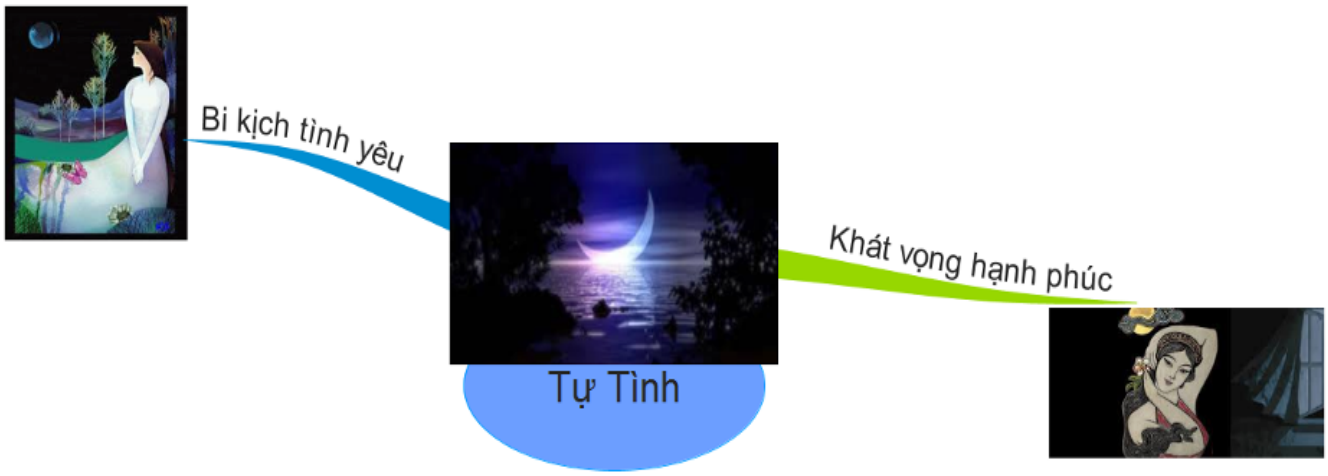

I: Bi kịch tình yêu

a/ Hai câu đề

b/ Hai câu thực

II: Khát vọng hạnh phúc

a/ Hai câu luận

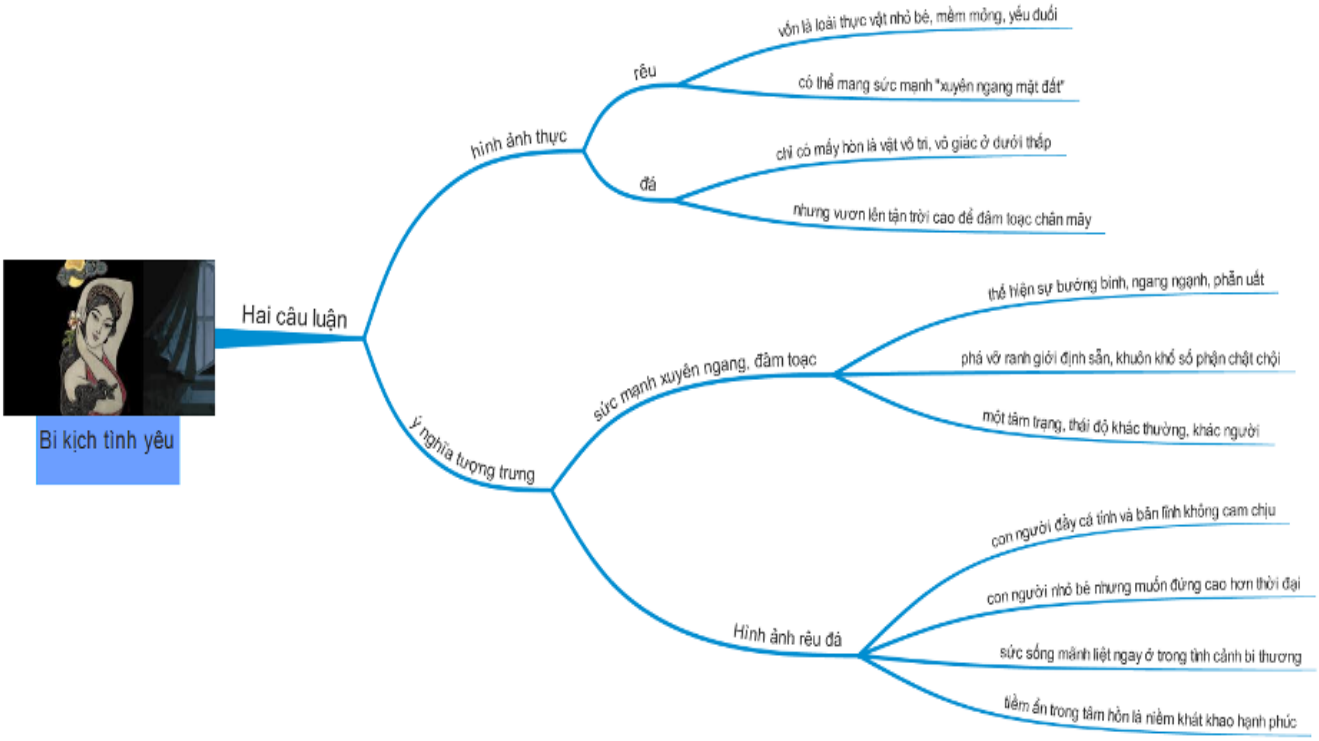

b/ Hai câu kết

Bi kịch tình yêu
Hai câu kết
nhận thức hiện thực
xuân đi xuân lại lại
mùa xuân có sự tuần hoàn còn tuổi trẻ thì không
sự trở lại của mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi trẻ
mảnh tình san sẻ
thủ pháp nghệ thuật tăng tiến nhấn mạnh vào sự nhỏ dần
mảnh tình đã bé lại còn san sẻ thành ra ít ỏi, xót xa tội nghiệp
tâm trạng
ngán
tâm trạng chán trường bất mãn đến mức tột đỉnh
ý thức về giá trị của tuổi thanh xuân và sự sống
tuyệt vọng
thấm thía thân phận mang thân đi làm lẽ, bạc bẽo, trớ trêu
sự vẫy vùng, muốn đổi thay nhưng bị níu kéo bởi thời gian và số phận
vẫn ẩn chứa một khát vọng tình yêu nồng cháy, hạnh phúc trọn vẹn

Câu cá mùa thu

Nguyễn Khuyến

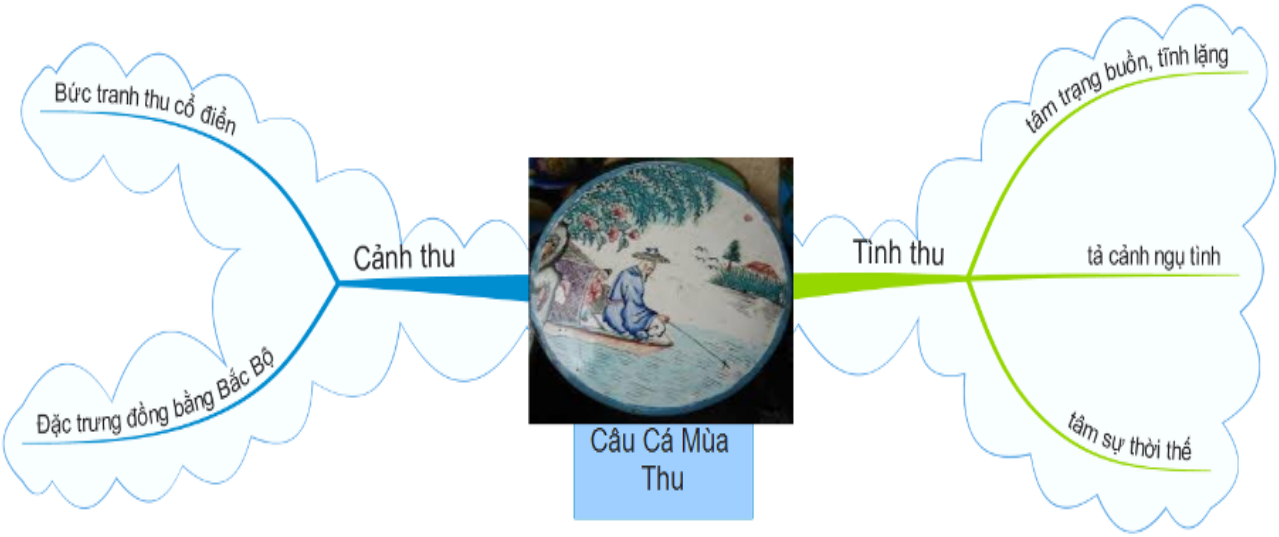

I: Cảnh thu

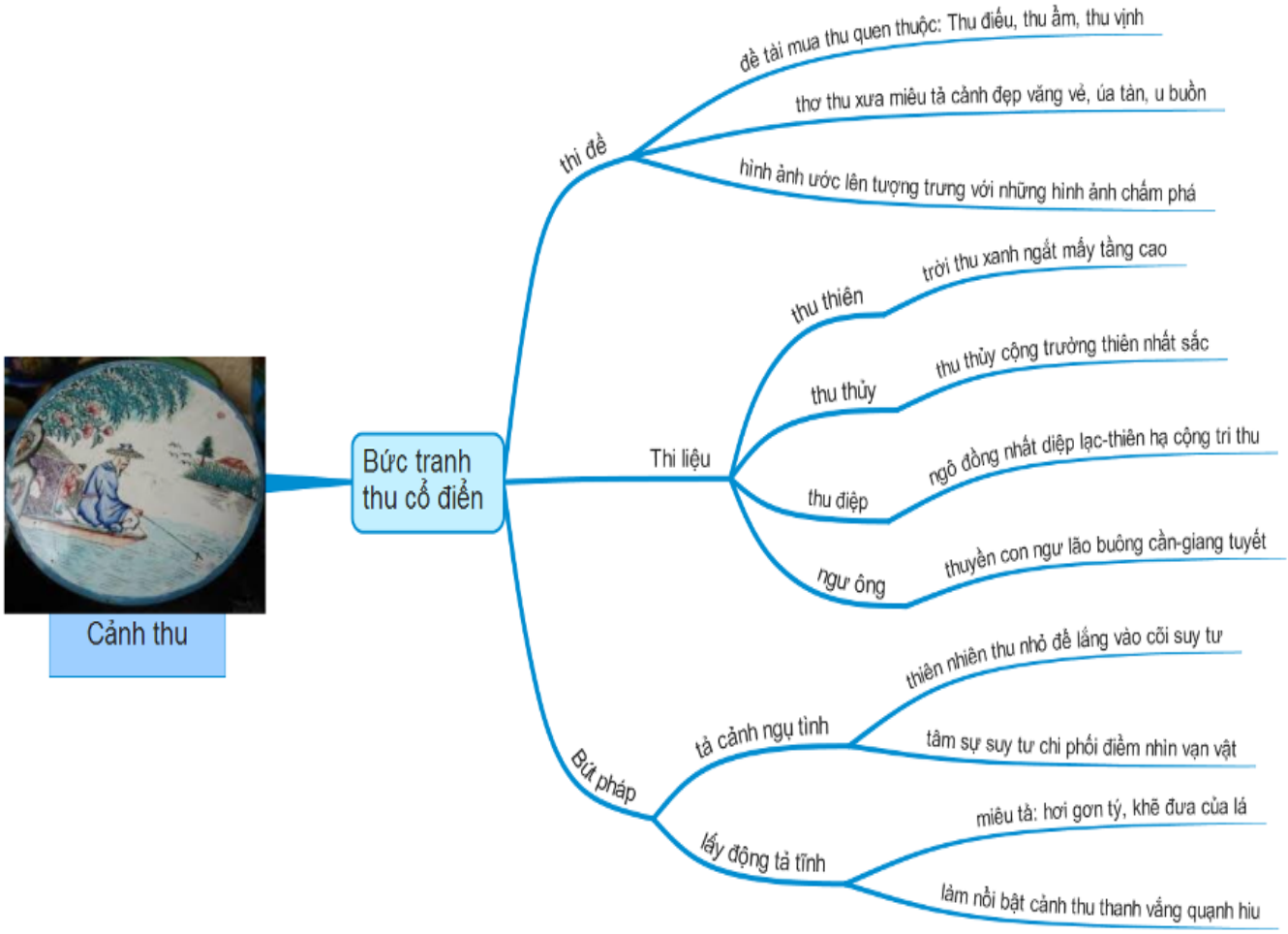

Cảnh thu

- đặc trưng đồng bằng bắc bộ
  - Chi tiết
    - ao thu
      - thân mật,giản dị chân thành với hồn quê
      - "lạnh lẽ" khí lạnh của nước thấm vào da thịt
      - "trong veo" tuyệt đối hóa độ trong, gợi sự thanh sạch
    - gió thu
      - rất khẽ chỉ đủ tạo ra cái "hơi gợn tý" của sóng
      - lấy sự đưa nhẹ của lá vàng tả sự tĩnh lặng của mùa thu
    - trời thu
      - Xanh ngắt: là xanh trong, tinh khiết
      - màu xanh có chiều sâu, thăm thẳm không gợn tạp
      - gợi không gian sâu lắng cái nhìn với vọi của nhà thơ
    - ngõ trúc
      - hình ảnh thân thương và nhuốm màu thôn quê Việt Nam
      - "vắng teo" vắng tanh vắng ngắt, không cử động, âm thanh
  - Thần thái
    - không khí dịu nhẹ
      - trời sang thu, không khí se lạnh
      - trời trong xanh, đường làng vắng vẻ
    - cảnh vật thanh sơ
      - miêu tả nét quê tĩnh lặng, êm ả
      - cảnh nhỏ bé nhưng trong và tinh khiết
  - màu sắc
    - các điệu xanh
      - nước trong, sóng biếc, gợi thanh mát trong trẻo
      - hòa sắc thật dân dã, hòa sắc thật thôn quê
      - làm nền cho màu vàng
    - màu vàng lá thu
      - gợi hồn thu vĩnh cửu trong thơ xưa
      - nghệ thuật miêu tả chấm phá, điểm xuyết
  - đường nét
    - chuyển động nhẹ nhàng
      - chuyển động khẽ không đủ tạo nên âm thanh
      - toát nên vẻ vắng lặng, quạnh hiu
    - hài hòa xứng hợp
      - ao nhỏ-thuyền bé,gió nhẹ-sóng gợi,trời xanh-nước trong
      - khách vắng teo-chủ thể trầm ngâm tĩnh lặng

II: Tình thu

a/ Tâm trạng và tâm sự buồn tĩnh lặng

tình thu

- nỗi buồn thời thế
  - tâm trạng buồn tĩnh lặng
    - không gian tĩnh lặng
      - không gian tĩnh,vắng: vắng người, vắng tiếng
      - cảnh hẹp và thu nhỏ trong lòng ao, khu xóm
      - cái tĩnh lặng của một cuộc sống ẩm ỉ kiến đáo
    - cõi lòng tĩnh lặng
      - cảm nhận độ trong veo của nước
      - cảm nhận cái hơi gợn của sóng
      - cảm nhận độ rơi khẽ của lá
  - tâm sự thế thời
    - tư thế ngồi câu
      - tư thế ngồi bó gối buông cần trầm tư, mặc tưởng
      - ngồi câu như hóa thạch trong thời gian, không gian
      - ngồi câu cá mà cái chí không để ở việc câu
    - âm thanh cá đớp mồi
      - không thể ung dung đi câu như một ẩn sĩ thật sự
      - giật mình nhận ra thời thế và sự bế tắc của bản thân
      - lãnh đời nhưng vẫn không nguôi nghĩ về đất nước
      - phải chăng là tiếng gọi thúc giục ra giúp dân giúp nước

b/ Tả cảnh ngụ tình

tình thu

- tả cảnh ngụ tình
  - tâm sự
    - không qian tĩnh lặng hay nỗi cô quạnh uẩn khúc
    - cái se lạnh của thu thấm vào tâm hồn nhà thơ
    - cái lạnh của tâm hồn thi nhân thấm vào cảnh vật
  - Gửi gắm
    - Vèo
      - chỉ tốc độ bay rất nhanh và biến mất
      - bất ngờ vì thời thế thay đổi quá nhanh
      - thoáng chốc đất nước đã rơi vào tay giặc
    - Xanh ngắt
      - ẩn chứa nỗi niềm tâm sự kín đáo
      - gửi gắm vào sự tư chìm đắm miên man
    - Lơ lửng
      - nỗi niềm tâm trạng có chút gì đó lơ lửng về thời cuộc
      - chọn con đường ở ẩn để giữ chọn thân danh
      - vừa muốn ra giúp dân cứu nước nhưng lại bất lực
    - Vắng teo
      - lẻ loi cô đơn trước thời cuộc đổi thay trước mắt

Bài ca ngất ngưởng

Nguyễn Công Trứ

I: Định nghĩa ngất ngưởng

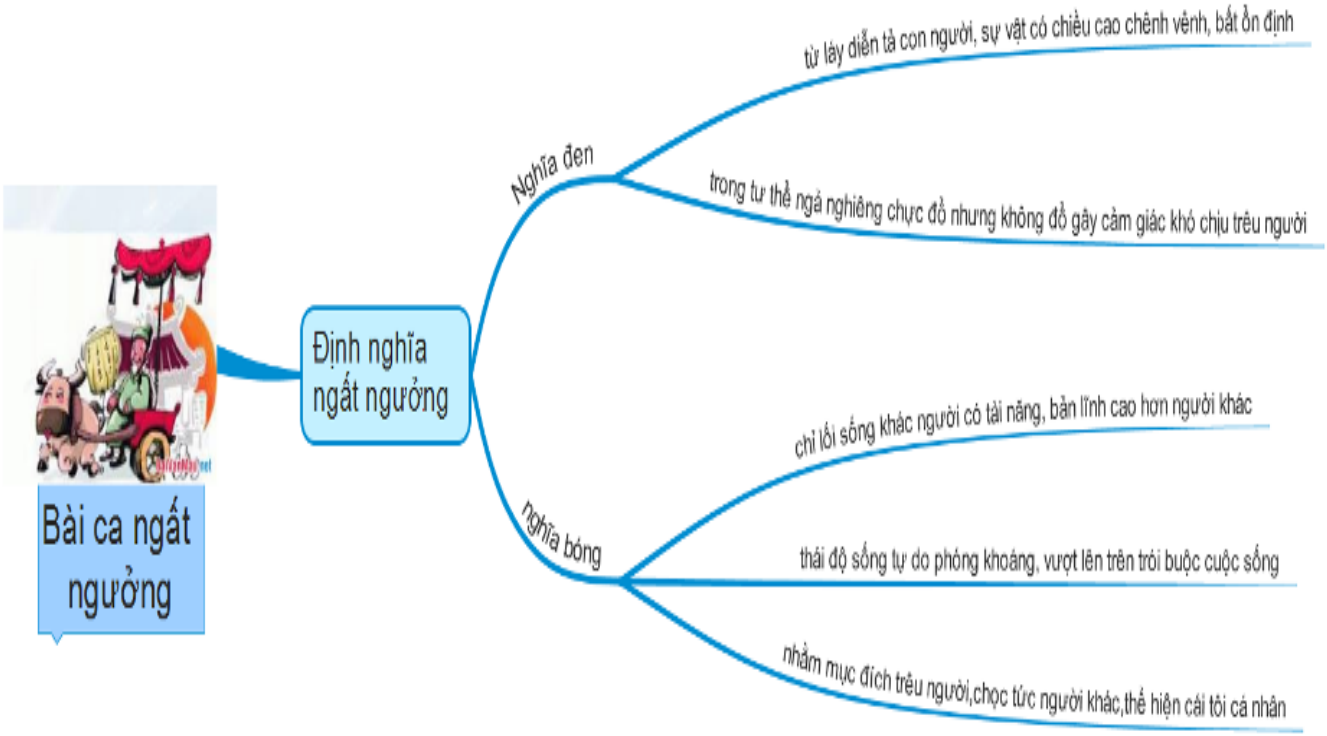

II: Ngất ngưởng khi hành đạo

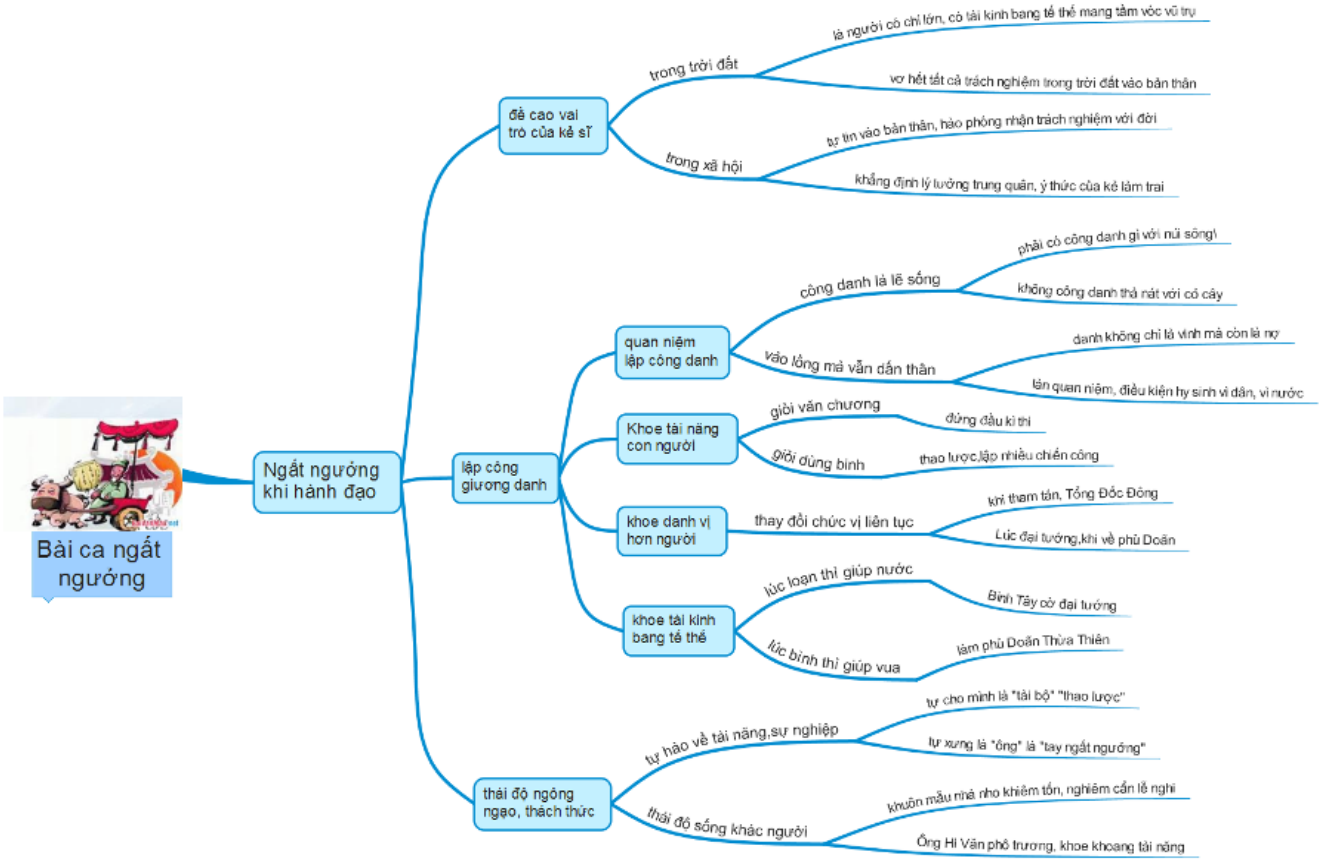

III: Ngất ngưởng khi hành lạc

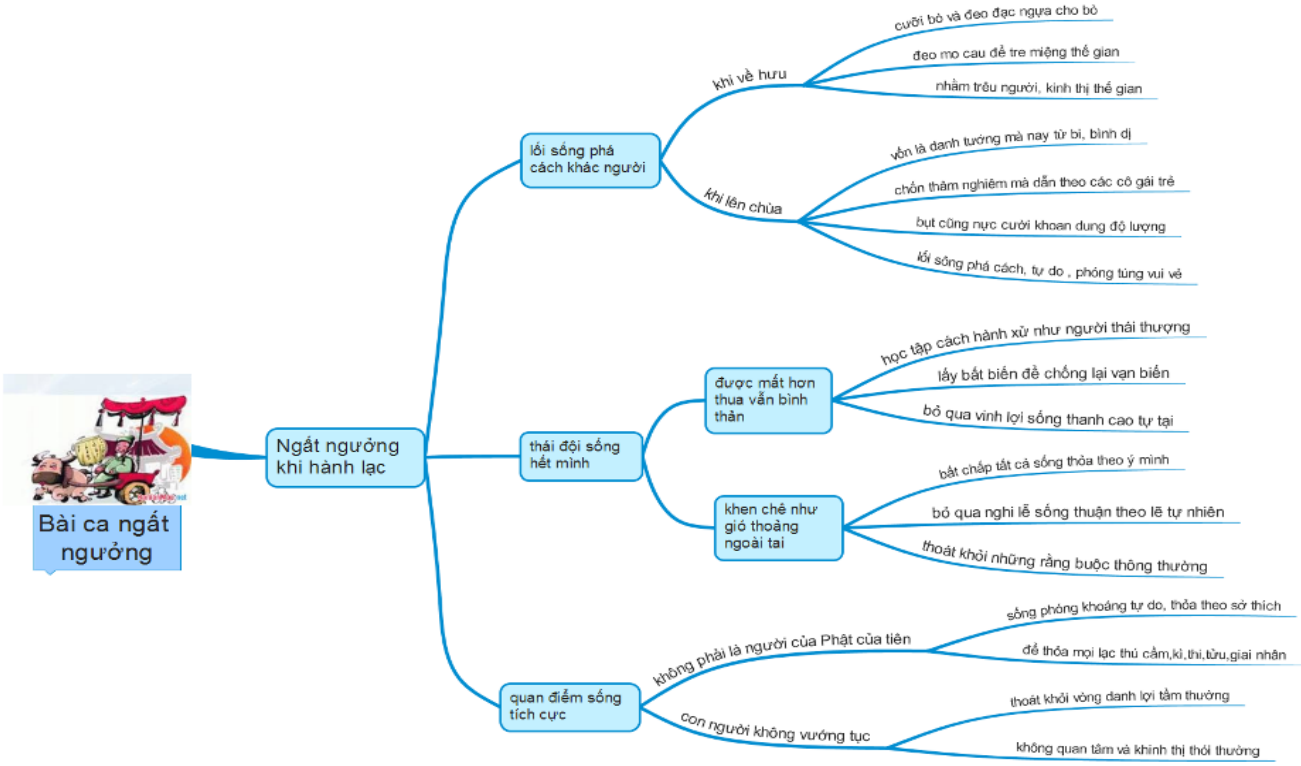

IV: Tổng kết:

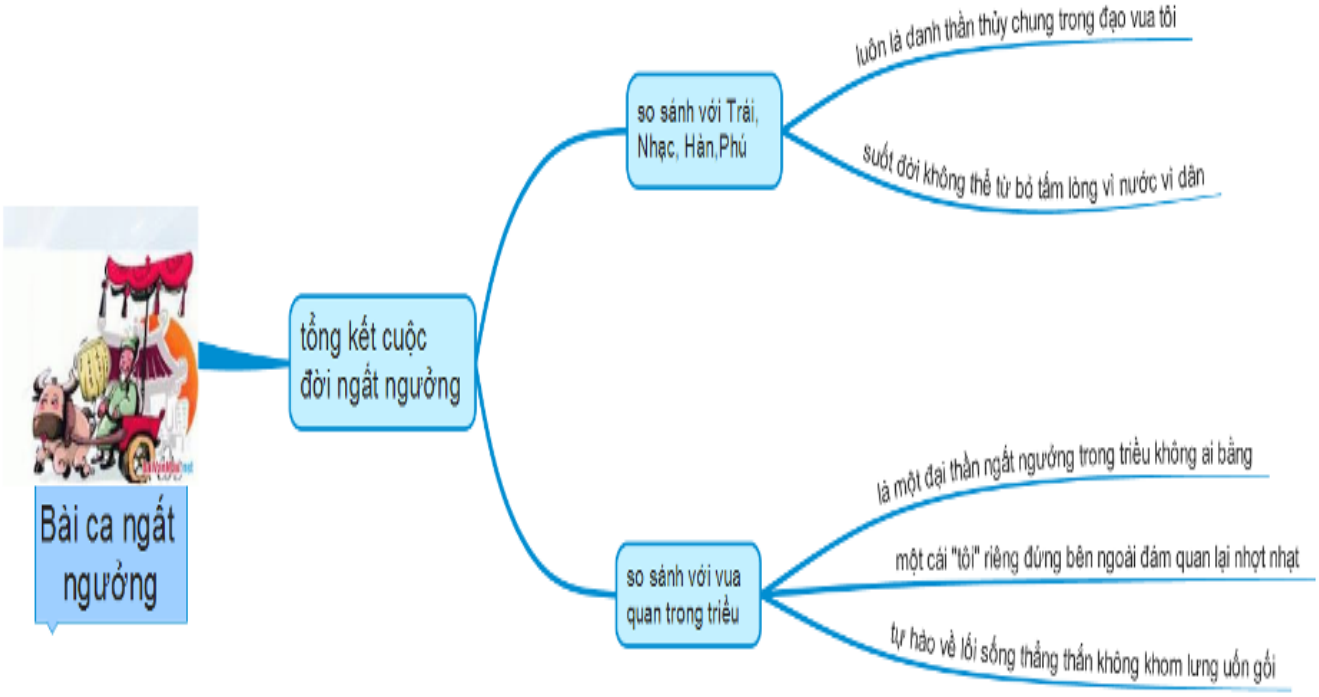
Bài ca ngất ngưởng
tổng kết cuộc đời ngất ngưởng
so sánh với Trái, Nhạc, Hàn,Phú
luôn là danh thần thủy chung trong đạo vua tôi
suốt đời không thể từ bỏ tấm lòng vì nước vì dân
so sánh với vua quan trong triều
là một đại thần ngất ngưởng trong triều không ai bằng
một cái "tôi" riêng đứng bên ngoài đám quan lại nhợt nhạt
tự hào về lối sống thẳng thắn không khom lưng uốn gối

Chiều tối

Hồ Chí Minh

I/ Chất tình

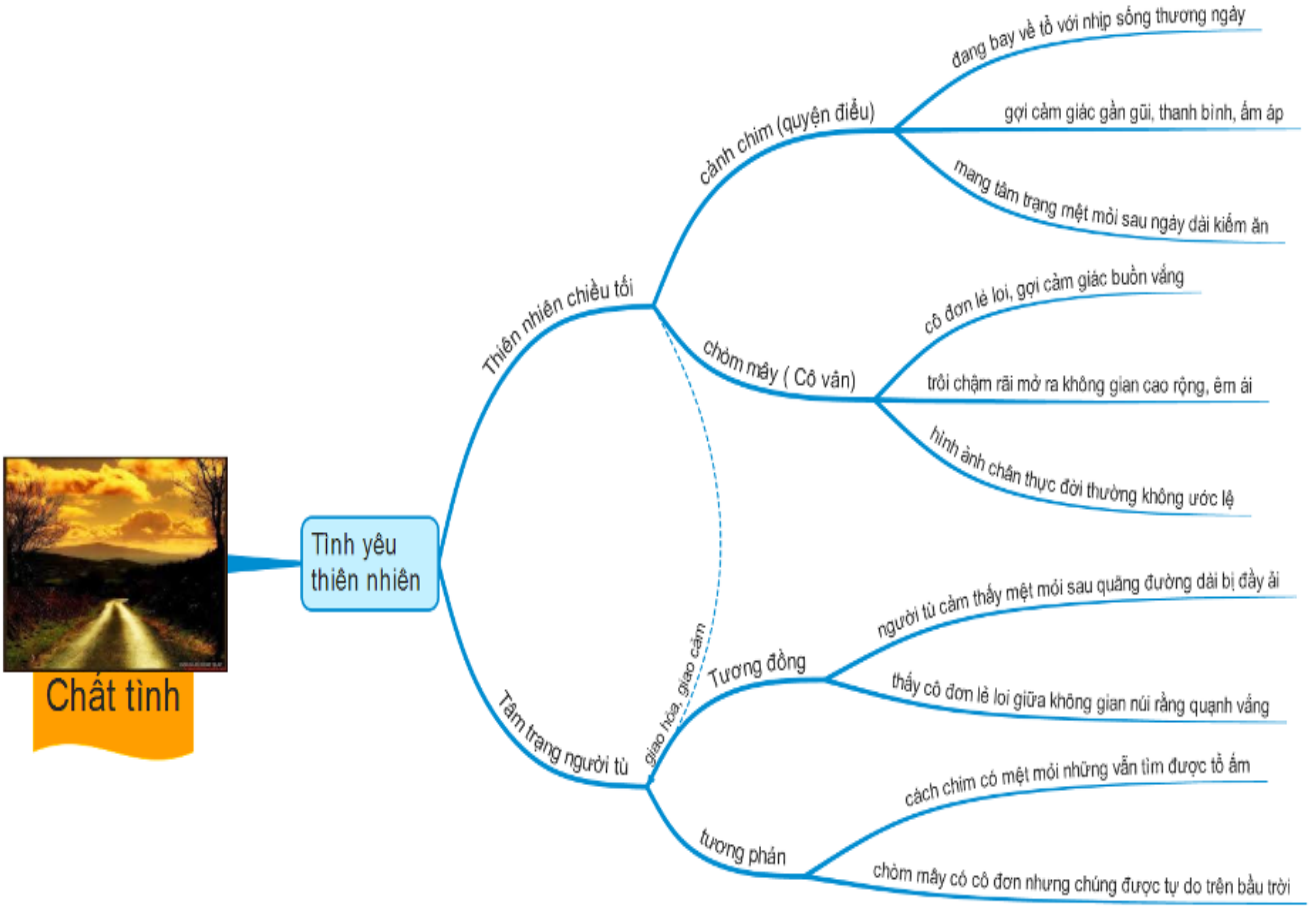

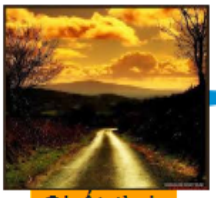

Chất tình

- Tình yêu con người
  - gắn bó với con người
    - hình ảnh con người
      - con người làm trung tâm, chủ thể của bức tranh thiên nhiên
      - cô gái xay ngô trẻ trung, tràn đầy sức sống với niềm vui lao động
      - cuộc sống vùng sơn cước thanh bình, yên ả, ấm áp
      - hình ảnh đời thường chân thực giản dị
    - công việc lao động
      - Điệp ngữ: vòng quay liên tục, nhịp nhàng của cối xay ngô
      - sự kiên nhẫn, bền bỉ, cần cù với đời sống lao động
    - tâm trạng người tù
      - gắn bó tha thiết với người lao động dù bất cứ hoàn cảnh nào
      - cảnh được nhìn từ tâm trạng vui, hứng khởi,lạc quan
      - quên đi cảnh ngộ đầy ải của bạn thân để chia sẻ niềm vui đời thường
      - vẻ đẹp tinh thần nhân đạo quên mình của Hồ Chí Minh

II/ Chất thép

Chất thép

- Tinh thần tự do
  - hoàn cảnh mất tự do
    - hôm nay xiềng xích thay dây trói
    - bị giam hãm: thân thể ở trong lao
  - tinh thần tự do
    - vẫn tự do thanh thản, ung dung tự tại
    - vừa mang tâm hồn thi sĩ
- bản lĩnh chiến sĩ
  - hoàn cảnh đầy ải
    - giải từ sáng sớm: gà gáy một lần đêm chưa tan
    - đi bộ năm mươi ba cây số một ngày
    - áo mũ đầm mưa rách hết giày
  - Ý chí vươn lên
    - vẫn làm thơ: người đi thì hứng bỗng thêm nồng
    - tâm hồn vẫn có thể hòa quyện với thiên nhiên
- lạc quan cách mạng
  - sự vận động hình tượng
    - luôn gắn bó với cuộc sống con người nơi trần thế
    - từ buổi chiều đến ánh lửa rực hồng, ấm áp
    - từ nỗi buồn, mệt mỏi, cô đơn sang niềm vui, yêu đời
    - luôn hướng tới ánh sáng, sự sống, tương lai
  - ngọn lửa hồng
    - gợi không gian tràn đầy ánh sang, ấm áp niềm vui
    - làm xua tan đi cái căng thẳng, mệt mỏi của người tù
    - con người lạc quan hướng tới ánh sáng

Chữ người tử tù

Nguyễn Tuân

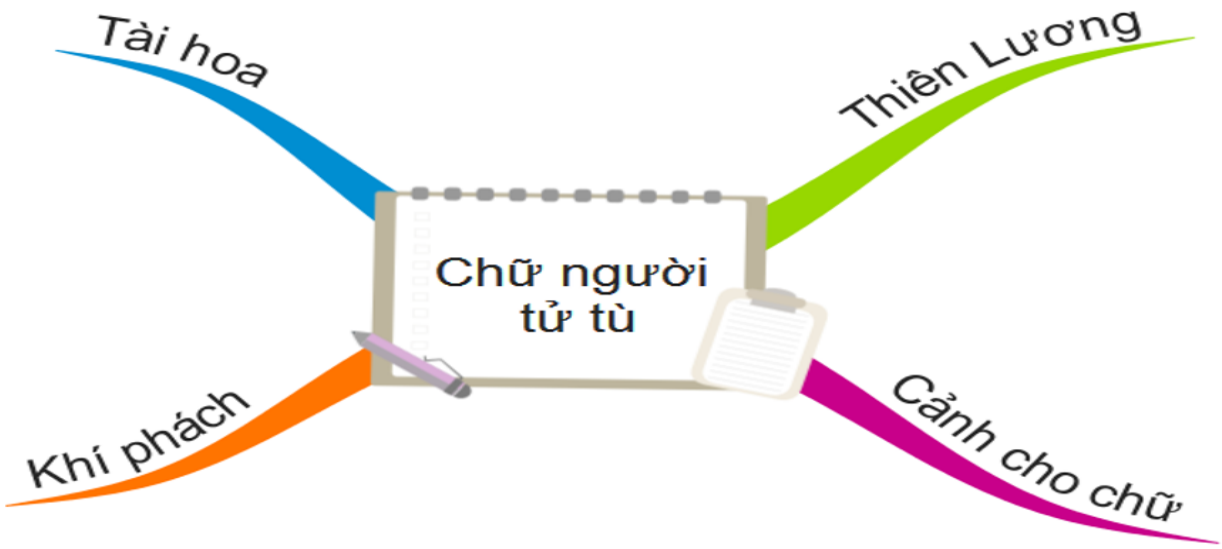

I/ Tài hoa

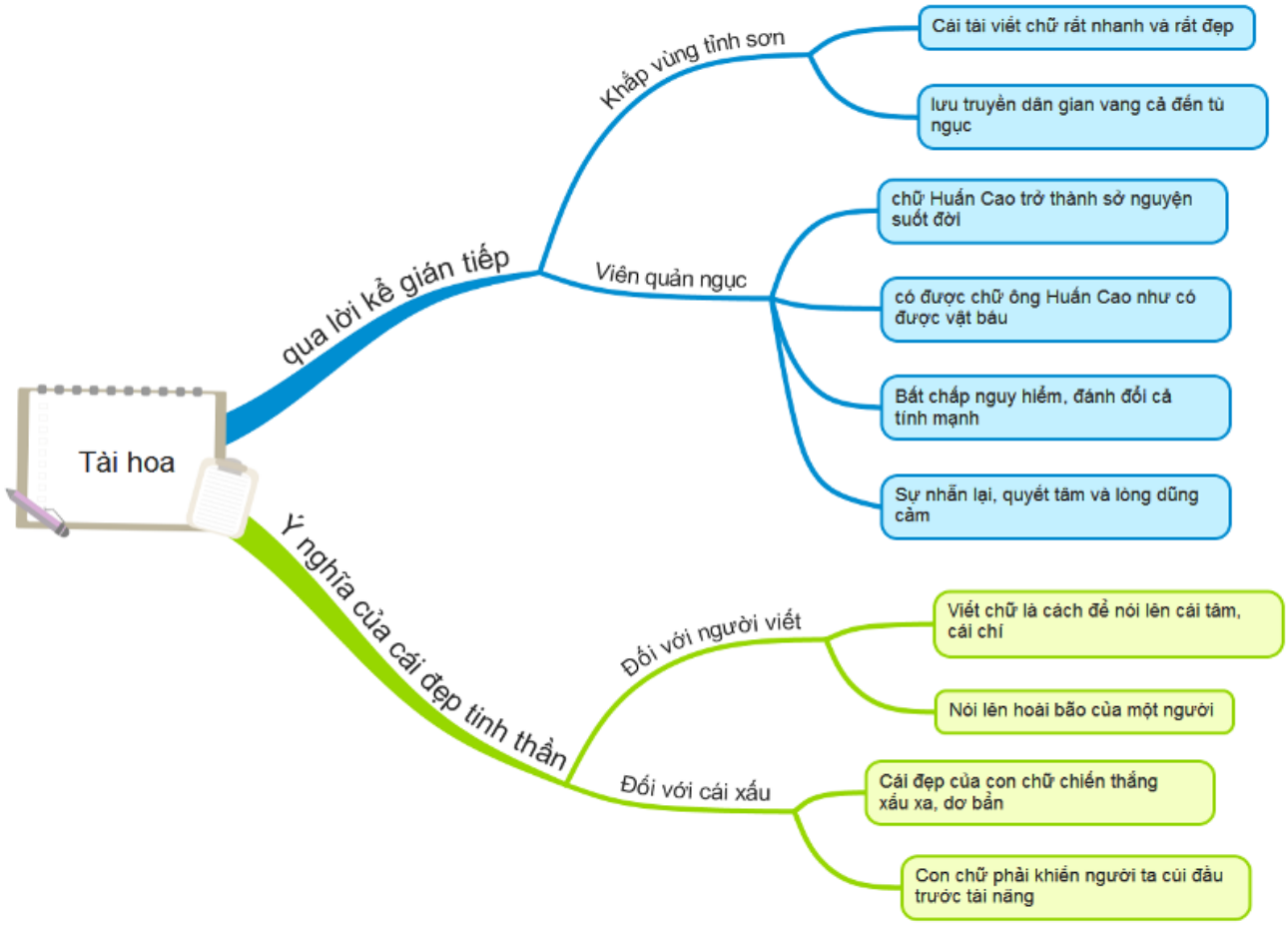
Tài hoa
qua lời kể gián tiếp
Khắp vùng tỉnh sơn
Cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp
lưu truyền dân gian vang cả đến tù ngục
Viên quản ngục
chữ Huấn Cao trở thành sở nguyện suốt đời
có được chữ ông Huấn Cao như có được vật báu
Bất chấp nguy hiểm, đánh đổi cả tính mạnh
Sự nhẫn lại, quyết tâm và lòng dũng cảm
Ý nghĩa của cái đẹp tinh thần
Đối với người viết
Viết chữ là cách để nói lên cái tâm, cái chí
Nói lên hoài bão của một người
Đối với cái xấu
Cái đẹp của con chữ chiến thắng xấu xa, dơ bẩn
Con chữ phải khiến người ta cúi đầu trước tài năng

II/ Khí phách

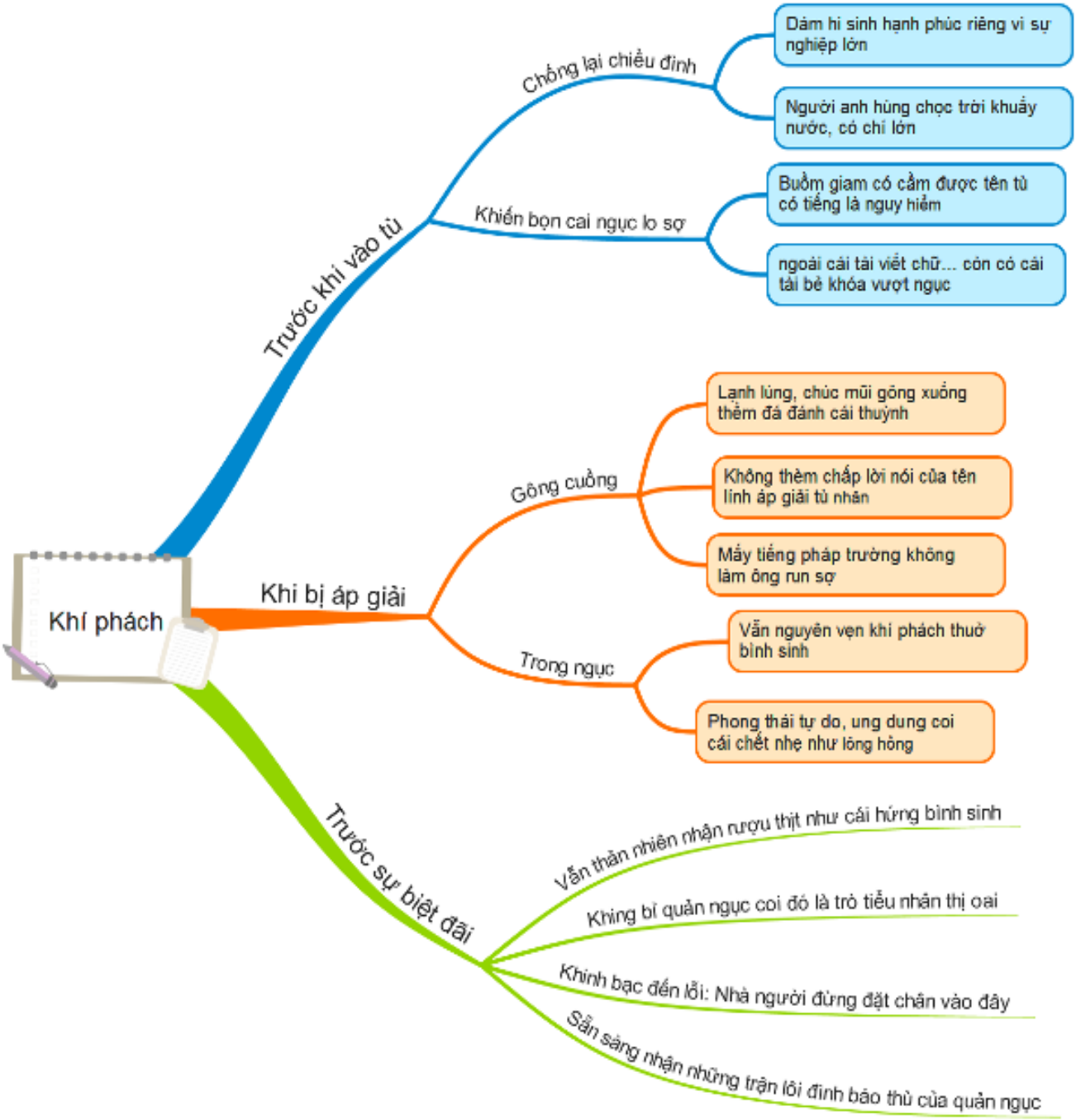

III/ Thiên lương

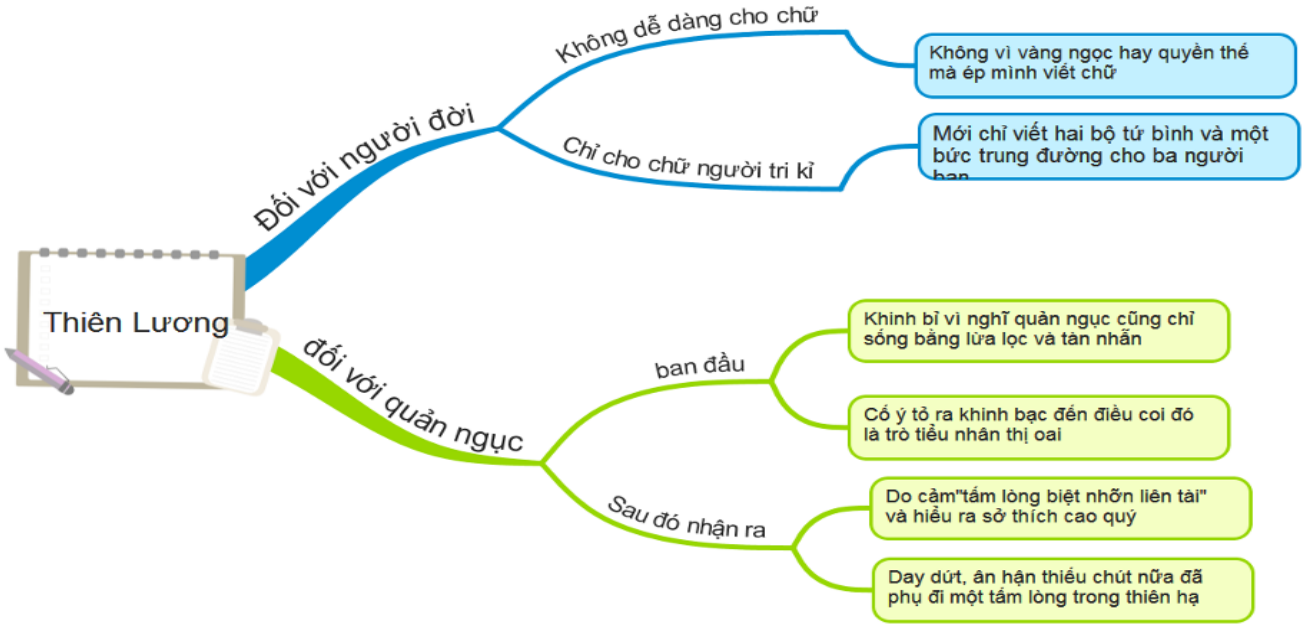

IV/ Cảnh cho chữ

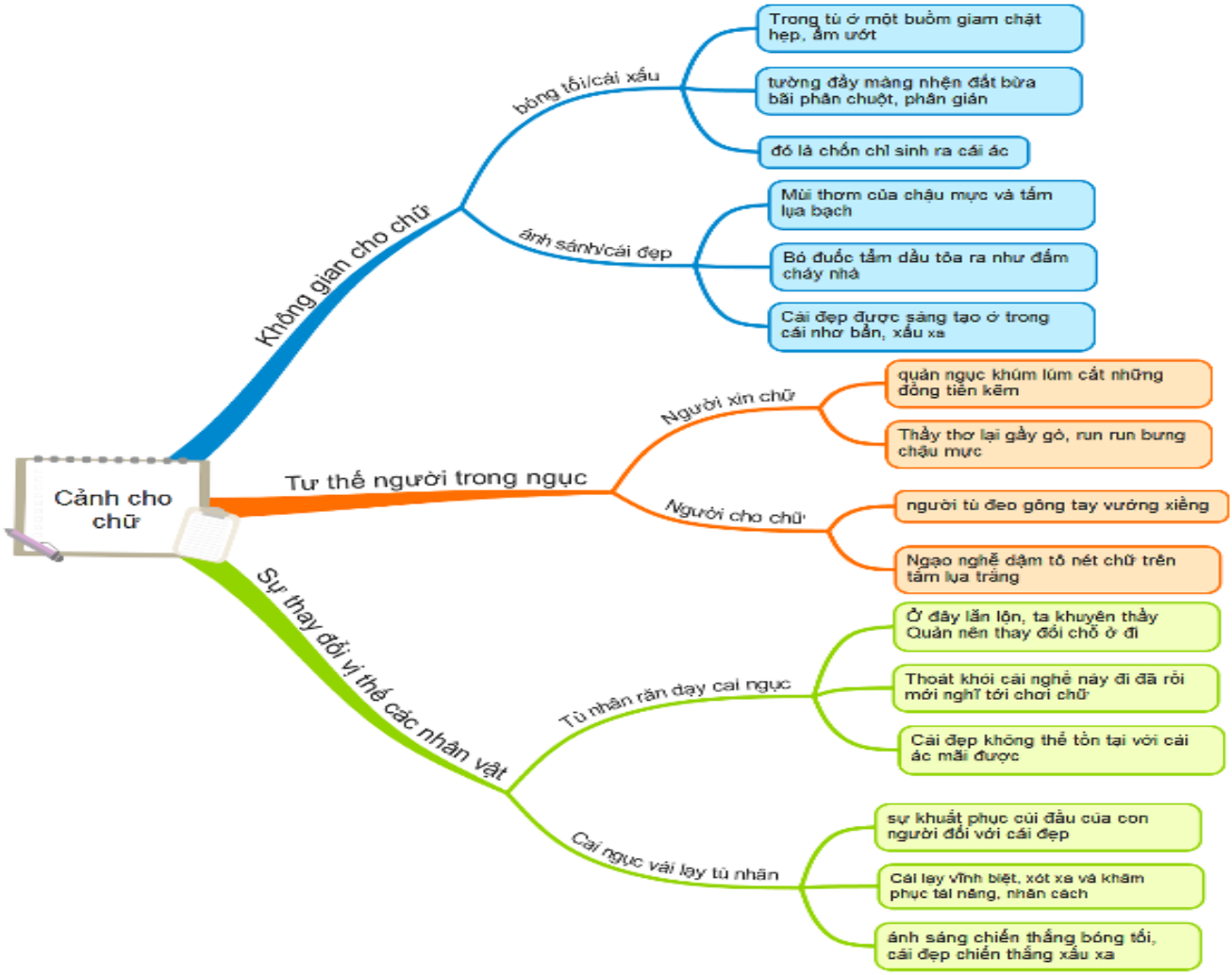

Đây thôn vĩ dạ

Hàn Mặc Tử

I/ Bức tranh thiên nhiên

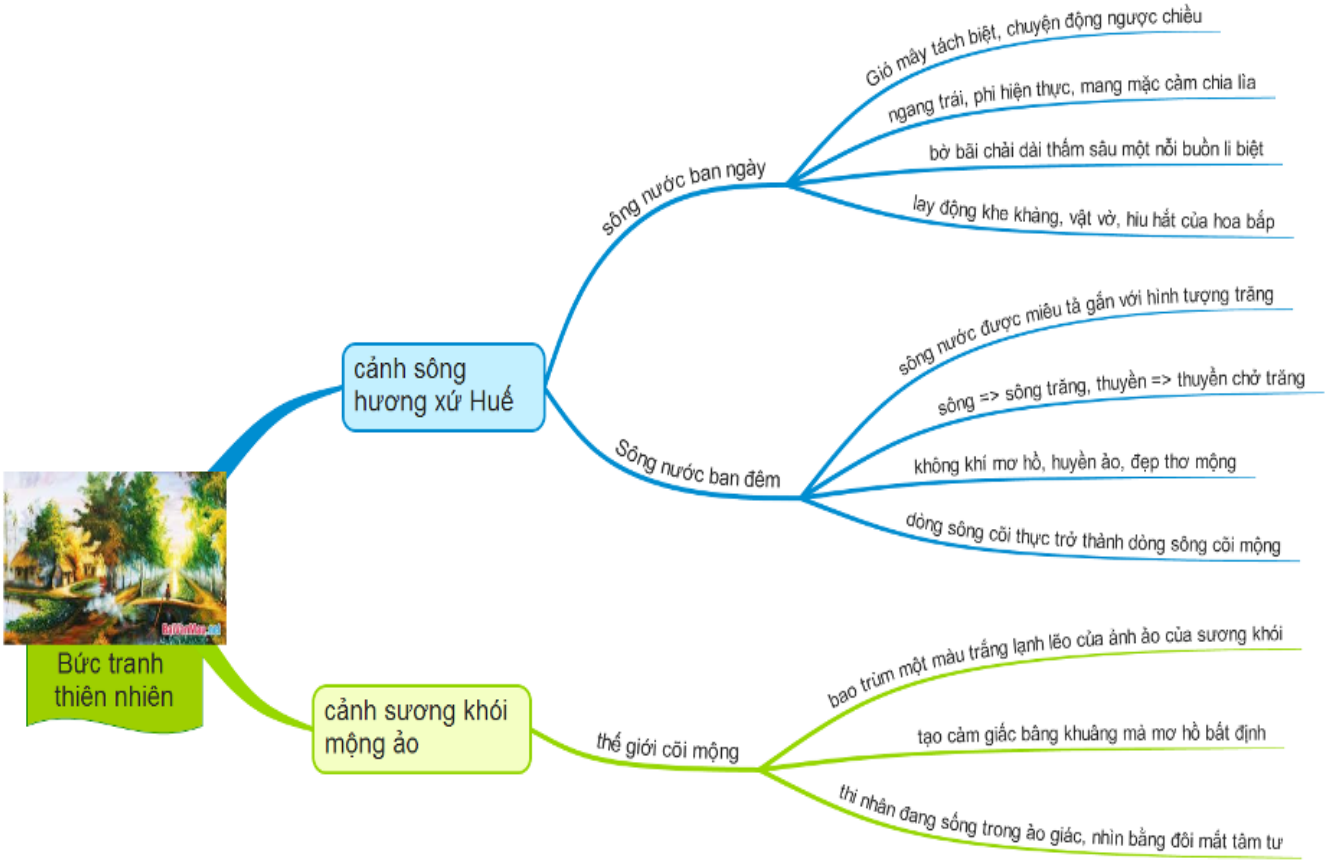

II/ Tâm sự tình yêu

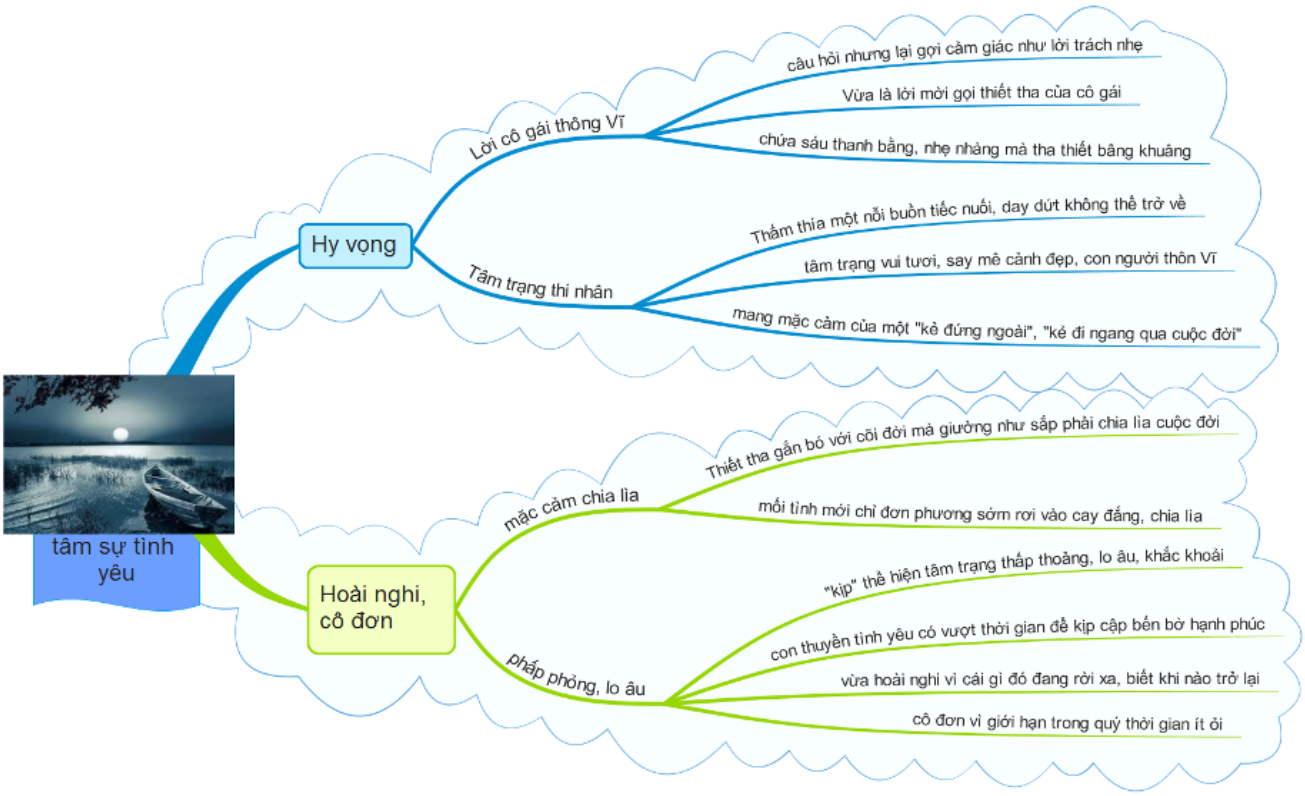

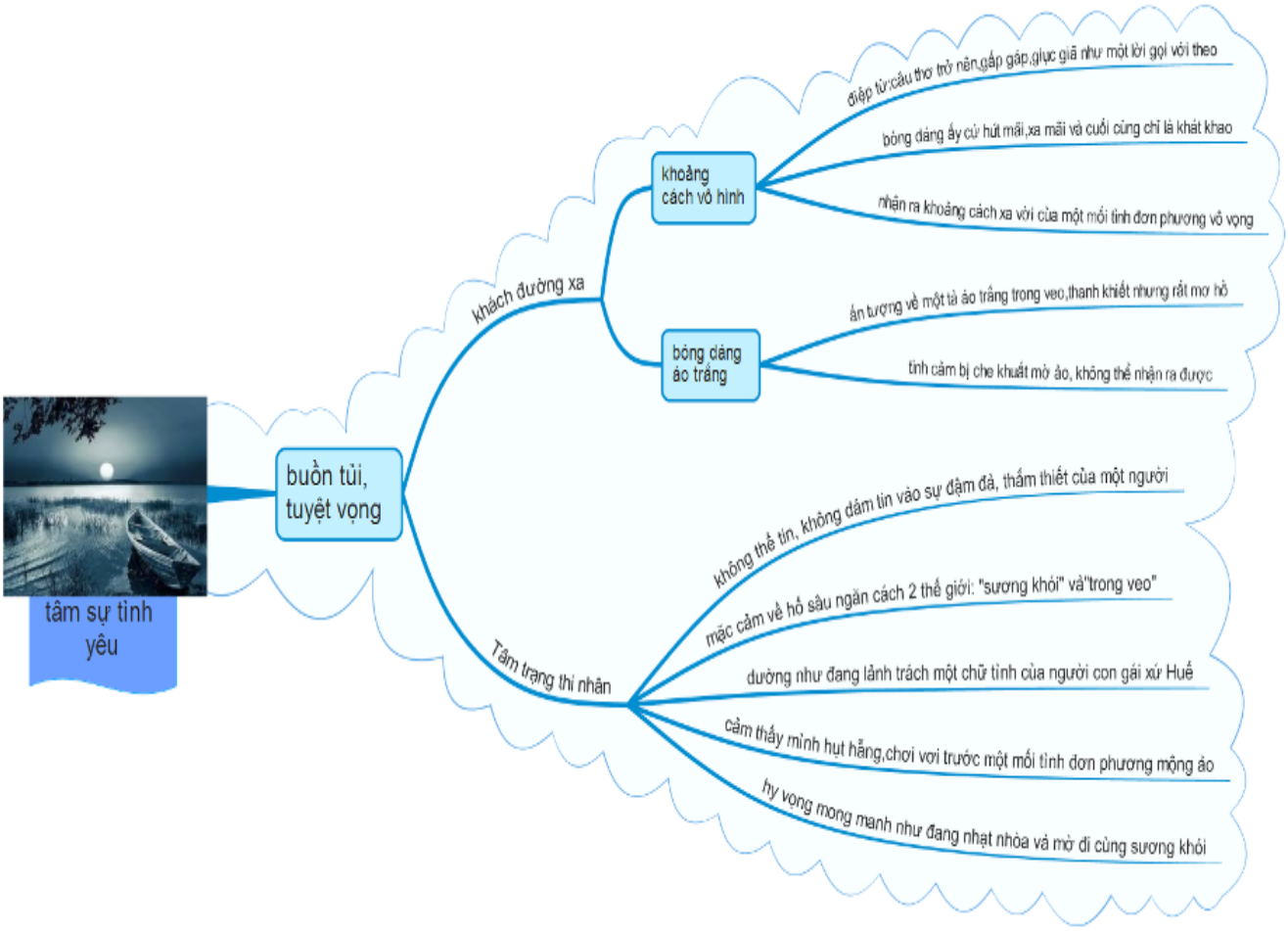
tâm sự tình yêu
buồn tủi, tuyệt vọng
khách đường xa
khoảng cách vô hình
điệp từ:câu thơ trở nên,gấp gáp,giục giã như một lời gọi với theo
bóng dáng ấy cứ hút mãi,xa mãi và cuối cùng chỉ là khát khao
nhận ra khoảng cách xa vời của một mối tình đơn phương vô vọng
bóng dáng áo trắng
ấn tượng về một tà áo trắng trong veo,thanh khiết nhưng rất mơ hồ
tình cảm bị che khuất mờ ảo, không thể nhận ra được
Tâm trạng thi nhân
không thể tin, không dám tin vào sự đậm đà, thắm thiết của một người
mặc cảm về hố sâu ngăn cách 2 thế giới: "sương khói" và"trong veo"
dường như đang lảnh trách một chữ tình của người con gái xứ Huế
cảm thấy mình hụt hẫng,chơi vơi trước một mối tình đơn phương mộng ảo
hy vọng mong manh như đang nhạt nhòa và mờ đi cùng sương khói

Hai đứa trẻ

Thạch Lam

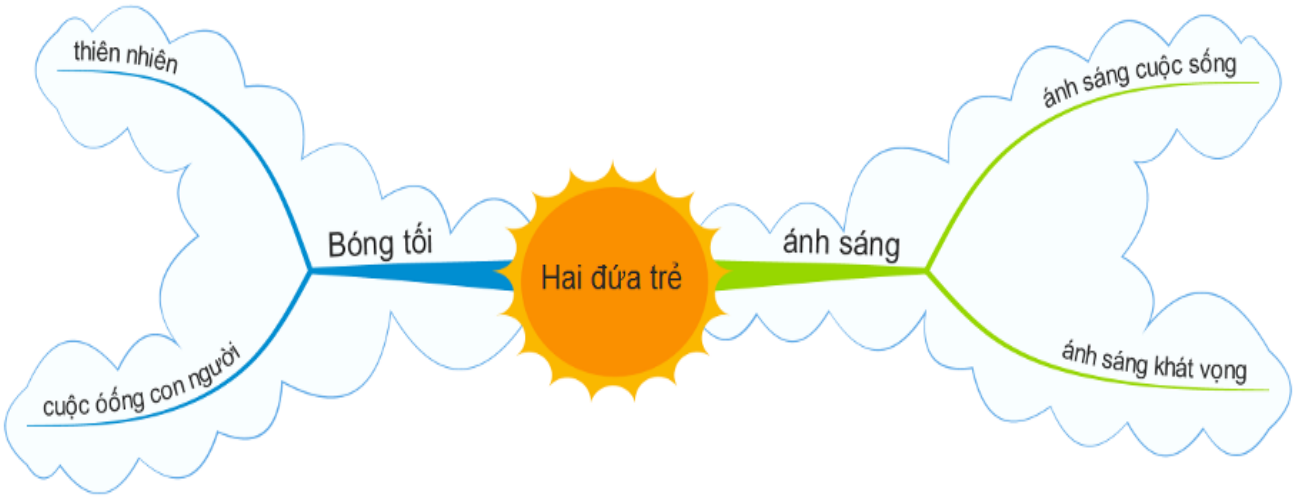

I/ Bóng tối

a/ thiên nhiên

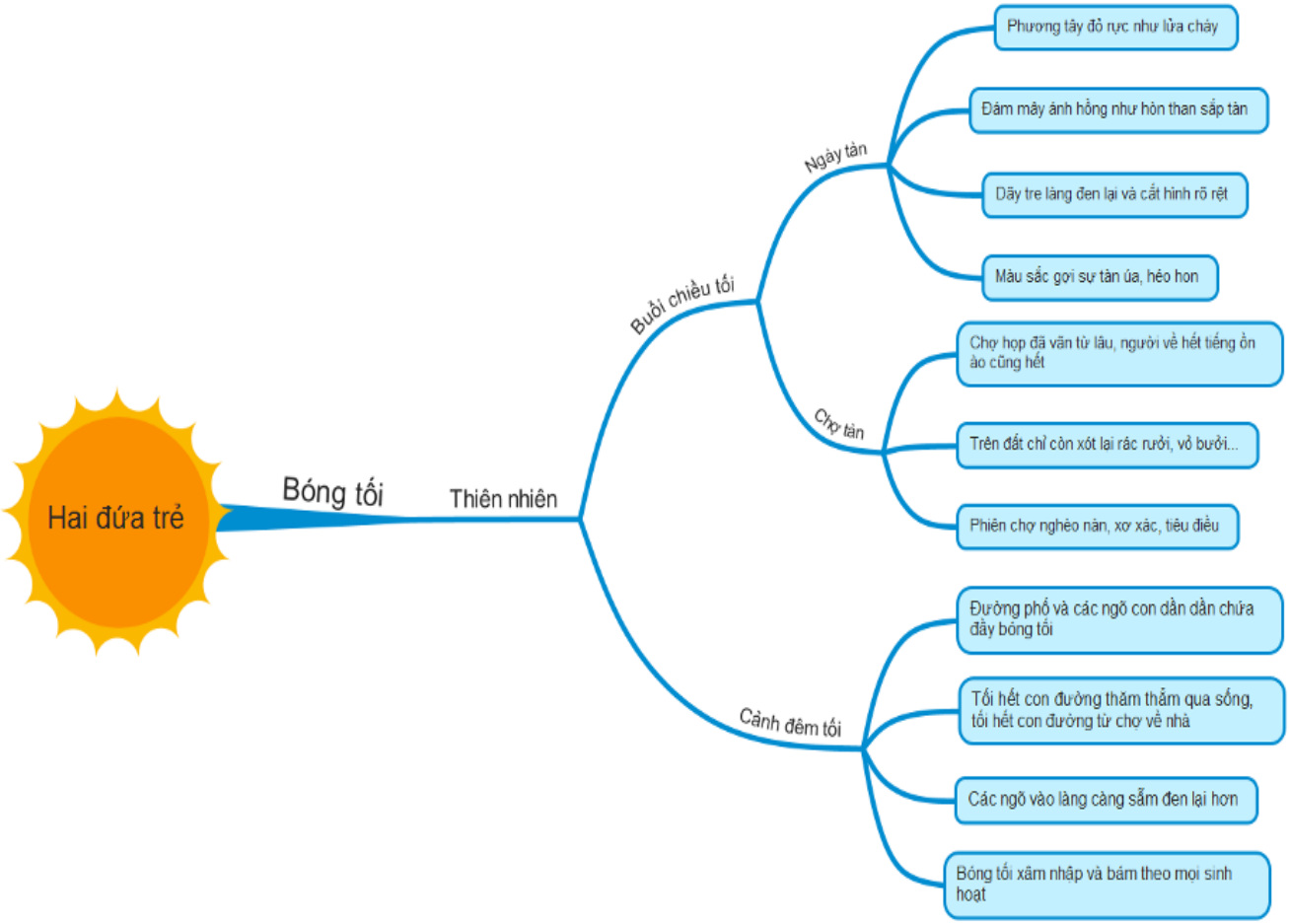

b/ Cuộc sống con người

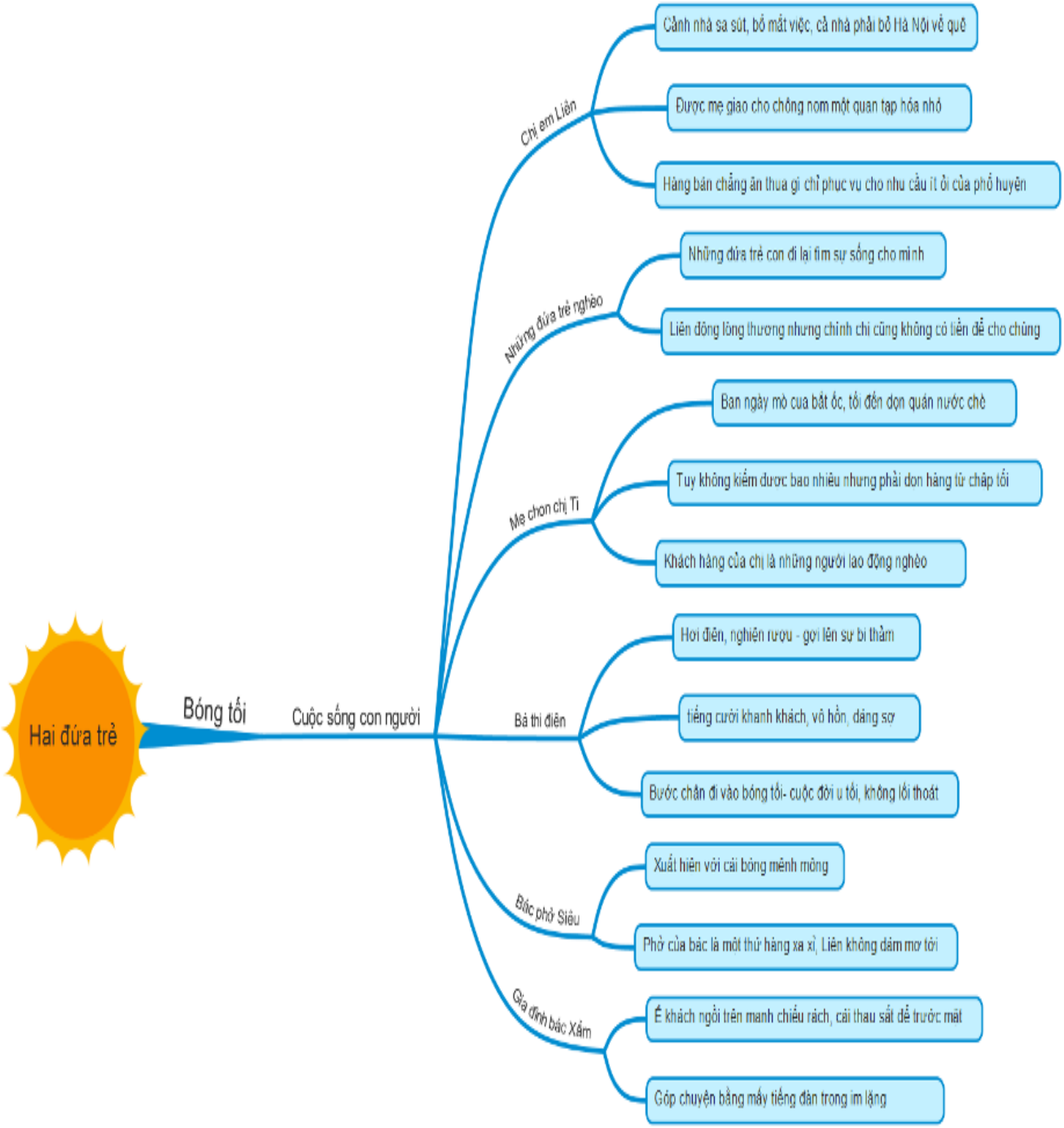

II/ Ánh sáng

b/ ánh sáng cuộc sống

b/ ánh sáng khát vọng

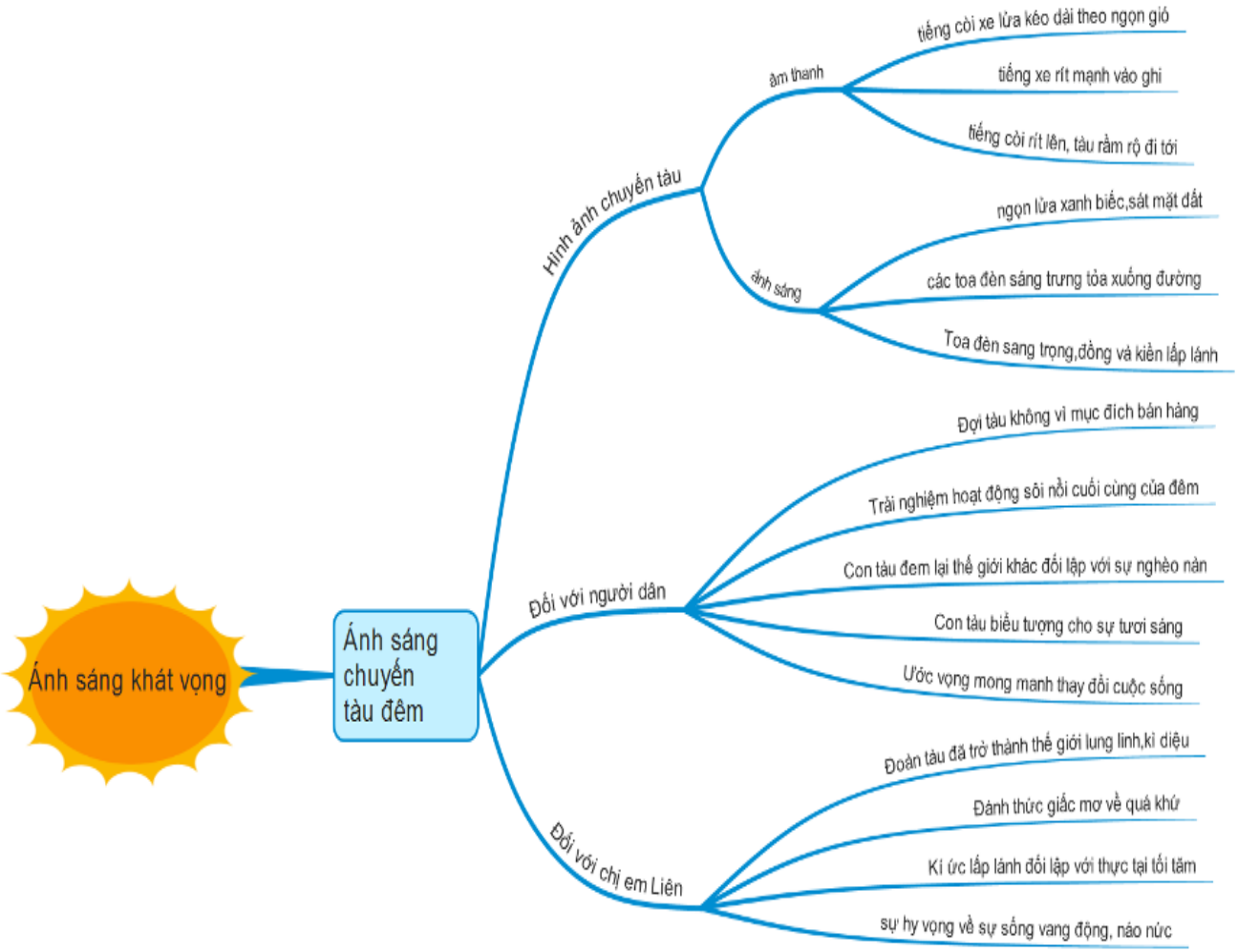

Thương vợ

Tế Xương

I/ Hình ảnh bà Tú

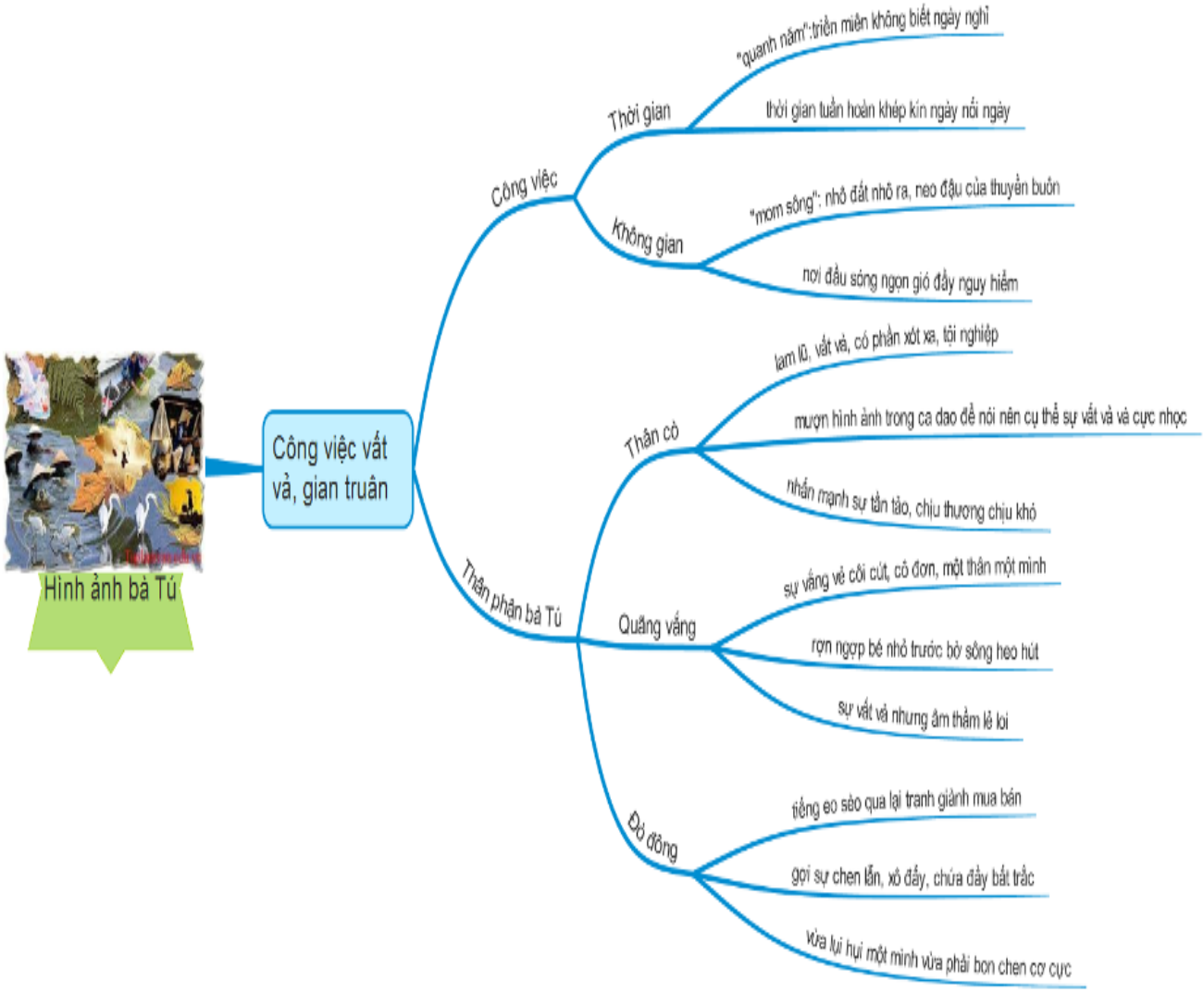

Hình ảnh bà Tú

- Những đức tính cao đẹp
  - hy sinh vì chồng vì con
    - nuôi đủ
      - gánh nặng gia đình đè nặng nên vai người vợ
      - vất vả nhưng đảm đang tháo vát
      - nghịch lý của sự "nuôi" - chu đáo vì chồng con
    - cách đếm
      - một-hai-năm-mười như chất chứa nỗi khổ cực
      - xếp ngang hàng ông chồng cũng phải nuôi như con
  - cam chịu, nhẫn nhục
    - âu đành phận
      - Duyên một mà hai nợ, là cái nợ chồng, nợ con phải gánh
      - không thờ dài cay đắng hay than phân trách phận
      - hiểu đời, hiểu chồng trước sau giữ đúng đạo nghĩa
    - đảm quân công
      - năm nắng mười mưa: vất vả gian truân-chịu thương chịu khó
      - nhận cay đắng về mình nhường hạnh phúc cho chồng con
      - sự bao dung nhẫn nhịn, vị tha, tự nguyện hi sinh
      - đó là truyền thống của người phụ nữ Việt Nam

II/ Tấm lòng ông Tú

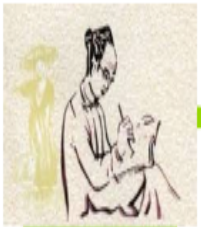

Tấm lòng ông Tú

- yêu thương quý trọng tri ân vợ
  - thấu hiểu công lao
    - ca ngợi hình ảnh người vợ
      - đảm đang tháo vát: tiền bạc phó cho con mụ kiếm
      - hy sinh nhẫn nhịn trọn vẹn đạo nghĩ vợ chồng
    - thấu hiểu vất vả và cực nhọc
      - gánh nặng gia đình: Thương đầu nhỡ lưng một mẹ mày
      - người chồng không đỡ đần mà con làm gánh thêm nặng
  - Xót thương
    - lo lắng, ái ngại
      - thân cò mỏng manh yếu đuối băng qua thời gian, không gian
      - sợ những bất trắc của cuộc bươm trải buôn bán ở mon sông
      - sông sâu cũng phải lặn lội, đò đầy lại càng phải eo sèo mua bán
    - tấm lòng tri ân
      - luôn ẩn chứa một cái nhìn dõi theo của người chồng
      - bên cạnh sự nịnh vợ rất khéo là tấm trân tình sâu sắc

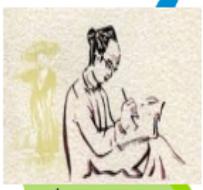

Tấm lòng ông Tú

- Tự trách mình
  - Nhận lỗi về mình
    - gánh nặng cho vợ
      - tự trào bản thân: xếp ngang mình với các con để đếm
      - nhận thức sự bất công khi là ông quan tại gia ăn lương vợ
    - vô duyên vô tích sự
      - Bà Tú gắn với ông Tú vì một duyên mà nợ thì gấp đôi
      - Bà Tú niềm hạnh phúc lớn lao tạo dựng sự nghiệp
      - Với Bà Tú, ông Tú nhận là gánh nặng là cái nợ đời khó trả
  - tự rủa mình
    - Hờ hững như không
      - nhận lỗi về mình một cách rạch ròi và trân thành
      - tự phán xét mình rất nghiêm khắc(vô tích sự,vô tình)
      - chửi mình là lời khen vợ, ninh vợ rất tài tình
      - tấm chân tình của người chồng-thi nhân-nhân cách cao đẹp
- Chửi thói đời
  - bi phẫn dồn nén bật thành tiếng chửi
    - chửi thành kiến xã hội phong kiến
      - thân phận người phụ nữ chịu nhiều bất công cam chịu
      - tập tục nho giáo trói buộc: xuất gia tòng phu
    - xã hội bạc béo,vô tình
      - người vợ tần tảo mà vẫn nghèo đói, có duyên mà không được hưởng
      - không cho phép ông Tú được thương vợ một cách thiết thực
      - phê phán cái danh hiệu hão huyền của một anh đồ nho-quan tại gia

Tràng giang

Huy Cận

I/ Khổ 1

II/ Khổ 2

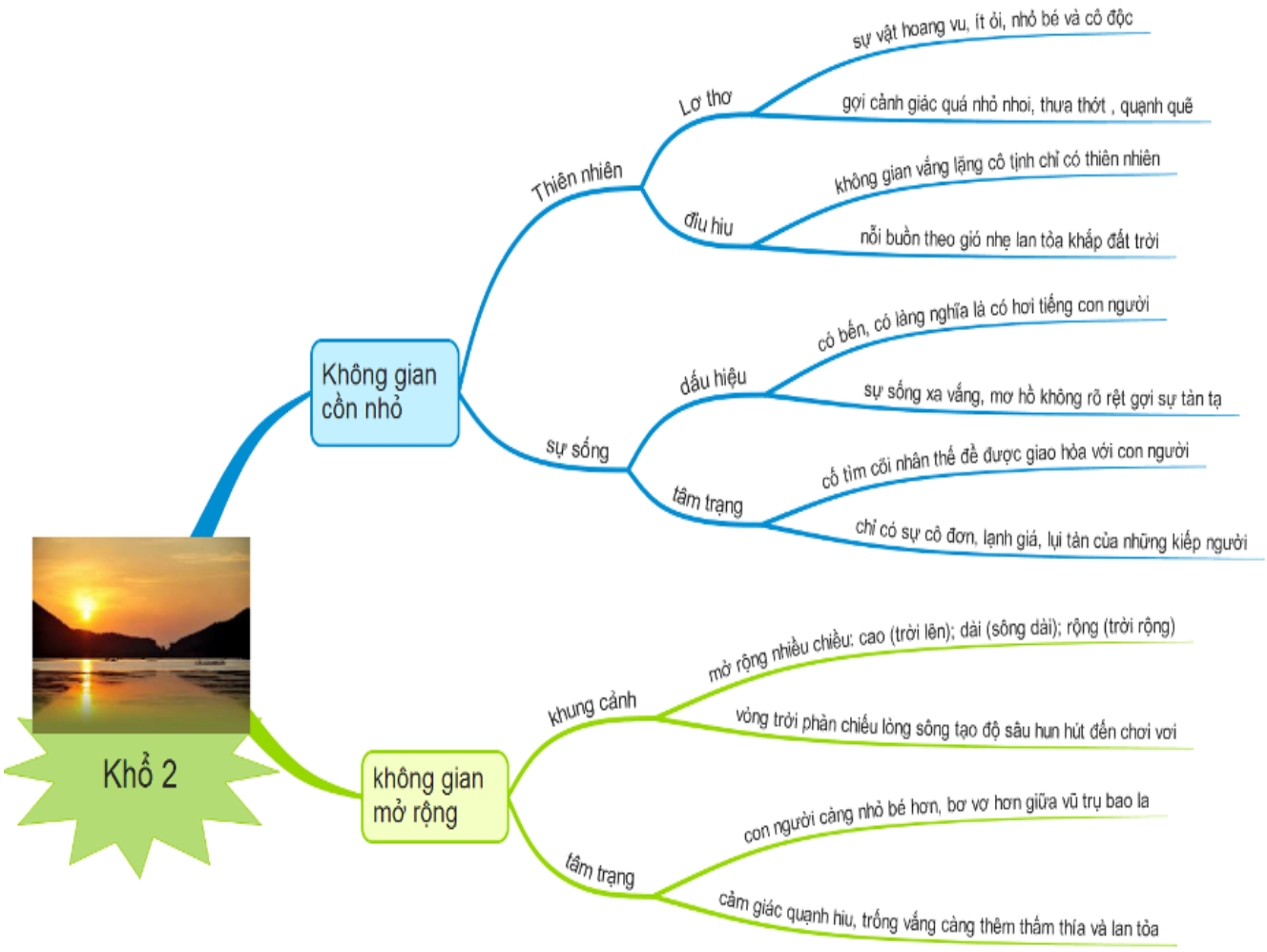

III/ Khổ 3

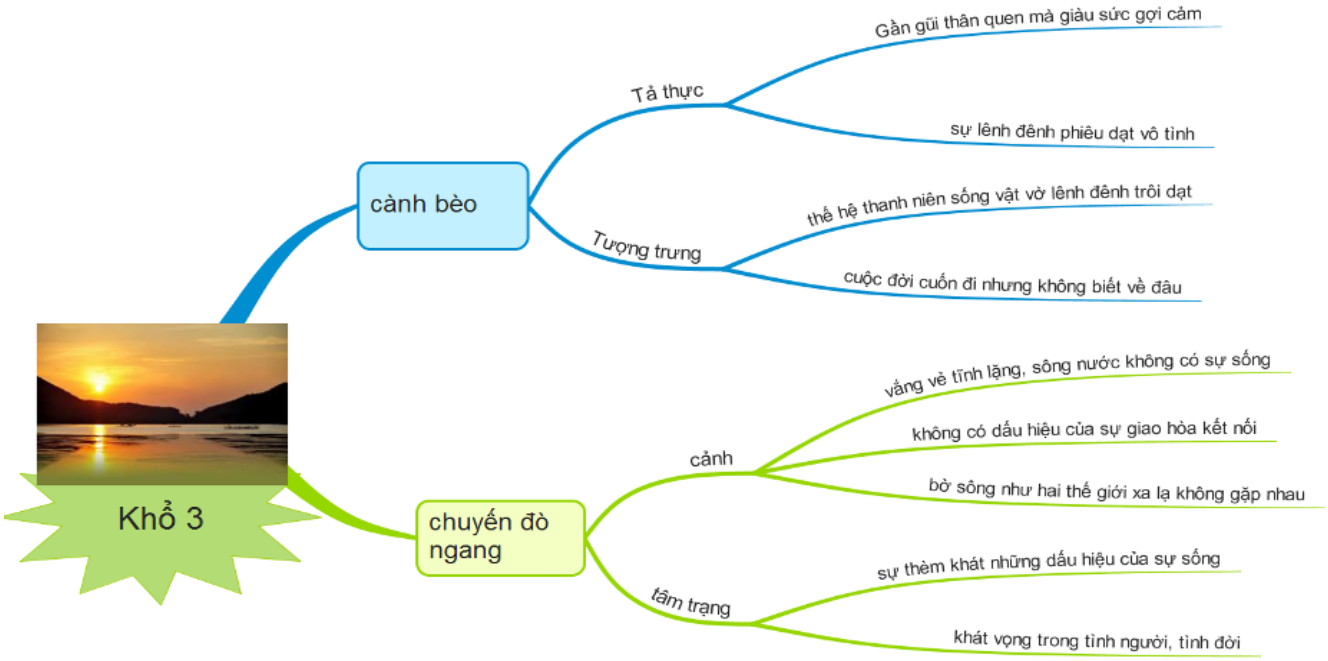

IV/ Khổ 4

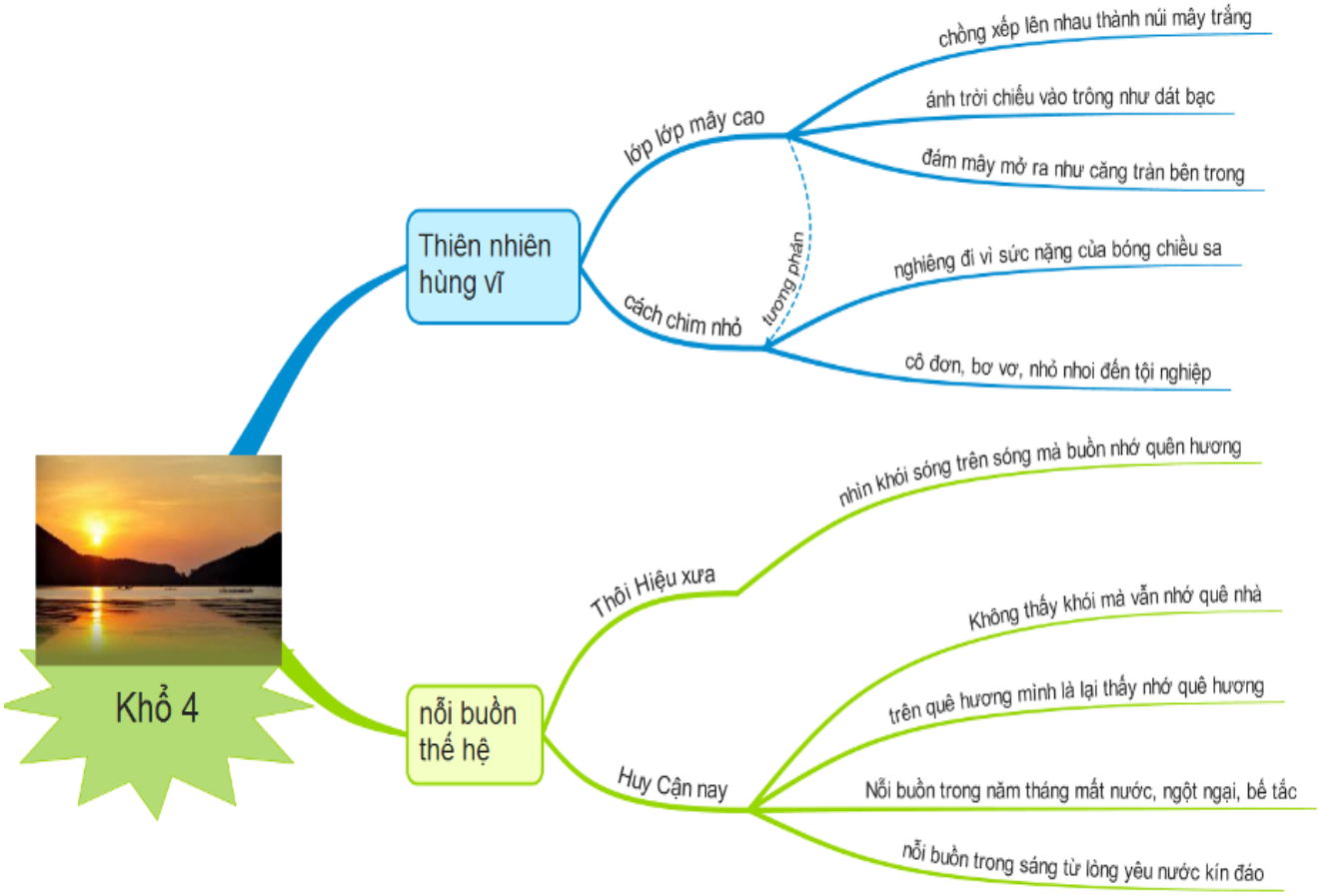
Khổ 4
Thiên nhiên hùng vĩ
lớp lớp mây cao
chồng xếp lên nhau thành núi mây trắng
ánh trời chiếu vào trông như dát bạc
đám mây mở ra như căng tràn bên trong
tương phản
cách chim nhỏ
nghiêng đi vì sức nặng của bóng chiều sa
cô đơn, bơ vơ, nhỏ nhoi đến tội nghiệp
nỗi buồn thế hệ
Thôi Hiệu xưa
nhìn khói sóng trên sóng mà buồn nhớ quên hương
Huy Cận nay
Không thấy khói mà vẫn nhớ quê nhà
trên quê hương mình là lại thấy nhớ quê hương
Nỗi buồn trong năm tháng mất nước, ngột ngại, bế tắc
nỗi buồn trong sáng từ lòng yêu nước kín đáo

Từ ấy

Tố Hữu

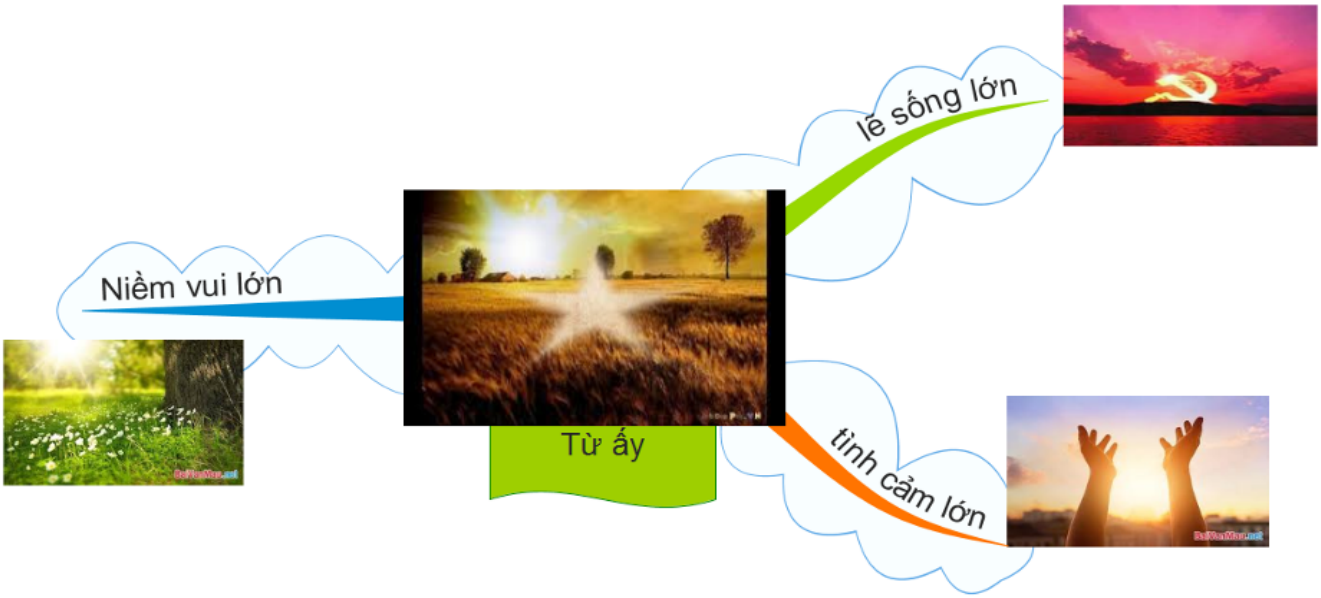

I/ Niềm vui lớn

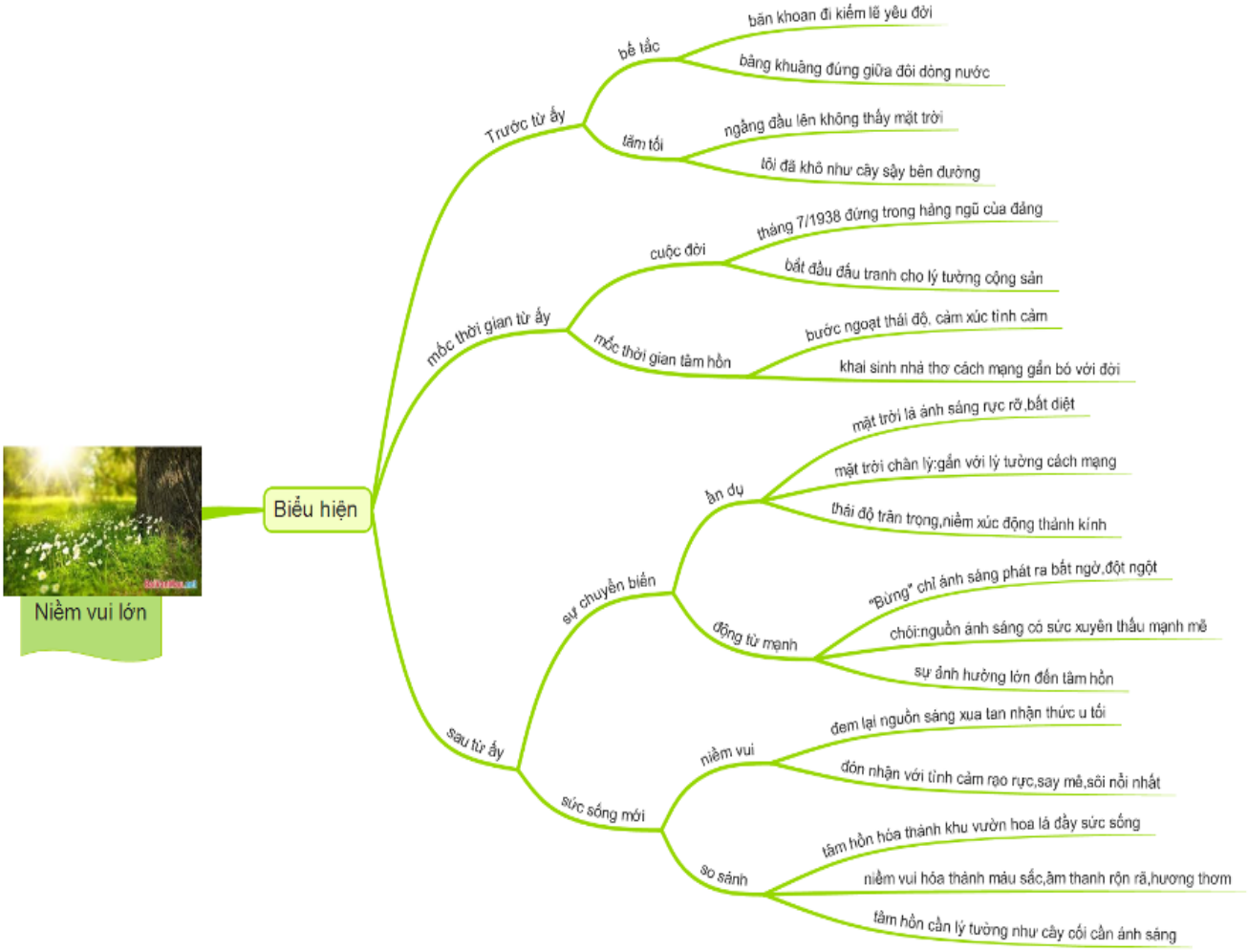

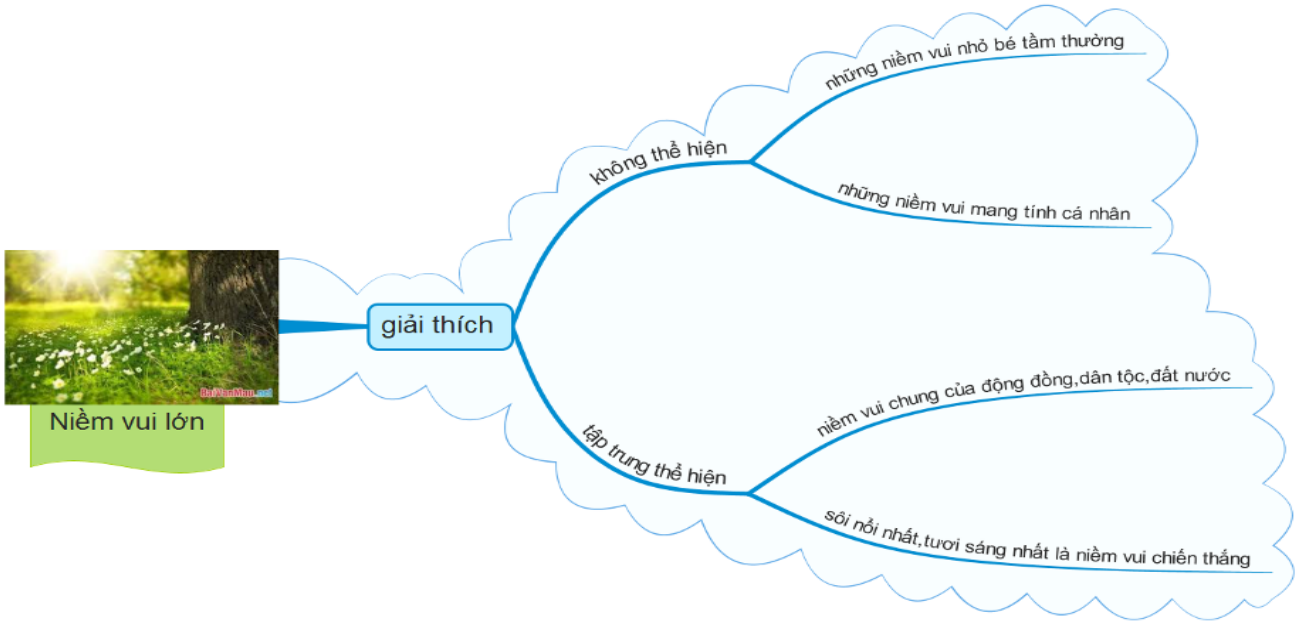

II/ Lẽ sống lớn

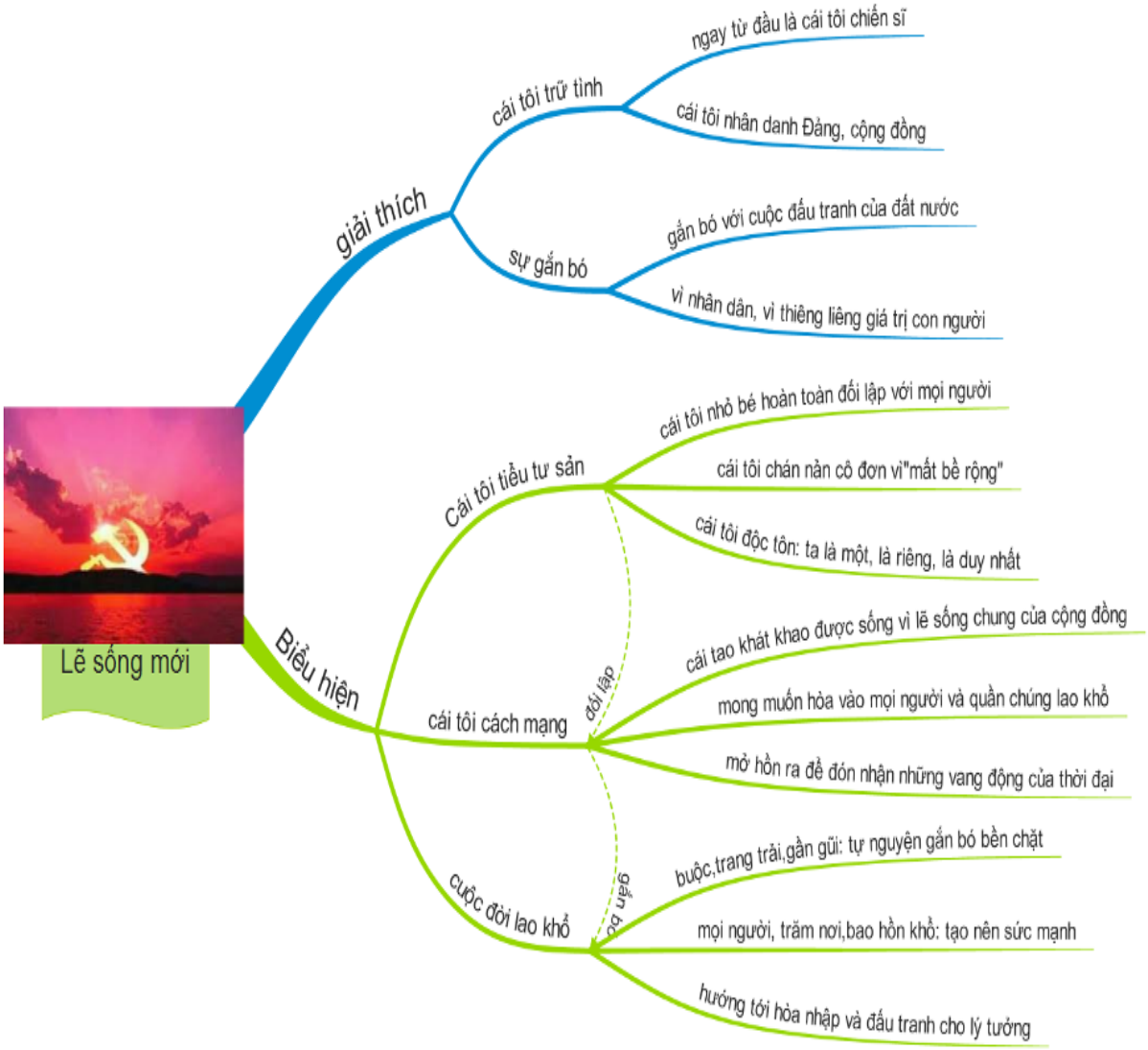

III/ Tình cảm lớn

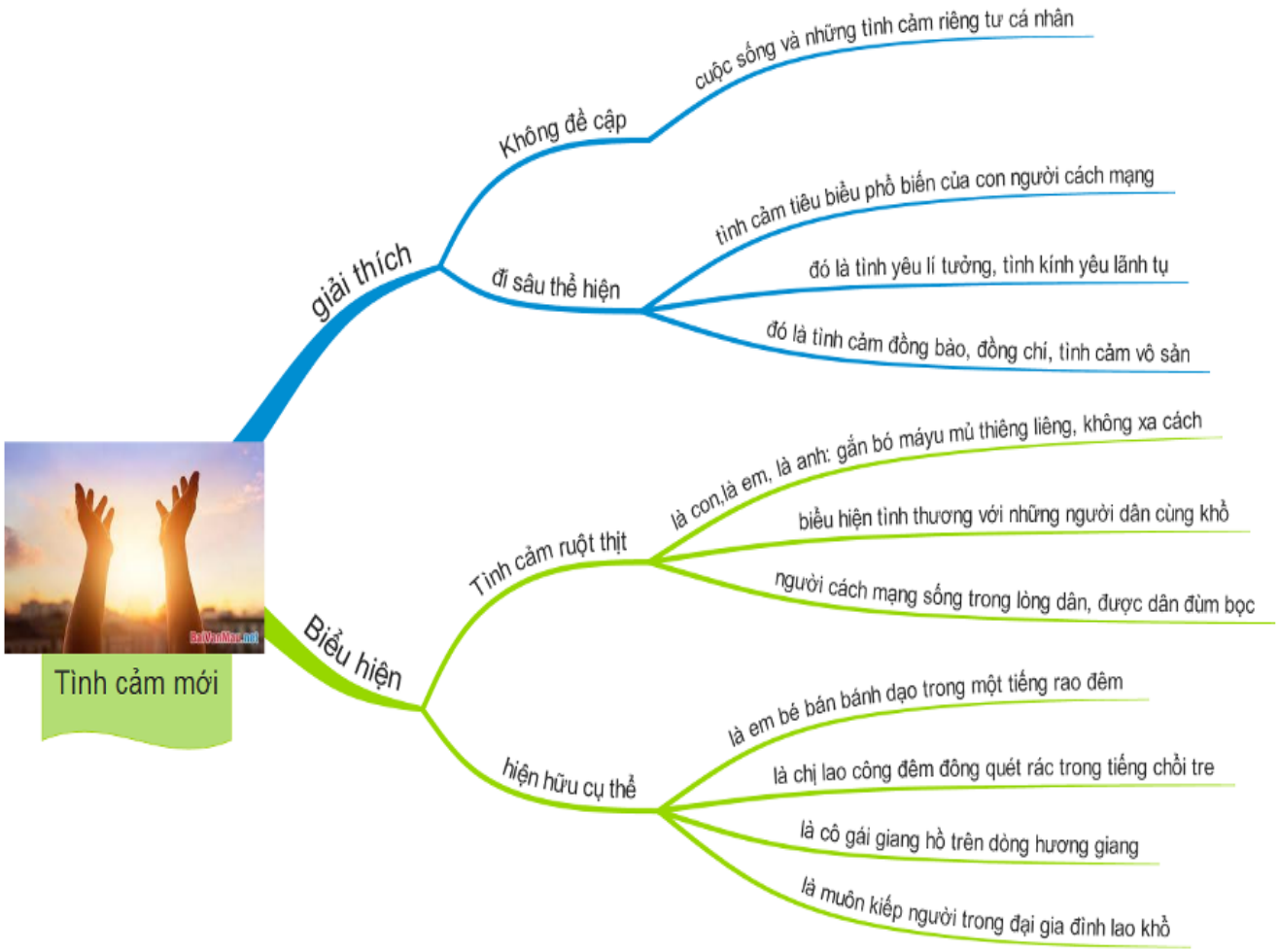

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

Nguyễn Đình Chiểu

I/ Bối cảnh thời đại

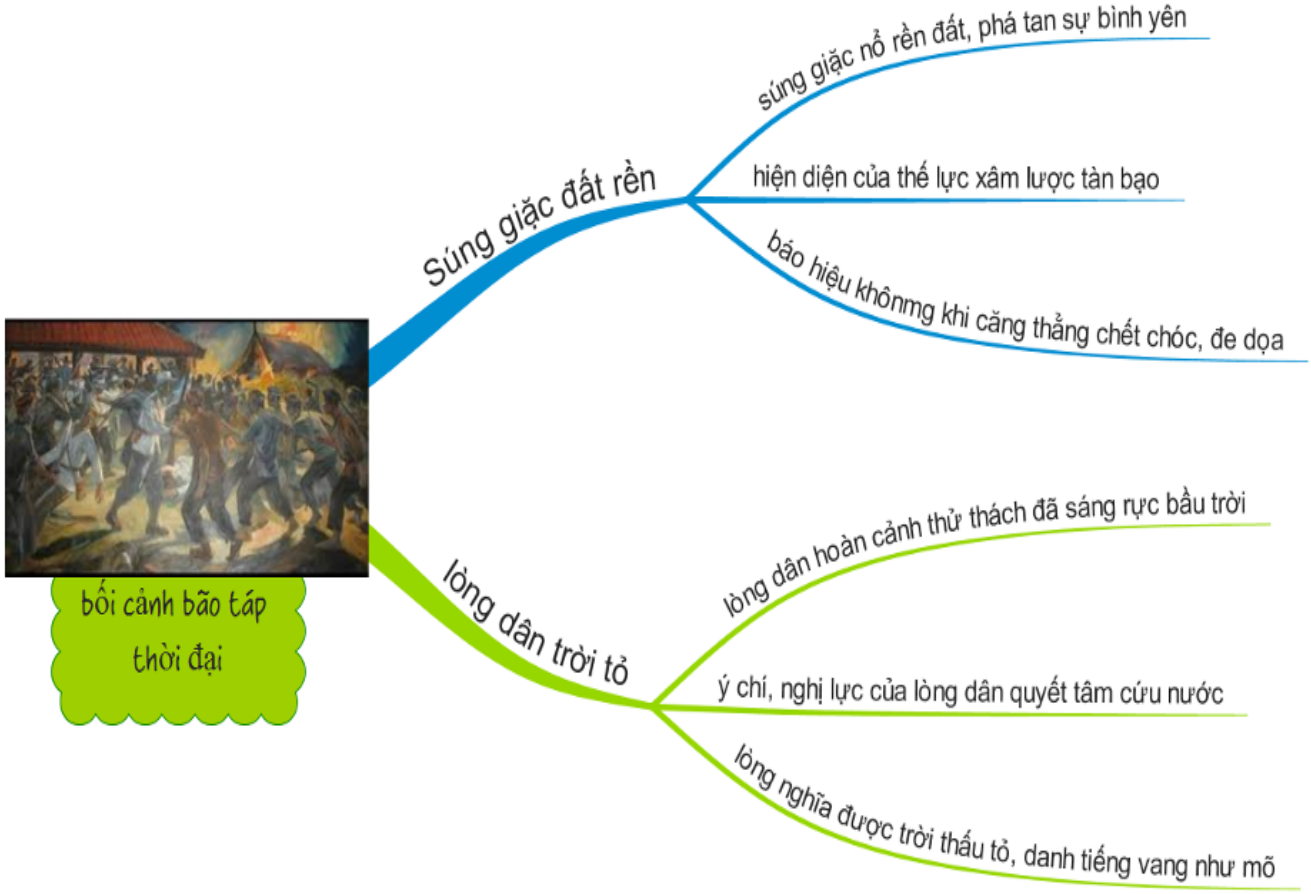

II/ Cuộc đời, xuất thân

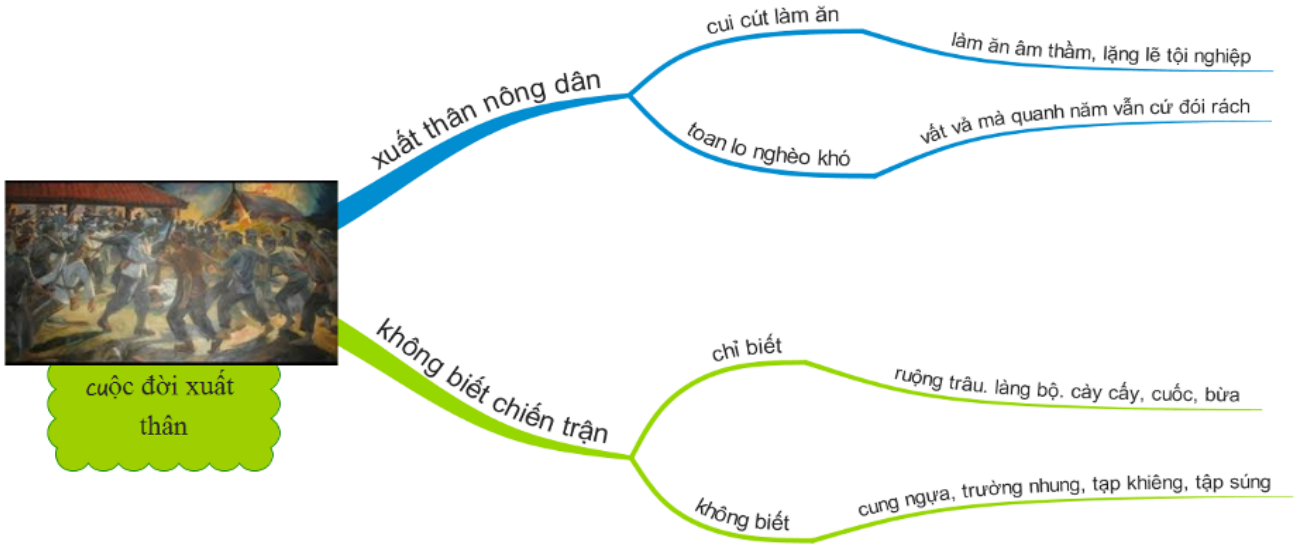

III/ Khi giặc xâm chiếm

IV/ Khi xông trận

- khi xông trận
  - trang bị
    - kẻ thù
      - họ có đạn nhỏ, đạn to, tàu thiếc, tàu đồng
      - đều là những vũ khí tối tân nhưng không làm ta nao núng
    - người nông dân
      - chưa tập rèn võ nghệ, chưa bày bố binh thư
      - chỉ có manh áo vải, ngọn tầm vông, rơm con cúi
      - vũ khí thô sơ chỉ là đồ dùng sinh hoạt hàng ngày
  - khi thế xông lên
    - bức tranh công đồn
      - bất chấp nguy hiểm: đạp rào lướt tới, xô cửa xông vào
      - gan dạ: kẻ đâm ngang, người chém ngược
      - coi thương hiểm nguy: liều mình như chẳng có
      - mang sức mạnh của ý chí của mòng yêu nước
    - nghệ thuật miêu tả
      - động từ mạnh, dứt khoát: đánh, đốt, chém, đạp, xô
      - từ đan chéo: đâm ngang, chém ngược, lứt tới, xông vào
      - ngắt nhịp ngắn gọn tạo khí thế ồ ạt như vũ bão
      - chi tiết chân thực được chọn lọc có tầm khái quát cao
  - kết quả
    - đạt được
      - kẻ thù khiếp sợ: bọn mã tà ma ní kinh hồn
      - cũng đốt xong nhà dạy đạo kia
      - cũng chém rớt đầu quan hai lọ
    - những hy sinh
      - cuộc chiến không cân sức: đâu biết xác phàm vội bỏ
      - dù họ có thất bại họ vẫn là những anh hùng bất tử

V/ Tiếng khóc bi tráng

- tiếng khóc bi tráng
  - niềm xót thương người nghĩa sĩ
    - kẻ thù
      - tiếc hận cho sự nghiệp còn dang dở, cho chí nguyện chưa thành
      - niềm xót thương của mẹ già, vợ trẻ mất người thân, tổn thất không thể bù đắp
      - nỗi căm hơn kẻ thù đã gây nên nghịch cảnh "tan đàn sẻ nghé"
      - tiếng khóc uất ức nghẹn ngào,trước tình cảnh đau thương của đất nước
      - nỗi đau còn bao trùm cỏ cây sông núi: sông Cần Giuộc, chợ Trường Bình
  - niềm cảm phúc trước cái chết vẻ vang
    - tinh thần ý thức tự giác đứng lên bảo vệ tấc đất ngọn rau
    - làm rạng ngời chân lý: chết vinh còn hơn sống nhục
  - biểu dương công trạng, đời đời ghi nhớ
    - danh tiếng để lại: danh thơm đồn sáu tỉnh dân chúng đều khen
    - đời đời nhớ ơn: tiếng ngay trải muôn đời ai cũng mộ
    - còn khích lệ lòng căm thù, ý chí tiếp tục sự nghiệp còn dang dở

Vội vàng

Xuân Diệu

I/ Ước mơ táo bạo

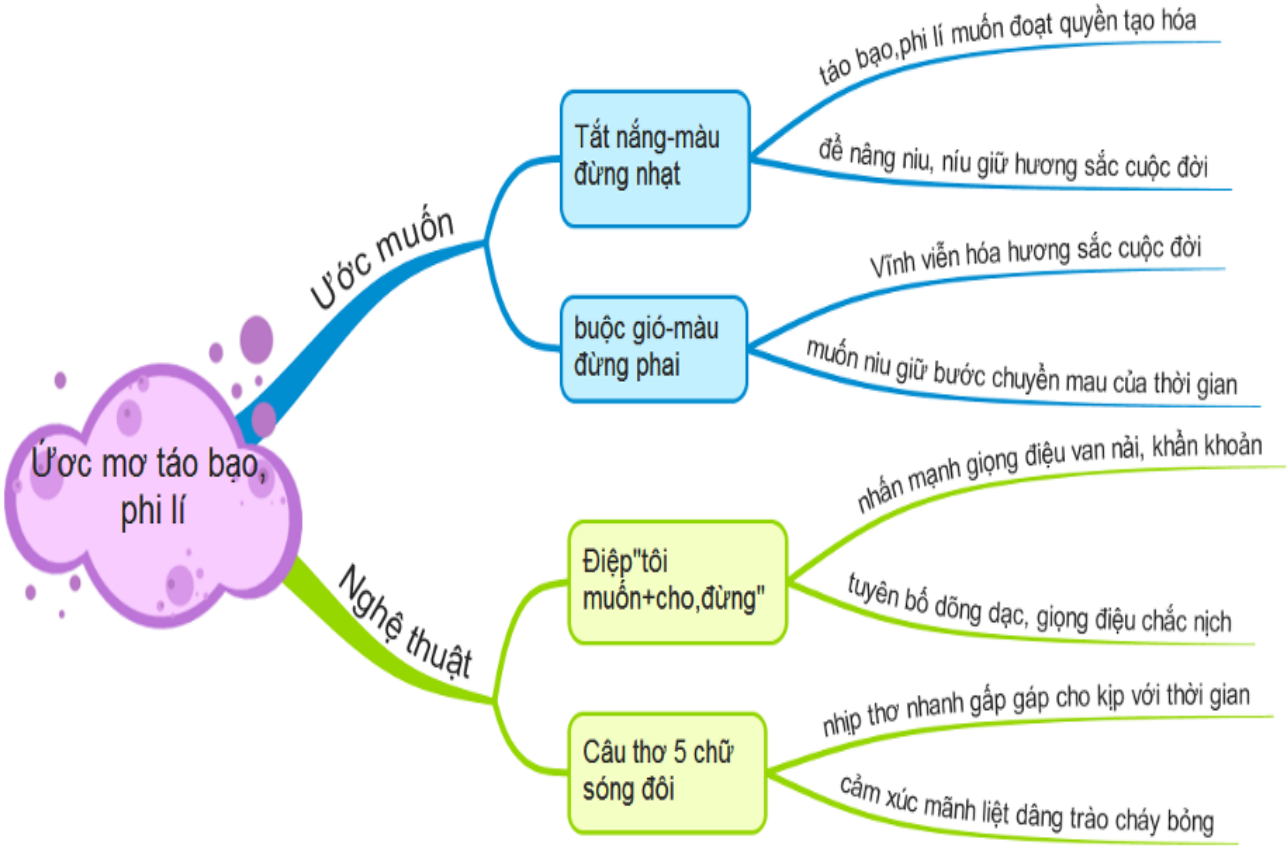

II/ Bức tranh thiên nhiên

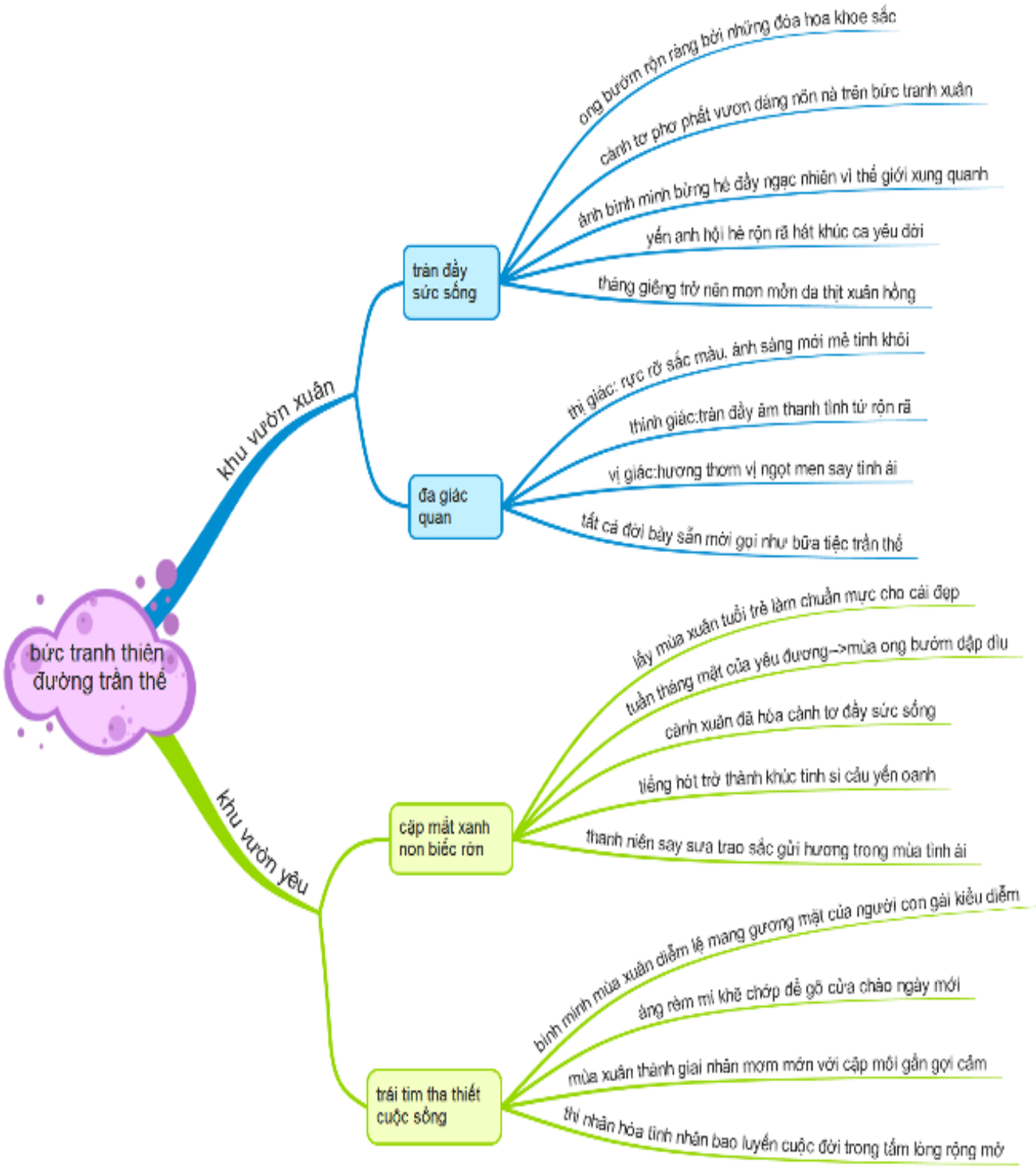

III/ Quan niệm mới

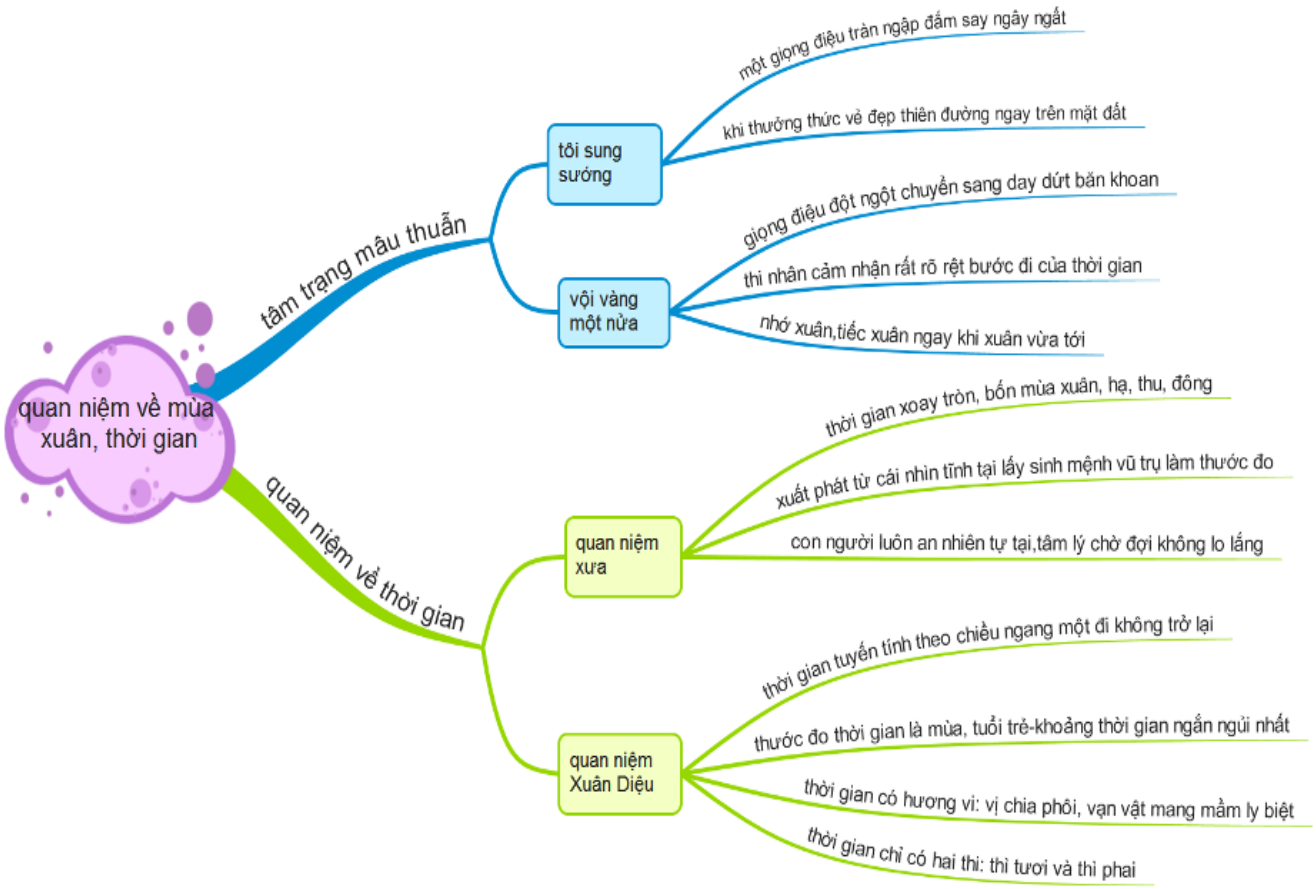

IV/ Thái độ sống gấp gáp vội vàng

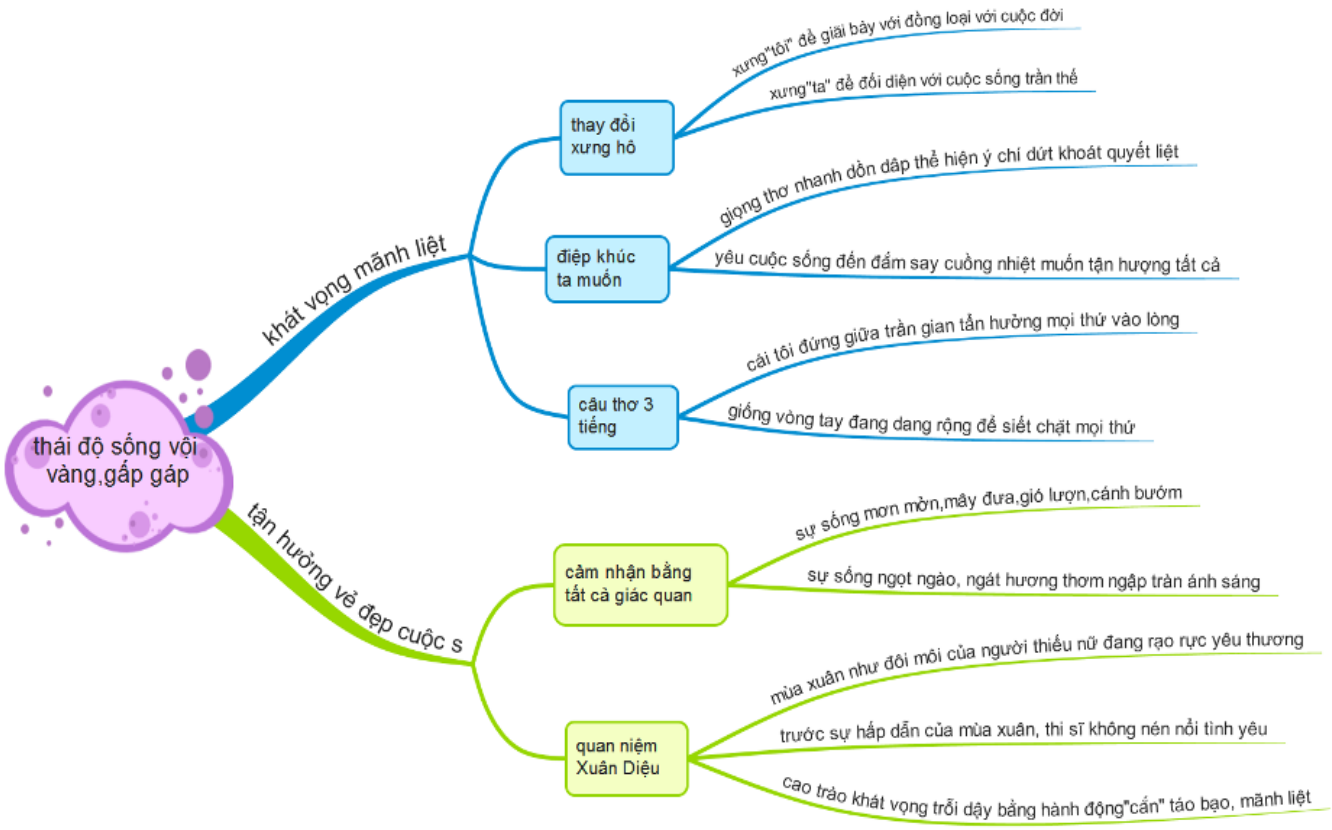

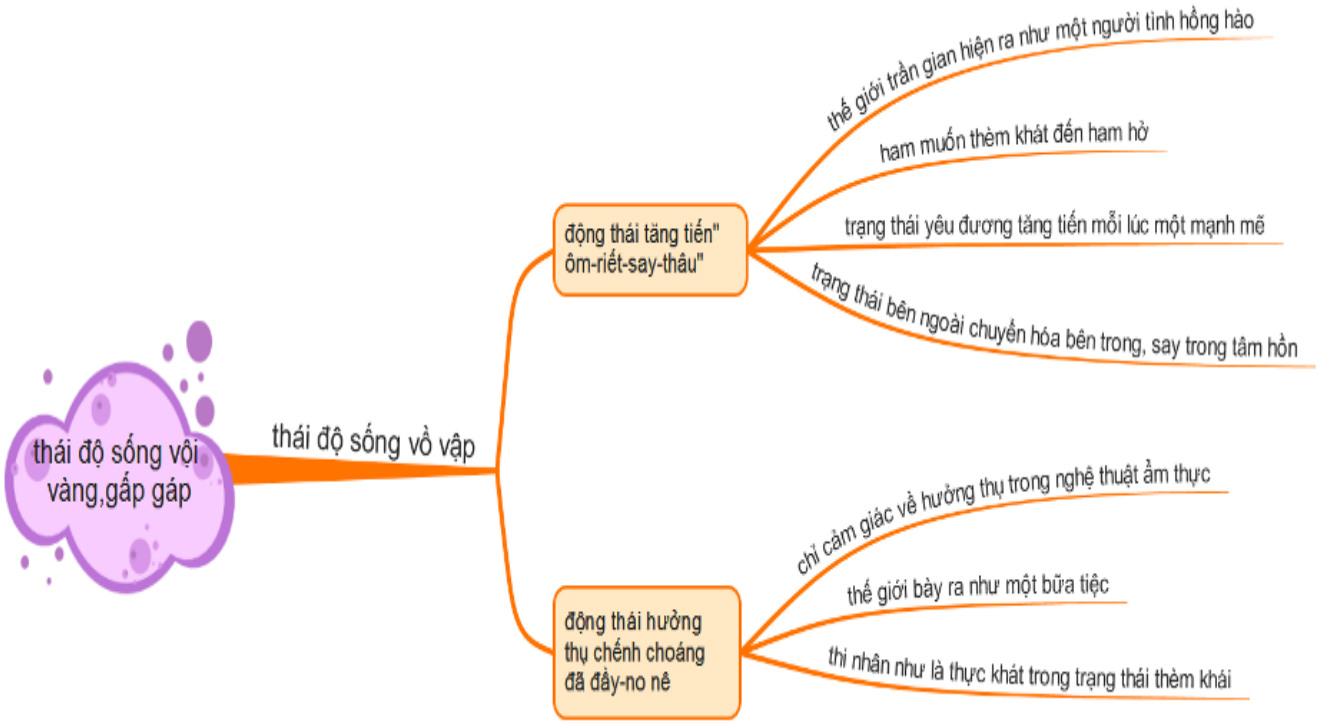
thái độ sống vội vàng,gấp gáp
thái độ sống vồ vập
động thái tăng tiến" ôm-riết-say-thâu"
thế giới trần gian hiện ra như một người tình hồng hào
ham muốn thèm khát đến ham hở
trạng thái yêu đương tăng tiến mỗi lúc một mạnh mẽ
trạng thái bên ngoài chuyển hóa bên trong, say trong tâm hồn
động thái hưởng thụ chếnh choáng đã đầy-no nê
chỉ cảm giác về hưởng thụ trong nghệ thuật ẩm thực
thế giới bày ra như một bữa tiệc
thi nhân như là thực khát trong trạng thái thèm khát

II: Lớp 10

Cảnh ngày hè

Nguyễn Trãi

I/ Bức tranh thiên nhiên

Hình ảnh

- Màu sắc
  - Màu xanh tươi mát
    - Cành hòe sum sê, um tùm tỏa bóng mát
    - lá hòe xanh thẫm đối lập với nắng hè gay gắt
  - Màu đỏ rực rỡ
    - Hoa lựu mang tín hiệu đặc trưng của mùa hè
    - Như những tia lửa đỏ chói, cháy rực
    - Nổi bật trên nền màu xanh mướt của tán hòe
  - Màu hồng thanh cao
    - Khơi gợi những ấn tượng về khứu giác
    - tạo không gian thanh bình yên ả của làng quê
    - Vừa dân dã, giản dị, vừa thoát tục thanh cao
- Sức sống
  - Đùn đùn
    - Tả sự vận động của một nguồn sức mạnh mãnh liệt tuôn trào
    - Tán giương lên che rợp - đang ở độ phát triển
  - Phun
    - Tả trạng thái tinh thần của sự vật không ngừng chuyển động
    - Sự trỗi dậy, chiếu ra mãnh liệt tầng tầng lớp lớp
  - Tiễn
    - Gợi sự bừng nở khoe sắc tỏa hương ngào ngạt
    - Hương sắc bao trùm, lan tỏa không gian

Âm thanh cuộc sống

- Lao xao chợ cá
  - Dấu hiệu của sự sống sung túc đầy đủ của con người
  - Gợi tả sự ồn ào nhộn nhịp dù trong thời điểm cuối một ngày
  - Tiếng lòng vui tươi rộn rã khi lắng nghe cuộc sống đời thường
- Dắng dỏi cầm ve
  - Âm thanh đặc trực của mùa hè rộn rã nhộn nhịp như tiếng đàn
  - Âm sắc tiếng ve inh ỏi trầm bổng ngân dài và vang xa
  - Âm thanh náo động phá vỡ không khí buổi chiều yên ả

II/ Vẻ đẹp tâm hồn

Tình yêu thiên nhiên

- Cảm nhận bằng nhiều giác quan
  - Thị giác
    - Phối màu: đa dạng, rực rỡ, nổi bật
    - Đường nét: Đối xứng gần - xa, trên - dưới
  - Khứu giác
    - Cảm nhận hương thơm ngát của sen
  - Thính giác
    - Lắng tai nghe từ xa âm thanh thiên nhiên
    - Vọng lại âm thanh của sự sống thường ngày
- Đồng nhất thiên nhiên với tâm hồn
  - Tâm hồn thảnh thơi, an nhàn
    - Mùa hè không nóng nực, khó chịu, chói trang
    - Gợi ấn tượng dễ chịu thư giãn và tận hưởng
  - Tiếng lòng vui tươi rộn rã
    - Bức tranh chuyển động sức sống mãnh liệt
    - Mừng vui vì nhận thấy biến chuyển sự sống cuối ngày
    - Tâm hồn tinh tế, nhạy cảm với cuộc sống tươi đẹp

Tình yêu cuộc sống

- Gắn bó với cuộc sống con người
  - Cảm nhận thiên nhiên không quên hướng về con người
  - Tâm hồn nhà thơ phải yêu đời, yêu cuộc sống biết bao
  - Thiên nhiên tươi đẹp biểu trưng cho cuộc sống thanh bình ấm no
- Ca ngợi vẻ đẹp thái bình
  - Vui với niềm vui của nhân dân khi thấy cảnh thái bình thịnh trị
  - Ao ước có cây đàn để ca ngợi cuộc sống giàu đủ
  - Nhịp thơ ngắn gọn dứt khoát mang tâm trạng vui tươi hứng khởi
- Ước mơ khát vọng vì dân vì nước
  - Luôn hướng về nhân dân mong ước cho nhân dân được ấm no
  - Gảy khúc Nam Phong mong cho dân giàu đủ ấm no mãi mãi
  - Dù nhàn thản nhưng vẫn đau đáu một nỗi niềm vì nước vì dân
  - Nguyện hy sinh phấn đấu cho hòa bình, hạnh phúc của dân tộc

Chuyện chức phán sự đền Tản Viên

Nguyễn Dữ

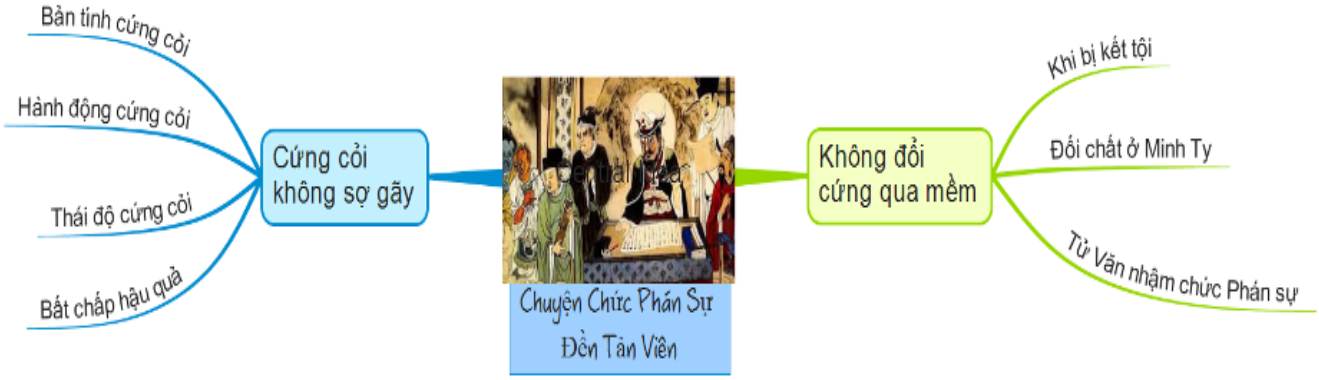

I/ Cứng cỏi

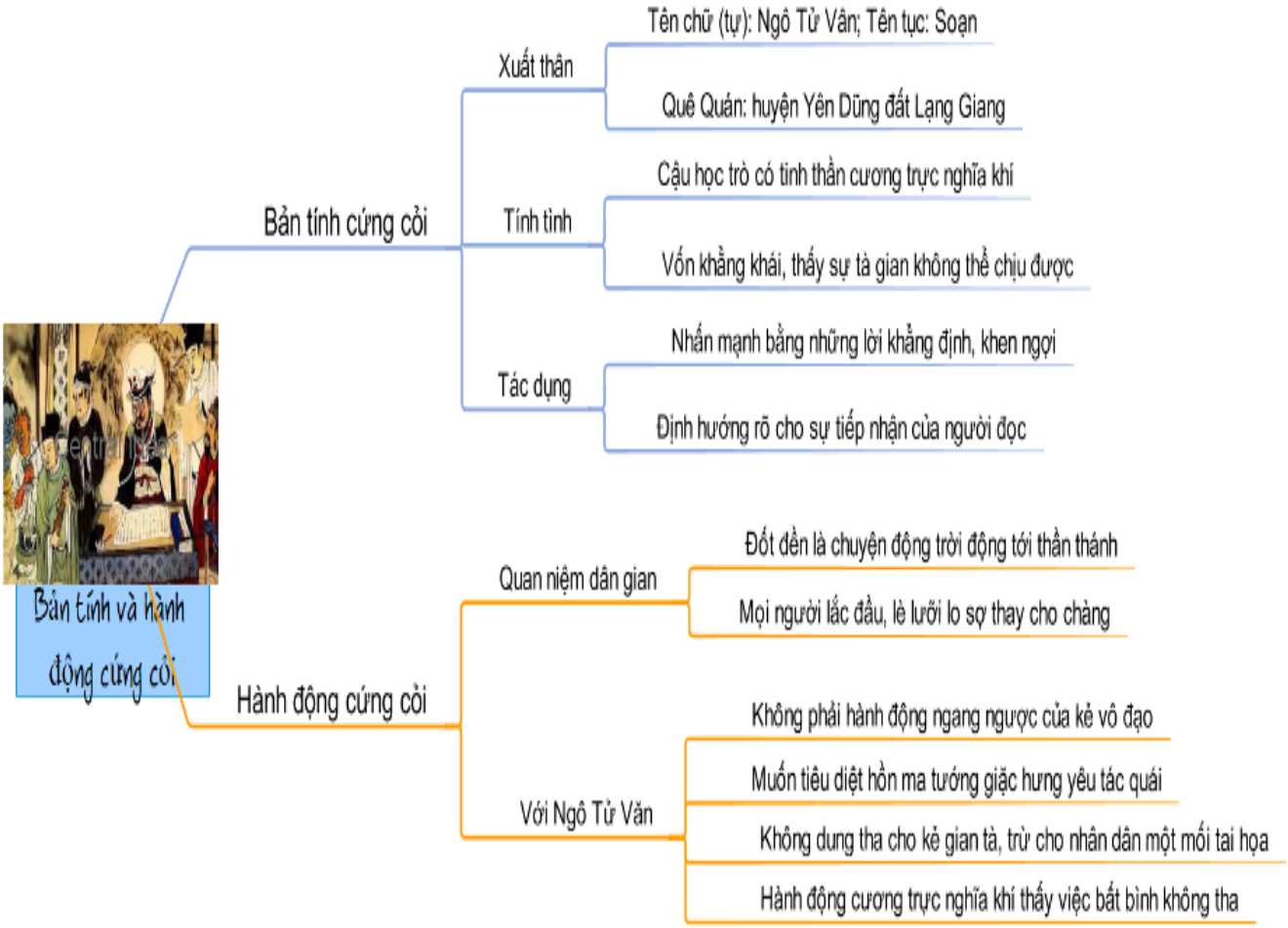

Thái độ cứng cỏi bất chấp hậu quả

- Thái độ cứng cỏi
  - Hồn ma tướng giặc
    - Đầu đội mũ trụ, dáng vẻ người phương Bắc tự xưng là cư sĩ thổ thần
    - Lên giọng quát nạt, quở trách Tử Văn bằng triết lý đạo Nho
    - Dọa nạt: Phong Đô chẳng xa xôi ta sẽ kiện ngươi tới đó
    - Yêu cầu: dựng trả lại đền nếu không khó lòng tránh khỏi tai vạ
  - Ngô Tử Văn
    - Vẫn mặc kệ, ngồi ngất ngưởng tự nhiên không hề lo sợ
    - lấy bất biến ứng vạn biến, vạc trần bản chất giả dối hung ác
    - Vẫn bình tĩnh: khẳng định là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian
- Bất chấp hậu quả
  - Thổ thần
    - Ông già từ tốn kể tội tên tướng giặc, nói ra nỗi oan ức của mình
    - Lo lắng vì tên tướng giặc là một nổi khiếp đảm chính ông cũng không thể làm gì
    - Mách kế: Nếu hắn chối cãi hãy cho người tới đền Tản Viên tôi sẽ khai rõ
  - Với Ngô Tử Văn
    - Nao núng lo lắng: Hắn nếu thực sự là tên hung hãn, có thể gieo vạ cho tôi không
    - Quyết tâm, cứng rắn sẵn sàng bước vào cuộc đối chấp tìm ra công lý

II/ Không đổi

Khi bị kết tội

- Khung cảnh âm ty
  - Địa phủ rùng rợn, ghê sợ hai bên cầu có tới mấy vạn quỷ Dạ Xoa
  - Con sông đầy gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương
  - Bị kết tội sâu ác nặng, không được liệt vào hàng khoan giảm
  - Bị kết thêm tội ngoan cố, bướng bỉnh
- Thái độ của Ngô Tử Văn
  - Chẳng hề run sợ, không hề nhụt chí, một mực kêu oan
  - Kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian, không muốn chết oan uổng
  - Đòi được gặp Diêm Vương để phán xét công khai minh bạch

Đối chất ở Minh Ty

- Hồn ma tướng giặc
  - Ban đầu
    - Tỏ vẻ khúm núm, bị oan ức, đáng được bên vực
    - Ra vẻ nhún nhường để khép thêm tội bướng bỉnh, ngoan cố
  - Sau đó
    - Cố tỏ ra rộng lượng, không cần xin tư giấy đến đền Tản Viên
    - Xin Diêm Vương khoan dung cho Tử Văn để thể hiện đức hiếu sinh
- Ngô Tử Văn
  - Không hề lo sợ, tranh biện trực tiếp với tên mũ trụ biện hộ cho mình, bảo vệ thổ thần
  - Lí lẽ cứng cỏi, không chịu nhún nhường, kiên quyết đấu tranh cho chân lí, lẽ phải
- Diêm Vương
  - Thái độ xử kiện
    - Ban đầu bị lừa dối, tức giận chửi mắng kẻ hàn sĩ hỗn láo
    - Nhận ra bản chất dối trá, nghi ngờ, quyết tâm làm rõ sự thật
  - Kết quả xử kiện
    - Thổ thần được khôi phục miếu cũ. Tử Văn được cho sống lại
    - Tên giặc bị lồng sắt chụp vào đầu, khẩu gỗ nhét miệng
  - Ý nghĩa
    - Niềm tin vào công lí phán xét thưởng phạt sau khi chết rất công bằng
    - Xung đột kịch tính giúp Tử Văn bộc lộ bản lĩnh khí phách của mình
    - Khuyên răn nên sống sao cho đúng, hợp lẽ phải, trách làm điều ác

Tử Văn nhậm chức Phán sự

- Là phần xứng đáng khích lệ sự dũng cảm đấu tranh chống cái ác bảo vệ công lí
- Ca ngợi con người với nghĩa khí cương trực mà quên mình coi mình nhẹ như không
- Thể hiện khát vọng công lí, niềm tin vào thắng lợi lẽ phải, lòng cương trực thẳng thắn

Độc Tiểu Thanh Kí

Nguyễn Du

I/ Khóc người

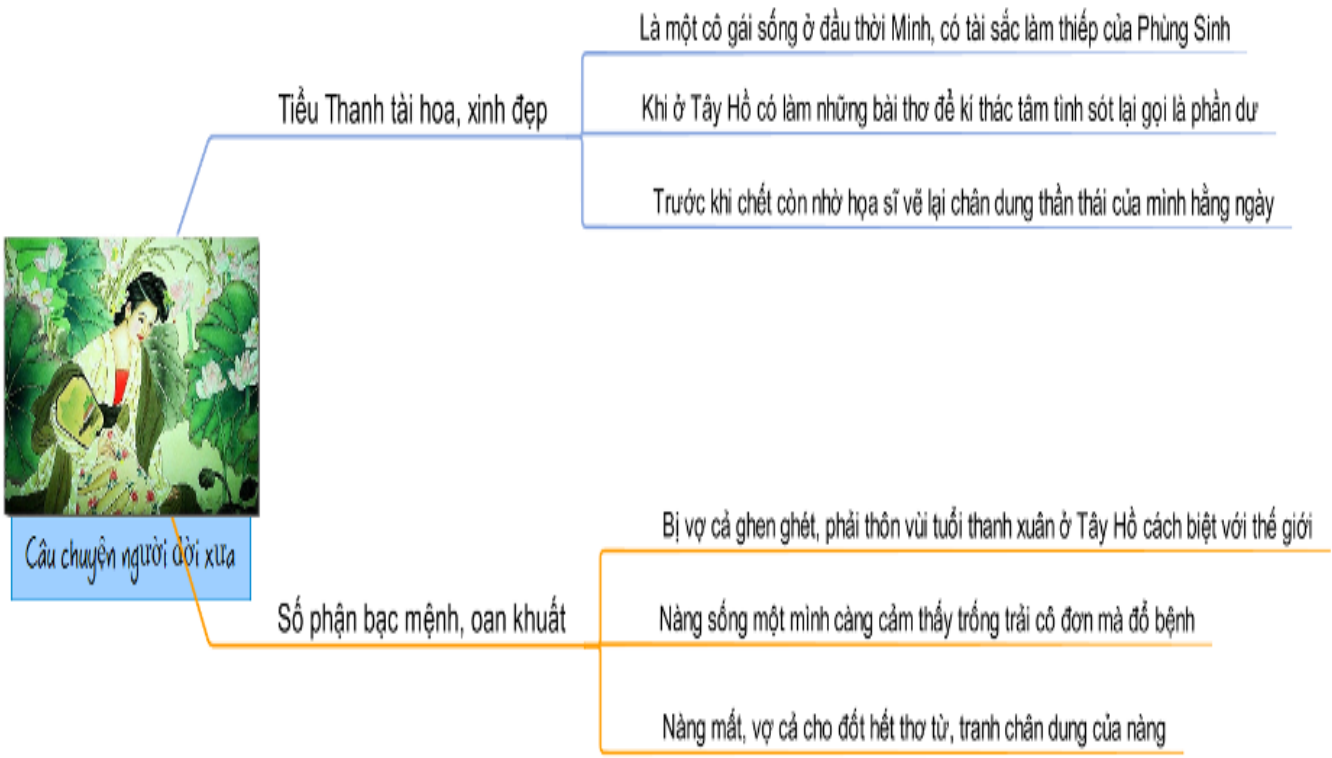

- Quy luật của cuộc đời
  - Quá khứ
    - Vườn hoa bên hồ Tây - quá khứ khi Tiểu Thanh còn sống
    - Cảnh tươi đẹp, huy hoàng nên thơ và đầy sức sống
  - Hiện tại
    - Gò hoang - hình ảnh hiện tại khi khi Tiểu Thanh đã mất
    - Hoang vu, cô quạnh, khô kiệt, không có sức sống
  - Nghịch cảnh
    - Tàn: Biến đổi hết tận cùng triệt để, không còn dấu vết
    - Cái đẹp bị tàn phá, vùi dập, hủy hoại phũ phàng
- Quy luật con người
  - Tài mệnh tương đồ
    - Văn chương tượng trưng cho tài năng - còn bị đốt
    - Tài năng hơn người sẽ bị ghen ghét, đố kỵ, chịu oan khuất
    - Mệnh người ngắn ngủi mà mệnh văn chương vẫn còn vương
  - Hồng nhan bạc mệnh
    - Son phấn mang cái thần của Tiểu Thanh - vẫn hận sau khi chết
    - Nhan sắc vượt qua vẻ đẹp tự nhiên phải chịu cay đắng khổ sở
    - Cái đẹp có thể tàn về thể xác nhưng cái thần vẫn tồn tại vĩnh hằng
- Tâm trạng của tác giả
  - Xót thương
    - Qua mạnh giấy tàn thấy được một số phận, một cuộc đời bi kịch
    - hiểu được sự oan khuất khi còn sống và sau khi chết
    - Nghe được tiếng khóc cô đơn của nàng vương vấn suốt 300 năm
  - Đồng cảm
    - Độc điểu: một tâm hồn cô đơn viếng một hồn đơn độc
    - thấm thía về cuộc đời thân phận mong manh của con người

II/ Khóc mình

- Những mối hận cổ kim
  - Xưa
    - Tiểu thanh và những người phụ nữ cùng cảnh ngộ như Thúy Kiều, Đạm Tiên
    - Có tài năng nhan sắc nhưng không được hưởng hạnh phúc trọn vẹn
    - Mang cảm hứng nhân đạo sâu sắc hướng đến thân phận cá nhân con người
  - Nay
    - Cùng thời với Nguyễn Du, những người tài năng nhưng gặp nhiều khổ đau, bất hạnh
    - Đặt ra vấn đề quyền sống của người nghệ sĩ, cần trân trọng những giá trị nghệ thuật
- Đi tìm câu trả lời
  - Hướng lên trời xanh
    - Ngẫm hay muôn sự tại trời, trời xanh đã bắt làm người có thân
    - Câu hỏi vô vọng không lời đáp, mệnh trời chỉ là một lẽ mà thôi
    - Mối hận càng nhức nhối, con người càng bế tắc bất lực
  - Hướng về cuộc đời
    - Cái sắc cái tài ấy có được xã hội ưng thuận thì mới được "thanh cao"
    - Nếu cái đẹp đã làm mất lòng người rồi thì ngay lập tức sẽ bị triệt tiêu vùi dập
    - Tài mệnh tương đồ, hay chính lòng người đố kị ganh ghét
    - Hồng nhan bạc mệnh hay chính nhân tình bạc bẽo trớ trêu

Tâm sự u uất của nhà thơ

- Tự khóc thương mình
  - Lý do
    - Tự nhận cùng hội cùng thuyền với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nết phong nhã
    - Xót xa cuộc đời chịu bao truân chuyên, bất hạnh 10 năm phiêu bạt
    - Tiếng lòng tri ân đồng điệu thấu hiểu của những người trong cuộc
  - Nét mới
    - Ý thức bi kịch của bản thân - cảm hứng tự thương mang tinh thần nhân bản
    - Thức tỉnh về nỗi đau của chính mình - dấu hiệu của cái tôi cá nhân
    - Quan tâm tới con người về phương diện tinh thần như thi ca, âm nhạc...
    - Đòi hỏi xã hội trân trọng tài năng, người làm ra giá trị văn hóa tinh thần
- Khát khao tri âm
  - Tìm người khóc thương ta
    - Ta khóc Tiểu Thanh, ba trăm năm nữa ai là người khóc thương cho ta
    - Ai là người cảm thông với nỗi sầu nỗi hận khách phong lưu như ta
  - Mong người khóc cùng ta
    - Hiện tại bơ vơ, cô đơn: hướng về tương lai hi vọng tấm lòng tri kỉ
    - Khóc cho kiếp tài hoa bạc mệnh vẫn còn trong tương lai phải khóc mình

Tỏ Lòng

Phạm Ngũ Lão

I/ Con người thời đại

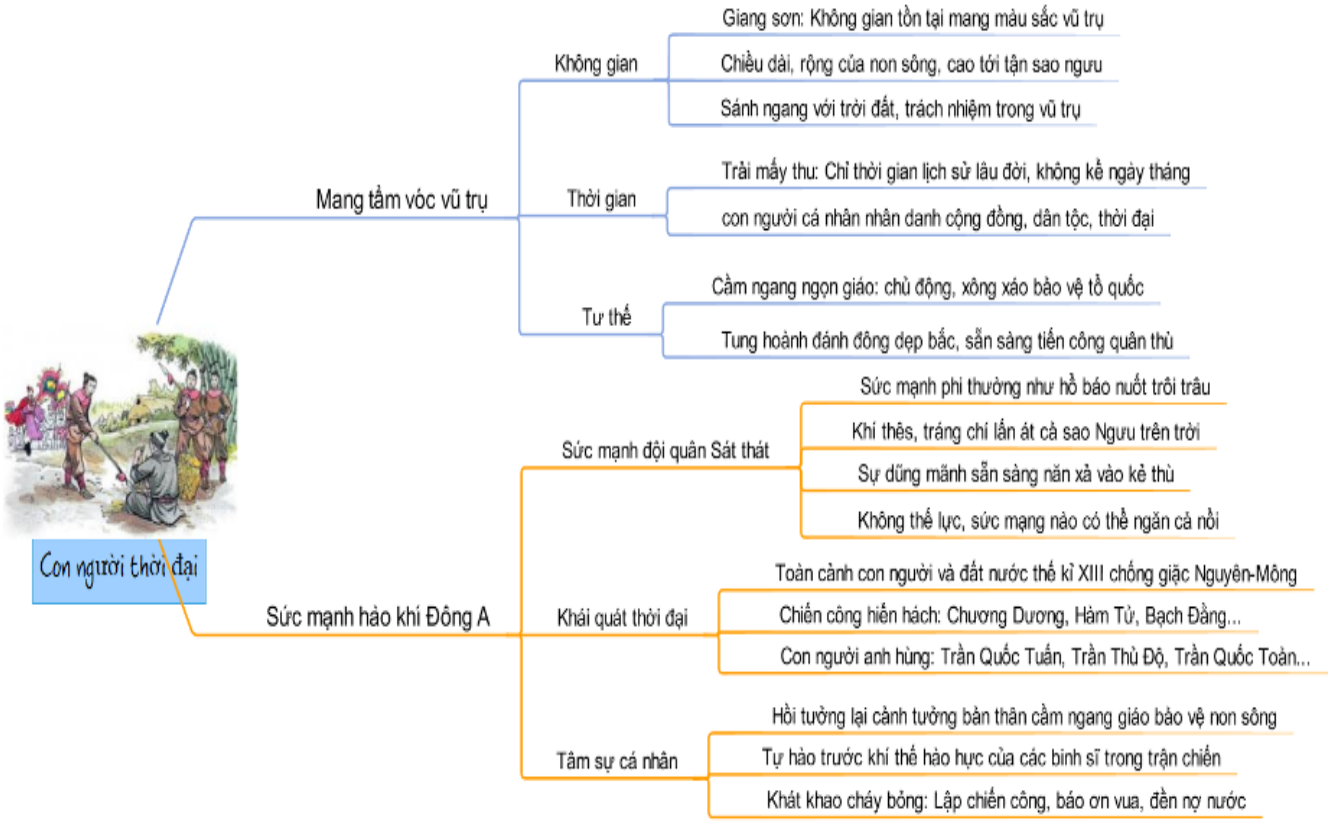

II/ Khát vọng cá nhân

Khát vọng cá nhân

- Khát vọng công danh nam tử
  - Quan niệm chung
    - Chí làm trai
      - Người có tài năng, phẩm chất anh hùng
      - Phải có chí lập công danh để lại sự nghiệp
    - Nợ công danh
      - Thi thố thể hiện tài năng lưu giữ tiếng thơm muôn đời
      - Món nợ phải trả để hoàn thành nghĩa vụ với đời
      - Có công danh mới có quyền tự hào với dân với đời
  - Quan niệm thời đại
    - Nợ công danh
      - cổ vũ con người từ bỏ lối sống tầm thường ích kỉ
      - Sẵn sàng chiến đấu hy sinh cho sự nghiệp lớn lao
      - đánh giặc cứu dân để cùng trời đất muôn đời bất hủ
- Cái tâm vì dân vì nước
  - Nỗi thẹn đầy cao cả
    - Thẹn với Vũ Hầu
      - Danh tướng thời Tam Quốc tài giỏi, cứu dân giúp nước
      - Là quân sư của Lưu Bị và trung thành tuyệt đối với chủ
    - Khát vọng của Phạm Ngũ Lão
      - Trở thành người trí dũng song toàn như Vũ Hầu
      - Khát vọng lập công cùng đất trời muôn đời bất hủ
      - Lời thề suốt đời tận tụy với chủ tướng Trần Hưng Đạo
  - Nhân cách đáng trọng
    - Danh tướng có nhiều công lao nhưng khiêm tốn, nghiêm khắc với bản thân
    - Luôn có ý thức trách nghiệm của bản thân trước vận mệnh của dân tộc
    - Là người lo trước nỗi lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ
    - Dành trọn cái tâm cho lý tưởng trung quân, ái quốc tiêu biểu cho thời đại nhà Trần

Trao Duyên

Nguyễn Du

I/ Vị tha, hy sinh

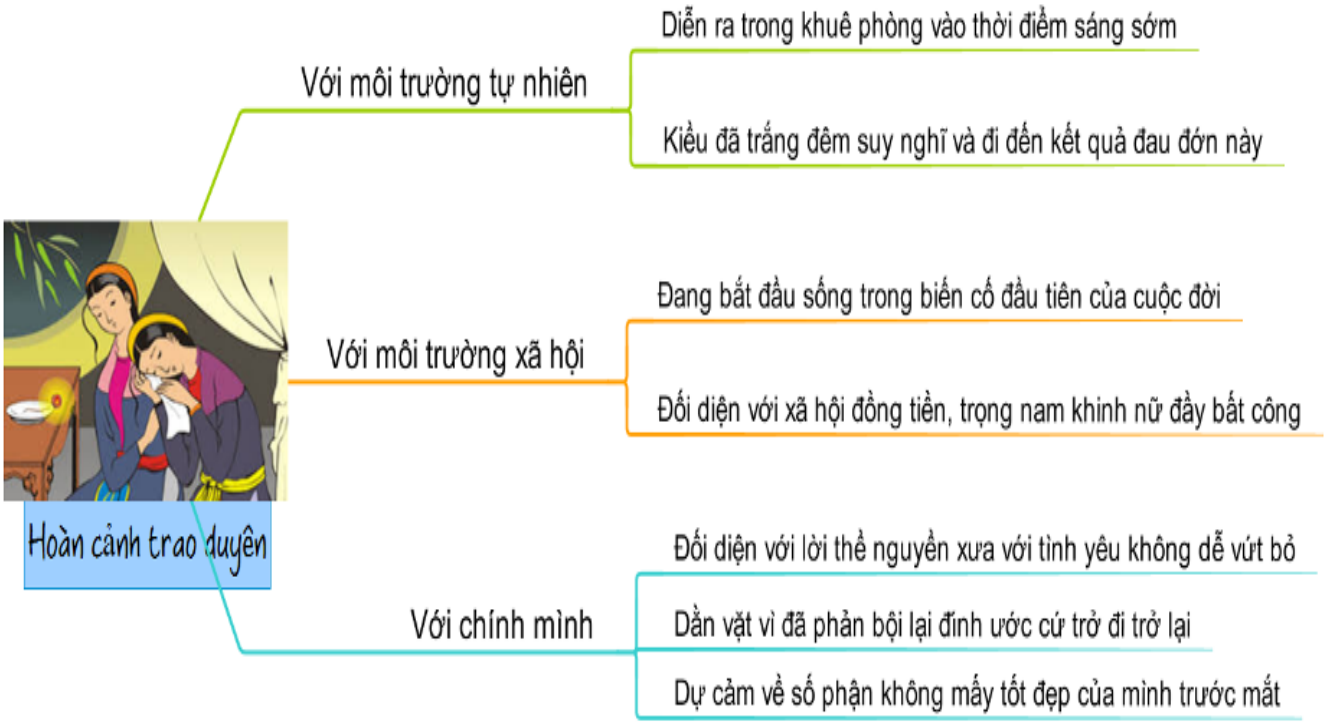

Kiều ngỏ lời nhờ cậy Vân

- Hành động
  - Lạy Vân trước khi nói
    - Sự tôn trọng, nhún nhường trước Thúy Vân
    - Kiều ý thức rõ sự khó xử và thiệt thòi của Vân
    - Dùng lễ biểu thị tấm lòng kính trọng và biết ơn
- Lời nói
  - Cậy
    - mang ý nghĩa gửi gắm, tựa nương, trăng chối
    - Thanh trắc âm điệu nặng nề gợi sự đau đớn khó nói
  - Chịu
    - Mang ý ép buộc người nghe không thể từ chối
    - Cầu em hãy lắng nghe mình, chấp nhận chịu thiệt thòi
  - Thưa
    - Sự đổi ngôi, mối quan hệ giữa ân nhân và kẻ chịu ơn
    - Chị trở thành kẻ lép vế, phải cạy cục lụy phiền em

Lý lẽ thuyết phục em

- Mối tình đẹp nhưng dang dở
  - Gánh tương tư: gánh nặng nhớ nhung khắc khoải
  - Tan vỡ đột ngột khơi gợi sự đau đớn xót thương ở Vân
  - Kiều hiểu sự thiệt thòi hi sinh lớn lao của Vân
- Hoàn cảnh sóng gió gia đình
  - Kiều hi sinh tình yêu để làm tròn chữ hiếu
  - Nhờ cậy em thay mình trả nghĩa cho chàng Kim
- Tuổi trẻ của Vân
  - Vân còn trẻ hơn mình, tuổi trẻ còn dài hơn mình
- Tình máu mủ
  - Vì tình chị em ruột thịt thiêng liêng mà tiếp tục thay mình
  - Mong Vân thực hiện trọn vẹn lời thề nguyền hẹn ước năm xưa
- Lời nói
  - Kiều viện đến cái chết để thuyết phục Vân
  - Dù đến chết, Kiều vẫn ghi nhớ ơn em, biết ơn sự hi sinh của em

II/ Tình yêu mãnh liệt

Đau đớn nhận ra bi kịch của mình

- Đau đớn khi hướng về quá khứ
  - Trao kỉ vật
    - Kỉ vật đẹp, thiêng liêng có sức sống của một mối tình đẹp
    - Trao lại kỉ vật cũng là lúc nàng trở về sống với tình yêu
    - Xót xa, luyến tiếc muốn níu kéo mối tình đầu của Kiều
    - Lí trí trao đi đoạn tuyệt với mối tình đầu: duyên này thì giữ
    - Tình cảm lại muốn níu giữ: vật này của chung - đau đớn giằng xé
  - Trao tình duyên
    - Đau đớn chấp nhận"mất người" - chia li vĩnh viễn hạnh phúc lứa đôi
    - Vẫn còn "của tin" - tình cảm thiêng liêng - mà nàng giữ lại cho mình
    - Kiều có thể trao duyên những tình không thể trao
- Xót xa khi nghĩ về tương lai mịt mù
  - Cảnh tượng tương lai
    - Tưởng tượng về cảnh ngộ và cái chết trong tương lai
    - Gợi ra cuộc sống cõi âm đầy thần linh ma mị
    - Thấy trống trải vô nghĩa khi không lưu giữ được tình yêu
  - Mong muốn, khao khát
    - Được nương theo làn gió trở về gặp những người yêu thương
    - Mong cảm thông xin chàng một chén nước giải tỏa mối oan tình
    - Khao khát được trở về để chứng minh cho tình yêu bất diệt

Hướng về mối tình đầu tan vỡ

- Đối diện với thực tại
  - Hiện tại đứt đoạn chia lìa
  - Than trách sự bạc bẽo, của tình yêu duyên số và số phận con người
  - Càng thiết tha với tình yêu, thấm thía tính chất bi kịch của tình yêu
- Đối diện với Kim Trọng
  - Từ người mệnh bạc tự nhận mình là người phụ bạc, có tội với Kim Trọng
  - lời than với tiếng nấc nghẹn ngào, là nỗi đau tuyệt vọng đã lên tới tột đỉnh
  - Cái lạy nghẹn ngào tức tưởi - nhận hết tội lỗi về mình, cái lạy chia lìa
  - Kim Lang - coi như đức lang quân của mình - lời gọi âu yếm đầy đau xót

Phần 2: Phân tích chi tiết

I: Lớp 11

Chí Phèo

*_Nam Cao_*

Nam Cao sáng tác từ trước năm 1940, nhưng chỉ sau khi truyện ngắn Chí Phèo ra đời, ông mới được biết đến như một cây bút hiện thực xuất sắc.

Cũng từ khi Chí Phèo ngật ngưỡng bước ra từ trang viết của Nam Cao, nhân vật này đã để lại dấu ấn khó quên và nỗi day dứt, ám ảnh không nguôi trong lòng người đọc.

Với tác phẩm Chí Phèo, Nam Cao xứng đáng là một trong những tên tuổi lớn của trào lưu văn học hiện thực giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám 1945 như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng…

Cùng viết về đề tài nông dân nhưng các tác phẩm của Nam Cao, đặc biệt là truyện ngắn Chí Phèo đã đạt tới một giá trị nhân đạo sâu sắc thông qua một hình thức mới mẻ.

Nếu như các nhà văn khác đi sâu vào phản ánh phong tục hay đời sống cùng cực của nông dân dưới thời thực dân phong kiến thì Nam Cao lại chú trọng đến việc thể hiện nỗi đau đớn của những tâm hồn, nhân cách bị xúc phạm, bị hủy diệt.

Đồng thời, ông cũng kín đáo bênh vực và khẳng định nhân phẩm của những con người cùng khổ. Chí Phèo là nhân vật thể hiện rõ nhất cái nhìn mới mẻ của Nam Cao về người nông dân trước Cách mạng.

Chí Phèo vốn là một thanh niên hiền lành, lương thiện nhưng đã bị bọn cường hào ở làng Vũ Đại đẩy vào bước đường cùng. Là đứa con hoang bị bỏ rơi từ lúc mới lọt lòng, Chí được một bác phó cối không con đem về nuôi.

Bác phó cối chết, Chí tứ cố vô thân, hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà khác. Không cha không mẹ, không một tấc đất cắm dùi, Chí lớn lên như cây cỏ, chẳng được ai ban cho chút tình thương.

Thời gian làm canh điền cho nhà lí Kiến, Chí được tiếng là hiền như đất. Dù nghèo khổ, không được giáo dục nhưng Chí vẫn biết đâu là phải trái, đúng sai, đâu là tình yêu và đâu là sự dâm đãng đáng khinh bỉ.

Mỗi lần bị mụ vợ ba lí Kiến bắt bóp chân, Chí chỉ thấy nhục chứ yêu đương gì. Cũng như bao nông dân nghèo khác, Chí từng mơ ước một cuộc sống gia đình đơn giản mà đầm ấm: “Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm”.

Thế nhưng cái mầm thiện trong con người Chí sớm bị quật ngã tả tơi và không sao gượng dậy được.Có ai ngờ anh canh điền chất phác ấy đã thực sự bị tha hóa bởi sự ghen ghét, tù đày, để rồi biến thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại.

Vì ghen tuông vô lối, lí Kiến đã nhẫn tâm đẩy Chí vào tù và nhà tù thực dân đã nhào nặn Chí thành một con người khác hẳn. Đây là nguyên nhân trực tiếp tạo nên bước ngoặt đau thương và bi kịch trong cuộc đời Chí.

Nhưng nguyên nhân sâu xa chính là xã hội đương thời với những thế lực bạo tàn luôn tìm cách vùi dập những người nông dân thấp cổ bé họng như Chí.

Chí bị đẩy vào con đường bần cùng hóa, lưu manh hóa là tất yếu Ra tù, Chí biến thành một con người hoàn toàn khác trước, với một cái tên sặc mùi giang hồ là Chí Phèo: “Hắn về lớp này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hắn là ai. Trông đặc như thằng sắng đá… Cái đầu thì trọc lốc. Cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà lại rất cơng cơng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết! Hắn mặc cái quần nái đen với cái áo tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chuỳ, cả hai cánh tay cũng thế”.

Nhà tù thực dân tiếp tay cho tên cường hào lí Kiến, bắt bỏ tù một anh Chí hiền lành, vô tội, để rồi thả ra một gã Chí Phèo lưu manh, côn đồ. Từ một người lương thiện, Chí bị biến thành quỷ dữ.

Trở về làng Vũ Đại, cái mảnh đất quần ngư tranh thực, cá lớn nuốt cá bé ấy, Chí Phèo không thể hiền lành, nhẫn nhục như trước nữa. Hắn đã nắm được quy luật của sự sinh tồn: những kẻ cùng đinh càng hiền lành càng bị ức hiếp đến không thể ngóc đầu lên được.

Phải dữ dằn, lì lợm, tàn ác mới mong tồn tại. Hắn đã mượn men rượu để tạo ra những cái đó. Hắn chìm ngập trong những cơn say triền miên và làm những việc như rạch mặt ăn vạ, đâm chém người cũng trong cơn say.

Chí Phèo đã bị bá Kiến – kẻ thù của hắn biến thành con dao trong tay đồ tể. Với nhân vật Chí Phèo, Nam Cao đã phản ánh chân thực và sinh động bi kịch bị hủy diệt tâm hồn và nhân phẩm của những người nông dân nghèo khổ.

Chí Phèo đã sa lầy trong vũng bùn của sự tha hóa: Có lẽ hắn cũng không biết rằng hắn là con quỷ dơ của làng Vũ Đại, để tác quái cho bao nhiêu dân làng.

Hắn biết đâu hắn đã phá vỡ bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao cảnh yên vui, đạp đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện. Tất cả dân làng Vũ Đại quay lưng với hắn, khinh bỉ và ghê tởm hắn. Người ta sợ bộ mặt đầy những vết sẹo ngang dọc gần giống như mặt thú dữ của hắn, sợ con quỷ trong tâm hồn hắn.

Sự tha hóa của Chí Phèo một mặt tố cáo sự tàn bạo của xã hội thực dân phong kiến đã không cho con người được làm người, mặt khác thể hiện giá trị nhân đạo mới mẻ của Nam Cao trong cách nhìn nhận số phận người nông dân trước Cách mạng.

Đi sâu vào bi kịch tinh thần của nông dân, Nam Cao nhận ra vẻ đẹp ẩn chứa trong sâu thẳm tâm hồn họ. Chí Phèo bị bạo lực đen tối hủy diệt nhân phẩm nhưng trong đầu óc hắn vẫn le lói ánh lửa thiên lương và khát khao được làm người.

Cái độc đáo của Nam Cao chính là ở chỗ tác giả đã để cho nhân vật Chí Phèo chênh vênh giữa hai bờ Thiện – Ác. Đằng sau bộ mặt dở người dở thú là nỗi đớn đau, vật vã của một kẻ sinh ra là người mà bị cự tuyệt quyền làm người.

Trong cơn say, Chí Phèo cất tiếng chửi trời, chửi đời… Tiếng chửi của hắn như một thông điệp phát đi cầu mong có sự đáp lại nhưng cả làng Vũ Đại chẳng ai thèm chửi nhau với hắn. Rút cục, chỉ có ba con chó dữ và một thằng say rượu.

Người ta coi hắn chẳng khác gì một con chó dại. Những lúc tỉnh rượu, nỗi lo sợ xa xôi và sự cô đơn tràn ngập lòng hắn. Hắn thèm được làm hòa với mọi người biết bao! Mối tình bất chợt với Thị Nở có thể nói là món quà nhân ái mà Nam Cao ban tặng cho Chí Phèo.

Tình yêu của Thị Nở đã hồi sinh Chí Phèo, đánh thức lương tri và khát vọng làm người của hắn. Lần đầu tiên trong đời, hắn sợ cô đơn và hắn muốn khóc khi nhận bát cháo hành từ tay Thị Nở.

Lần đầu tiên sau bao nhiêu năm, những âm thanh quen thuộc của cuộc sống vọng đến tai hắn và ngân vang trong lòng hắn, khiến hắn càng thèm được làm một con người bình thường như bao người khác và khấp khởi hi vọng Thị Nở sẽ mở đường cho hắn.

Nhưng cánh cửa cuộc đời vừa mới hé mở đã bị đóng sập lại trước mặt Chí Phèo. Bà cô Thị Nở – đại diện cho dân làng Vũ Đại – đã dứt khoát không chấp nhận Chí Phèo. Từ hi vọng, Chí Phèo rơi xuống vực thẳm tuyệt vọng. Lần đầu tiên trong đời hắn ý thức sâu sắc về số phận bất hạnh của mình.

Hắn lại đem rượu ra uống để mong cơn say làm vơi bớt khổ đau, tủi nhục nhưng khốn nỗi càng uống hắn càng tỉnh. Hắn thực sự muốn làm người nhưng cả làng Vũ Đại tẩy chay hắn, không ai coi hắn là người. Hắn cũng không thể tiếp tục làm quỷ dữ bởi đã ý thức sâu sắc về bi kịch đời mình.

Để giành lại sự sống cho tâm hồn, Chí Phèo buộc phải từ bỏ thể xác. Chí Phèo chết trên ngưỡng cửa trở về cuộc sống của một người lương thiện.

Cái chết vật vã, đau đớn và câu hỏi cuối củng của Chí Phèo: Ai cho tao lương thiện? còn làm day dứt và ám ảnh lương tâm người đọc cho đến tận ngày nay.

Đó cũng là câu hỏi lớn của Nam Cao: Làm thế nào để con người được sống đích thực là con người trong cái xã hội tàn bạo ấy? Với truyện ngắn Chí Phèo, Nam Cao đã đạt tới tầm cao của tư tưởng nhân đạo khi nhìn nhận và đánh giá người nông dân trước Cách mạng.

Nhà văn không dừng ở hiện tượng bên ngoài mà đi sâu vào thể hiện bản chất bên trong của con người. Nam Cao cũng đã chứng tỏ bút lực già dặn của mình qua tài nghệ xây dựng hình tượng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình.

Ý nghĩa xã hội của hình tượng Chí Phèo rất lớn và sức sống của nó cũng thật lâu dài. Có thể nói tác phẩm và nhân vật đã tôn vinh tên tuổi Nam Cao trong lịch sử văn chương của nước ta.

Tự tình II

*_Hồ Xuân Hương_*

Một nhà phê bình văn chương nổi tiếng đã từng đưa ra một quy luật : "Văn chương, thơ ca là tấm gương phản chiếu của tâm hồn, là tiếng nói tình cảm của nhân loại, là những rung động của trái tim trước cuộc đời tươi đẹp. Những giá trị tinh thần mà văn chương, thơ ca đem lại, đã thoát khỏi cái quy luật băng hoại của thời gian, để trường tồn mãi mãi". Không nằm ngoài quy luật đó, Nữ sĩ Hồ Xuân Hương cũng muốn để lại cho hậu thế những tác phẩm hoàn mỹ, đạt đến sự xuất sắc về cả nội dung và nghệ thuật. Tiêu biểu nhất, đặc sắc nhất là bài thơ**Tự Tình** thứ 2.

Là tiếng nói thương cảm đối với số phận hẩm hiu của người phụ nữ Việt Nam thời phong kiến, đồng thời đề cao vẻ đẹp và khát vọng sống của họ.

"Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn,
Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám.
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con."

Với thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật được viết theo ngôn ngữ Nôm thuần Việt, bài thơ có lẽ đã được nữ sĩ viết về cuộc đời của chính bản thân mình, torng một phút suy tư.

Nữ sĩ đã cảm nhận cuộc sống qua những âm thanh, quang cảnh lạnh buồn, vắng lặng và tự cảm thương cho số phận hẩm hiu của bà. Đó cũng là số phận chung của những người phụ nữ trong Xã hội đương thời..

"Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non"

Hai câu thơ mở đầu trên còn được gọi là hai câu thơ ĐỀ trong thể thơ độc đáo này. Nhắm mắt suy nghĩ về cuộc sống, từng nhịp thở của người phụ nữ trong đêm khuya lạnh tanh hoà theo tiếng trống thông báo dồn dập, diễn tả sự qua đi nhanh chóng của thời gian.

Đêm nay, người phụ nữ đang lẻ loi, cô độc một mình. Không còn một âm vang nào khác, không còn những tiếng ồn ào náo nhiệt của một ngày dài, chỉ còn tiếng trống canh cùng người phụ nữ. Từ "Trơ" – một trong những từ ngữ thể hiện sự chua chát của cuộc đời và sự đối lập giữa vẻ đẹp "Hồng nhan" – "Nước non".

Tại sao nữ sĩ Hồ Xuân Hương lại đặt mình vào trong nhân vật với một không gian buồn bã, tàn lụi đến như vậy? Đối với riêng nữ sĩ khi đối mặt với cái thực tế đó, tâm trạng bà thế nào? Phải chăng bà muốn diễn tả thân phận không chỉ của riêng bà, mà còn là của những người phụ nữ khác trong cái quy luật cổ hủ,vô nhân đạo "Hồng nhan bạc phận"? Hay cái thân phận phải đi làm "Vợ lẽ" – Không được tôn trọng cả về phẩm giá và tâm hồn ? Thật đớn đau …

Bước qua hai câu thơ kế, cũng là hai câu thực, liệu rằng ta có cảm nhận được diều gì trong sáng hơn, tươi đẹp hơn hay không ?

"Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn"

Trong cái không gian cô quạnh không bóng người của bầu trời đêm, người phụ nữ tìm đến những chén rượu để giải thoát mình khỏi nỗi sầu não của cuộc đời.

Thật độc đáo khi sử dụng nghệ thuật "Mượn cảnh ngụ tình" trong hai câu thực này. Nỗi buồn đau, tụi nhục – như đã đề cập ở trên, có thể là thân phận làm vợ lẽ, phải chịu sự ghen ghét, cay nghiệt của người vợ cả? Một chút hương rượu nồng có thể đã đưa người phụ nữ đến những giấc mơ trong cơn mê để xoa dịu những nỗi đau trong giây phút thực tại.

Nhưng… Càng về khuya, khi tiếng trống canh dãn dài ra, thời gian bắt đầu chậm lại, thì cũng là lúc mùi hương nhè nhẹ của những chén rượu không còn tác dụng. Người phụ nữ chợt bừng tỉnh về phút giây hiện tại chan chứa nỗi buồn. Ba từ : "Say lại tỉnh" đã chứng minh được điều đó.

Càng uống càng tỉnh, cảng tỉnh lại càng nghĩ suy. Trong cái "Bóng xế khuyết chưa tròn" của ánh trăng tưởng chừng như êm đềm, phải chăng tác giả đang nghĩ về nhan sắc của mình đang tàn phai theo năm tháng, mà tình duyên vẫn chưa thể vẹn toàn? Ánh trăng đêm là ánh trăng cuả kỷ niệm, của hẹn ước yêu đương, của bao đôi tình nhân.

Ánh trăng cũng là biểu tượng của sự thuỷ chung của bao tình yêu đôi lứa. Giờ đây, ánh trăng đó sắp tàn và đang dần khuất bóng sau những rặng dừa cao, người phụ nữ vẫn chưa thể chìm sâu vào giấc ngủ.

Trăng chưa thể tròn, như cuộc tình dang dở của người phụ nữ. Có lẽ, nữ sĩ Hồ Xuân Hương muốn đưa cái sự suy nghĩ về lẽ đời, về sự hạnh phúc mà tác giả đang mong đợi vào chính tâm trạng của nhân vật.

Trong lúc suy tư đó, mà đối với những bạn trẻ đang hạnh phúc là vầng trăng cổ tích, còn đối với người phụ nữ là ánh trăng suy tư, tác giả đã đánh động người đọc ra khỏi sự suy nghĩ về nỗi đau của phái đẹp trong xã hội phong kiến lạc hậu bằng hai câu thơ luận :

"Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám.
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn"

Ánh mắt ngước nhìn bầu trời đếm có trăng, có sao, có mây trôi, có gió thổi tự lúc "Trống canh dồn", giờ đây người phụ nữ lạc lõng đó đang ngắm nhìn những sự vật xung quanh mình.

Có lẽ nào người phụ nữ ấy đang dạo quanh đâu đó trong khung cảnh khi bình mình chưa ló dạng, và phát hiện ra một sự thật hiển nhiên mà lâu nay không một ai để ý đến? Những động từ mạnh mẽ như "Xiên ngang" – "Đâm toạc" được sử dụng trong phép đảo ngữ đã toát lên được sức mạnh của sự sinh tồn từ trong những sự vật nhỏ bé.

Giữa mặt đất đầy đất và đá, đâu đó mọc lên một nhành cây con con, xanh tươi. Cũng đâu đó dưới khung trời rộng lớn nhưng trống trải, những hòn đá tuy nhỏ bé thôi, cũng đủ làm khung cảnh trở nên sinh động… Ta đang cảm nhận được sức mạnh của thiên nhiên. Những ngọn cỏ tí hon hay những sự vật vô tri như hòn đá kia, đã được tác giả tô điểm bằng nghệ thuật vô cùng độc đáo.

Chính điều đó đã đánh thức người đọc ra khỏi tâm trạng u uẩn của người phụ nữ cô đơn trong bóng đêm. Ta cũng cảm nhận được sức sống mãnh liệt để sinh tồn, dù trước mắt hiện tại đang rất rất khó khăn của từng sự vật thiên nhiên.

Nếu như thế, phải chăng tác giả đang hướng người đọc đến sự hạnh phúc, niềm tin ở tương lai, dù khó khăn, bất hạnh ở phút hiện tại, đối với nhân vật trong bài thơ, với tác giả hay toàn thể những người phụ nữ trong Xã hội phong kiến? Dưới góc nhìn của chúng ta ở thời này, có thể cho là như vậy.

Với hai câu Luận này, khát vọng sống và được sống, yêu và được yêu của nữ sĩ được thể hiện vô cùng quyết liệt ! Thật là một người phụ nữ có ý chí và niềm tin

Tưởng chừng như cảnh cửa cuộc đời đang mở ra cho người phụ nữ và toàn thể phái đẹp trong Xã hội phong kiến một hạnh phúc và niềm tin mới, nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã kéo chúng ta về suy nghĩ hiện tại, cũng chính là hai câu thơ kết, vừa chua xót, vừa đắng cay của cuộc đời:

"Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con!"

Tâm trạng mong mỏi chờ đợi của người phụ nữ lại trở về khi ngày mới bắt đầu. Quy luật của thời gian chính là chỉ trôi theo một chiều chứ không tương tác song song.

Xuân đến rồi Xuân lại đi. Ngày xuân hôm qua cũng chẳng giống ngày xuân hôm nay. Mùa xuân năm sau cũng khác hẳn mùa xuân năm nay. Chẳng có sự vật gì có thể thoát khỏi quy luật chung đó. Thế nhưng Xuân thì có thể đến, chứ người thì không thể trường tồn mãi mà không già đi.

Tuổi xuân – là nhan sắc mà mỗi ngày một phai tàn của những "Hồng nhan". Người phụ nữ ấy vẫn mong chờ một ngày nào đó được cảm nhận hạnh phúc trọn vẹn thật sự, bằng cả trái tim nồng cháy của người đối diện, để nàng có thể trao đi tất cả những gì được gọi là sự thuỷ chung, sự vẹn toàn của tình yêu.

Đó cũng là nỗi uất ức khi "Tình đã nhỏ, mà còn xé nhỏ hơn" thì cũng tương tự việc chia cắt trái tim. Thật không còn gì có thể diễn tả được nỗi đau đó. Bằng nghệ thuật tăng tiến giảm dần, ta thấy được sự ít ỏi, nhỏ bé của hạnh phúc trong cảnh cái cảnh chồng chung đáng phê phán, chê trách ấy…

Có lẽ khi đọc đến đây, chúng ta mới cảm nhận được nỗi đau khổ đau đáu cũng những người phụ nữ thầm lặng, hi sinh cho chồng cho con, hay những số phận hẩm hiu khác trong xã hội đương thời. Bài thơ "Bánh trôi nước" cuản hà thờ cũng từng thể hiện được nội dung tương tự.

Thế nhưng trong cái xã hội này, ta cũng thấy được những người phụ nữ được sống trong hạnh phúc, được sự quan tâm, yêu thương của chồng con, dù cuộc đời có bôn ba vất vả.

Tiêu điểm cho nhận định này chính là bài thơ "Thương vợ" của Tú Xương. Nói cho cùng thì bất kỳ ai, sống trong thời kỳ nào thì cũng có nỗi khổ riêng của chính họ mà thôi…

Nhà thơ Hồ Xuân Hương với tác phẩm Tự Tình là một trong những bản thơ Nôm hay nhất, diễn tả chân thực đời sống bất hạnh của người Phụ nữ Việt Nam xưa, đồng thời thể hiện được tài năng, sự ngang tàng của bà chúa thơ Nôm này.

Tác phẩm xứng đáng đứng trong bộ thơ Nôm hay nhất nền văn học trung đại Việt Nam. Ngoài ra tác phẩm cũng thể hiện được ước nguyện cháy bỏng của tất cả phụ nữ của mọi thời đại. Giá trị của bản thơ vẫn còn, thậm chí là rất được đánh giá cao sau hơn 200 năm sáng tác.

Hi vọng xã hội này sẽ không còn người phụ nữ nào phải chịu nỗi đau, nhục nhã, để không còn ai phải viết lên những nỗi đau thương về số phận đáng thương, như nhà thơ Hồ Xuân Hương cách đây 200 năm nữa …

Câu cá mùa thu

*_Nguyễn Khuyến_*

Trong nền thơ ca dân tộc có nhiều bài thơ tuyệt hay nói về mùa thu. Riêng Nguyễn Khuyến đã có chùm thơ ba bài: “Thu vịnh”, “Thu ẩm” và “Thu điếu”. Bài thơ nào cũng hay cũng đẹp cho thấy một tình quê dào dạt. ài “Thu điếu”, nhà thơ Xuân Diệu đã khẳng định là “điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam”. “Thu điếu” là bài thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc: Cảnh đẹp mùa thu quê hương, tình yêu thiên nhiên, yêu mùa thu dẹp gắn liền với tình yêu quê hương tha thiết.

“Thu điếu” được viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Ngôn ngữ tinh tế, hình tượng và biểu cảm. Cảnh thu, trời thu xinh đẹp của làng quê Việt Nam như hiện lên trong dáng vẻ và màu sắc tuyệt vời dưới ngọn bút thần tình của Nguyễn Khuyến.

Hai câu đầu nói về ao thu và chiếc thuyền câu. Nước ao "trong veo" tỏa hơi thu "lạnh lẽo" . Sương khói mùa thu như bao trùm cảnh vật. Nước ao thu đã trong lại trong thêm, khí thu lành lạnh lại trở nên "lạnh lẽo".

Trên mặt nước hiện lên thấp thoáng một chiếc thuyền câu rất bé nhỏ – "bé tẻo teo". Cái ao thuyền câu là hình ảnh rung tâm của bài thơ, cũng là hình ảnh bình dị, thân thuộc, đáng yêu của quê nhà.

Theo Xuân diệu cho biết vùng đất đồng chiêm trũng Bình Lục, Hà Nam có cơ man nào là ao, nhiều ao cho nên ao nhỏ, ao nhỏ thì thuyền câu cũng theo đó mà "bé tẻo teo":

"Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo".

Các từ ngữ: "lạnh lẽo, trong veo, bé tẻo teo" gợi tả đường nét, dáng hình, màu sắc của cảnh vật, sắc nước mùa thu; âm vang lời thơ như tiếng thu, hồn thu vọng về.

Hai câu thơ tiếp theo trong phần thực là những nét vẽ tài ba làm rõ thêm cái hồn của cảnh thu:

"Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,

Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo".

Màu "biếc" của sóng hoà hợp với sắc "vàng" của lá vẽ nên bức tranh quê đơn sơ mà lộng lẫy. Nghệ thuật đối trong phần thực rất điêu luyện: "lá vàng" với "sóng biếc", tốc độ "vèo" của lá bay tương ứng với mức độ "tí" của gợn sóng.

Nhà thơ Tản Đà đã hết lời ngợi ca chữ "vèo" trong thơ của Nguyễn Khuyến. Ông đã nói một đời thơ của mình may ra mới có được câu thơ vừa ý trong bài "Cảm thu, tiễn thu": "vèo trông lá rụng đầy sân".

Hai câu luận mở rộng không gian miêu tả. Bức tranh thu có thêm chiều cao của bầu trời "xanh ngắt" với "những tầng mây lơ lửng" trôi theo chiều gió nhẹ. Trong chùm thơ thu, Nguyễn Khuyến nhận diện sắc trời thu là "xanh ngắt":

"Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao" (Thu vịnh)
"Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt" (Thu ẩm)
"Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt" (Thu điếu)

"Xanh ngắt" là xanh mà có chiều sâu. Trời thu không mây (xám) mà xanh ngắt, thăm thẳm. Xanh ngắt đã gợi ra cái sâu, cái lắng của không gian, cái nhìn vời vợi của nhà thơ, của ông lão đang câu cá.

Thế rồi ông lơ đãng đưa mắt nhìn về bốn phía làng quê. Hình như bà con dân làng đã ra đồng hết. Xóm thôn vắng lặng. Mọi con đường quanh co, hun hút, không một bóng người qua lại:

"Ngõ trúc quanh co khách vắng teo"

Cảnh vật êm đềm, thoáng một nỗi buồn cô tịch, hiu hắt. Người câu cá như đang chìm trong giấc mộng mùa thu. Tất cả cảnh vật từ mặt nước "ao thu lạnh lẽo" đến "ngõ trúc quanh co" hiện lên với đường nét, màu sắc, âm thanh,… có khi thoáng chút bâng khuâng, man mác nhưng rất gần gũi, thân thiết với mọi con người Việt Nam.
Phong cảnh thiên nhiên của mùa thu quê hương sao đáng yêu thế:

Cái ý vị của bài "Thu điếu" là hai câu kết:
"Tựa gối ôm cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo"

“Tựa gối ôm cần” là tư thế của người câu cá, cũng là một tâm thế nhàn, thoát vòng danh lợi. Cái âm thanh “cá đâu đớp động”, nhất là từ “đầu” gợi lên sự mơ hồ, xa vắng và chợt tỉnh.

Người câu cá ở đây chính là nhà thơ, một ông quan to triều Nguyễn, yêu nước thương dân nhưng bất lực trước thời cuộc, không cam tâm làm tay sai cho thực dân Pháp đã cáo bệnh, từ quan. Đằng sau câu chữ hiện lên một nhà nho thanh sạch trốn đời đi ở ẩn.

Đang ôm cần câu cá nhưng tâm hồn nhà thơ như đang đắm chìm trong giấc mộng mùa thu, bỗng chợt tỉnh trở về thực tại khi “cá đâu đớp động dưới chân bèo”. Cho nên cảnh vật ao thu, trời thu êm đềm, vắng lặng như chính nỗi lòng của nhà thơ vậy: buồn cô đơn và trống vắng.

Âm thanh tiếng cá “đớp động dưới chân bèo” đã làm nổi bật khung cảnh tịch mịch của chiếc ao thu. Cảnh vật như luôn luôn quấn quýt với tình người. Thiên nhiên đối với Nguyễn Khuyến như một bầu bạn tri kỷ.

Ông đã trang trải tình cảm, gửi gắm tâm hồn, tìm lời an ủi ở thiên nhiên, ở sắc vàng của lá thu, ở màu “xanh ngắt” của bầu trời thu, ở làn “sóng biếc” trên mặt ao thu “lạnh lẽo”…

Thật vậy, bài thơ “Câu cá mùa thu” là một bài thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc của Nguyễn Khuyến. Cảnh sắc mùa thu quê hương được miêu tả bằng những gam màu đậm nhạt, nhưng nét vẽ xa gần, tinh tế gợi cảm.

Âm thanh của tiếng lá rơi đưa “vèo” trong làn gió thu, tiếng cá “đớp động” chân bèo – đó là tiếng thu dân dã, thân thuộc của đồng quê đã khơi gợi trong lòng chúng ta bao hoài niệm đẹp về quê hương đất nước.

Nghệ thuật gieo vần của Nguyễn Khuyến rất độc đáo. Vần "eo" đi vào bài thơ rất tự nhiên thoải mái, để lại ấn tượng khó quên cho người đọc; âm hưởng của những vần thơ như cuốn hút chúng ta: trong veo – bé tẻo teo – đưa vèo – vắng teo – chân bèo.

Thi sĩ Xuân Diệu đã từng viết: "Cái thú vị của bài Thu điếu ở các điệu xanh, xanh ao, xanh bờ, xanh sóng, xanh tre, xanh trời, xanh bèo, có một màu xanh vàng đâm ngang của chiếc lá thu rơi…"

Thơ là sự cách điệu tâm hồn. Nguyễn Khuyến yêu thiên nhiên mùa thu, yêu cảnh sắc đồng quê với tất cả tình quê nồng hậu. Ông là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.

Đọc "Thu điếu", "Thu ẩm", "Thu vịnh", chúng ta yêu thêm mùa thu quê hương, yêu thêm xóm thôn đồng nội, đất nước. Với Nguyễn Khuyến, tả mùa thu, yêu mùa thu đẹp cũng là yêu quê hương đất nước. Nguyễn Khuyến là nhà thơ kiệt xuất đã chiếm một địa vị vẻ vang trong nền thơ ca cổ điển Việt Nam.

Thương vợ

*_ Tú Xương_*

Trần Tế Xương (bút danh là Tú Xương) là nhà thơ trào phúng nổi tiếng, có lẽ là nhà thơ trào phúng đặc sắc nhất trong nền văn học của nước nhà. Thơ trào lộng, châm biếm, đả kích của Tú Xương sở dĩ được nhiều người yêu thích vì có tính chất trữ tình (trong tiếng cười có nước mắt).

Dòng trữ tình trong thơ Tú Xương đôi khi được tách ra thành những bài thơ trữ tình thuần khiết, thấm thía. Hai kiệt tác "Sông Lấp" và "Thương vợ" tiêu biểu cho dòng thơ trữ tình của Tú Xương. Bài thơ sau đây là bài "Thương vợ" của Tú Xương:

"Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vẵng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười mưa dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ hững cũng như không!"

Trần Tế Xương lận đận trong thi cử, đi thi đến lần thứ tám mới đậu được cái tú tài. Ông học giỏi nhưng phải cái ngông quá, thật ra thái độ ngông của ông là một cách ông phản kháng lại chế độ thi cử lạc lậu, quan trường "ậm ọc" lúc bấy giờ.

Mà đậu được cái tú tài thì rồi cũng làm "quan tại gia" thôi. Hồi đó phải đậu cử nhân mới được bổ tri huyện. Thế là bà Tú gần như phải nuôi chồng suốt đời. Ông Tú chỉ còn biết đem tài hoa của mình mà ghi công cho bà Tú:

"Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng".

Từ "mom" thật là hay, vừa thấy được nỗi gian truân của bà Tú buôn bán quanh năm bên bờ sông Vị, vừa thấy được tấm lòng của nhà thơ đối với việc buôn bán khó nhọc của vợ.

Từ "mom" là tổng hợp nghĩa của các từ ven, bờ, vực, thềm, thành một từ sáng tạo của nhà thơ làm giầu thêm cho tiếng Việt. Bà Tú buôn thúng bán bưng quanh năm ở "mom sông" mà nuôi chồng, nuôi con:

"Nuôi đủ năm con với một chồng"

Câu thơ chỉ mấy con số khô khốc thế vậy mà tế toái lắm đó! "Nuôi đủ năm con" là vì con, phải nuôi, nên đếm ra để mà nuôi. Nhưng còn chồng thì một chồng chứ mấy chồng, cớ sao lại cũng phải đếm ra "một chồng"?

Là vì chồng cũng phải nuôi, mà bà Tú với cái gánh trên vai nuôi năm đứa con đã là vất vả, lại thêm một ông Tú trong nhà nữa thì gánh nặng gấp đôi. Thời đó mà nuôi một ông Tú, lại là Tú Xương nữa thì nhiêu khê lắm.

Nhưng bà Tú được an ủi là vì ông Tú, cái con người tưởng như chỉ biết bông đùa, cười cợt đó lại để tâm đến từng bước chân của bà trên đường lặn lội buôn bán:

"Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông"

Có thể nói lòng thương vợ của nhà thơ dào dạt lên trong hai câu thơ này. Hình ảnh lặn lội thân cò được tác giả mô phỏng theo một biểu tượng trong thi ca dân gian để nói về người phụ nữ lao động:

"Con cò lặn lội bờ sông
Gánh tạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non"

Nếu như từ "lặn lội" được đảo ra phía trước chủ ngữ để nhấn mạnh sự vất vả của bà Tú, thì từ "eo sèo" gợi lên âm thanh hỗn tạp (tiếng kì kèo mặc cả, tiếng cãi cọ tranh giành) của "buổi đò đông". Hai tình huống đối lập thật hay: "vắng" và "đông".

Người phụ nữ gánh hàng lặn lội trên quãng đường vắng thật là khổ. Mà đến chỗ "đò đông" thì thật là đáng sợ! Nghĩa là nhìn từ phía nào, nhà thơ cũng thương vợ, tình thương thấm thía, cảm động.

Sang hai câu luận, tác giả chuyển sang diễn tả nội tâm của bà Tú, lời thơ như lời độc thoại của người vợ:

"Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười mưa dám quản công"

Nhân dân ta thường nói "vợ chồng là duyên nợ". Nhà thơ Tú Xương đã chỉ từ ghép "duyên nợ" thành hai từ đơn: "duyên – nợ". "Duyên" thì thiêng liêng rồi vì đã có sự tham gia của đấng vô hình (ông Tơ bà Nguyệt), còn "nợ" thì đã thành trách nhiệm nặng nề. "Một duyên hai nợ" đã diễn tả được sự vận động trong tâm trí của bà Tú. "Một duyên hai nợ âu đành phận" là bà Tú đã thuận theo lòng trời và thuận theo lòng người (tấm lòng của chính bà!).

Nói gọn lại là bà Tú đã chấp nhận! Và chấp nhận cuộc hôn nhân duyên nợ này, bà chấp nhận một ông đồ nho ngông "tám khoa chưa khỏi phạm trường quy", bà chấp nhận vị quan "ăn lương vợ" nên bà đâu "dám quản công":

"Năm nắng mười mưa dám quản công"
Thành ngữ "dầm mưa dãi nắng"

được tác giả vận dụng sáng tạo thành "năm nắng mười mưa". Phải nói những con số trong thơ Tú Xương rất có thần. Ta đã thấm thía với hai số năm – một trong câu thừa đề (Nuôi đủ năm con với một chồng).

Giờ đây là sự linh diệu của những con số một – hai và năm – mười trong câu luận. "Một duyên hai nợ" đối với "Năm nắng mười mưa", cho thấy gian khổ cứ tăng lên, bà Tú chịu đựng hết.

Trước người vợ giỏi giang, tần tảo, chịu đựng mọi gian lao vất vả để "nuôi đủ năm con với một chồng" thì nhà thơ chỉ còn biết tự trách mình.

"Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ hững cũng như không!"

Vì quá thương vợ mà nhà thơ tự trách mình, trách một cách nặng nề. "Cha mẹ thói đời…" thì đã thành lời xỉ vả mình. Thật ra là một cách ông Tú nhún mình để cho công trạng của bà Tú nổi lên, chứ Tú Xương đâu phải là người "ăn ở bạc".

Ăn chơi sa đà thì có, "hờ hững" nữa, thì nhà thơ đã thành thật nói rồi, chứ bạc tình, bạc nghĩa thì không. Gang thép với cường quyền mà nhũn với vợ như thế thì thật là con người đáng kính.

Bằng tình cảm chân thành, bằng nghệ thuật sống động, Tú Xương đã thể hiện được hình ảnh người phụ nữ giỏi giang, lam lũ, tần tảo nuôi chồng nuôi con. Bà Tú có những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam xưa.

Bài ca ngất ngưởng

*_Nguyễn Công Trứ_*

Nói đến những nhà thơ nửa đầu thế kỷ XIX không thể không nhắc đến nhà thơ – ông quan thị lang triều Nguyễn: Nguyễn Công Trứ. Đây là mọt nhân vật nổi tiếng trong lịch sử, một phần nhân vật hăm hở lập công, hết sức đề cao chí làm trai và cách sống rất độc đáo, luôn tự do, phóng túng.

Nguyễn Công Trứ được coi là một trong những thi sĩ nổi tiếng nhất đương thời, ông có công lớn trong việc nâng thể hát nói thành thể thi ca có khả năng biểu hiện những tình cảm phong phú và tinh tế.

Trong số những bài thơ của Nguyễn Công Trứ sáng tác theo thể hát nói, nức danh hơn cả là bài thơ Bài ca ngất ngưởng. Đây là một tác phẩm được sáng tác sau khi tác giả rời bỏ chốn quan trường về quê nhà sống cuộc đời ẩn dật.

Đây cũng là lúc chất ngạo nghễ, ngất ngưởng vốn có của cụ Thượng Trứ được bộc lộ một cách đầy đủ nhất. Dẫu sao, tuy là một nhân vật có bản lĩnh, giàu cá tính, nhưng khi còn đang làm quan, Nguyễn Công Trứ cũng không thể sống một cách tự do, ông vẫn phải tuân thủ những luật lệ của triều đình.

Và như lịch sử đã ghi lại, trong nhiều triều đại phong kiến thì triều đại Nguyễn vẫn được coi là một triều đại có những thiết chế hết sức gò bó, phi lí, phi nhân đạo nhất.

Bằng Bài ca ngất ngưởng, Nguyễn Công Trứ đã trình bày một cách thật sinh động, độc đáo bản sơ yếu lí lịch của mình và bao trùm bài thơ, người đọc có thể cảm nhận một lối sống khác người, khác đời của tác giả.

Lối sống của ông đối lập với lối sống của tập đoàn, đối lập với những quan niệm chính thống lúc bấy giờ.Trước hết, ngay tiêu đề của bài thơ đã khiến người đọc phải chú ý, phải suy nghĩ. Cái độc đáo của Nguyễn Công Trứ phải chăng được thể hiện ngay trong cách ông đặt tiêu đề của bài thơ: Bài ca ngất ngưởng.

Theo cách hiểu thông dụng, ngất ngưởng chỉ thế cao mà không vững, dễ đổ vỡ. Thí dụ: Bình hoa để ngất ngưởng. Ngoài ra, ngất ngưởng còn có nghĩa là chỉ người đi thẳng, không vững, lúc tiến lên phía trước, lúc thì ngả sang phải, lúc ngả sang trái…

Đọc kỹ bài thơ, chúng ta có thể nhận thấy tiêu đề của bài thơ này góp phần quan trọng trong việc diễn tả thái độ, tư thế của nhân vật trữ tình – tác giả luôn vươn lên trên thói tục, sống giữa tập đoàn, giữa mọi người mà khác đời, khác người, bất chấp mọi người.

Nguyễn Công Trứ thường nói đến chí nam nhi theo tinh thần nho giáo. Trong bài Chí làm trai, nhà thơ khẳng định:

Chí làm trai nam, bắc, đông, tây
Cho phí sức vẫy vùng trong bốn bể

ở Bài ca ngất ngưởng, Nguyễn Công Trứ cũng mở đầu bằng một câu chữ Hán có tính chất tuyên ngôn thể hiện cái chí làm trai nói trên: mọi việc trong trời đất chẳng có việc nào không là phận sự của ta:

Vũ trụ nội mạc phi phận sự

Đây chính là điều mà Nguyễn Công Trứ tâm niệm. Chẳng thế mà luôn được ông nhắc đến trong rất nhiều bài thơ trong suốt cuộc đời sáng tác của mình, vũ trụ chức phận nội (việc vũ trụ là phận sự của ta – Gánh trung hiếu), vũ trụ ngã phận sự (Những việc trong vũ trụ là phận sự của ta – luận kẻ sĩ).

Theo quan niệm của Nguyễn Công Trứ, đã sinh ra làm đấng tu mi, thì nhất thiết phải có danh gì với núi sông, phải làm những việc lớn lao, phải được ghi vào sử sách. Cái hay của câu thơ mở đầu chính là triết lí sống đúng đắn và tình cảm chân thành của tác giả.

Muốn xã hội tiến bộ, mỗi con người phải tự khẳng định mình, phải cố gắng cao nhất làm được một việc gì đó có ích cho đời để có thể tự hào với mọi người.

Khát vọng đó, quyết tâm đó là chính đáng, là rất đáng trân trọng; nhất là một khi nó được thể hiện một cách trực tiếp với một thái độ chan thành của nhà thơ. Tiếp đó, Nguyễn Công Trứ tự xưng tên mình, tự khẳng định tài năng của mình:

Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng

Lâu nay, câu thơ này ít nhất đã có hai cách hiểu. Cách hiểu thứ nhất cho rằng: ông Hi Văn, một con người tài giỏi đã vào vòng cương tỏa của triều đình (như con chim yêu tự do, thích bay trên bầu trời cao rộng, nay bị nhốt vào lồng), và do đó, ông không thể sống ngất ngưởng như mình muốn.

Cách hiểu thứ hai: ông Hi Văn là người toàn tài, có thể sánh ngang với trời đất; lồng ở đây được hiểu là trời đất, là vũ trụ, trong quan niệm của người xưa thì đất có hình vuông và trời có hình tròn.

Có lẽ cách hiểu thứ hai thuyết phục hơn, nhất quán hơn so với cách hiểu thứ nhất; đặc biệt nếu đặt trong cảm hứng bao trùm bài thơ, cách hiểu này có văn cứ hơn.

Vả chăng, nội dung hai câu đầu thường sẽ chi phối toàn bộ bài thơ, mà cảm hứng chủ đạo trong bài thơ này chính là cảm hứng ngạo nghễ, ngất ngưởng chứ không phải là nỗi niềm oán thán về việc mất tự do..Hi Văn là biệt hiệu của Nguyễn Công Trứ.

Nói trực tiếp về mình, gọi hiệu mình ra mà nói là cách diễn đạt rất Nguyễn Công Trứ. Trước cụ Thượng Trứ, bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương cũng có lần xưng danh:

Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi
Này của Xuân Hương đã quệt rồi
(Mời trầu)

Và tác giả truyện Kiều cũng đã từng xưng hiệu trong một câu thơ ai oán của Độc Tiểu Thanh kí:

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?
(Không biết ba trăm năm sau nữa
Thiên hạ ai người khóc Tố Như)

Nhưng quả thật chưa ai xưng danh rồi sau đó lại dám khẳng định luôn mình là người có tài năng như Nguyễn Công Trứ. Có điều, câu thơ tác giả nói về mình nhưng tựa như nói về người khác, nói một cách tự nhiên, hồn nhiên.

Khi thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông, Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưởng, Lúc bình Tây, cờ đại tướng, Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên.

Đoạn thơ trên bộc lộ sự tự khẳng định niềm tự hào về tài năng văn võ song toàn của mình. Tuy vậy, cái hay của đoạn thơ trên trước hết xuất phát từ thái độ chân thành, hồn nhiên và sự trung thực của tác giả.

Tiểu sử Nguyễn Công Trứ quả đã có ghi: Vào năm 1819, ông đã đỗ thủ khoa kì thi Hương; 7 năm sau, Nguyễn Công Trứ làm tham tán công vụ, đến năm 1831 ông làm Tổng đốc tỉnh Đông (Hải An).

Lúc 62 tuổi, ông được cử đi đánh thành Trấn Tây…Tuy là một người xuất thân quan văn, nhưng Nguyễn Công Trứ đã từng chỉ huy đánh tiểu phỉ ở biên giới phía Bắc, đánh giặc ở biên giới Tây Nam, rồi đàn áp các cuộc nổi loạn của nông dân.

Sau câu thơ đầu vừa phân tích trên đây là hết sức quan trọng trong tạo nên cái cần thiết để tác giả tự bộc lộ một lối sống ngất ngưởng ở những câu thơ tiếp theo bằng giọng tự trào nhưng rất có duyên thông qua việc ông tự mô tả mình và lối sống của mình:

Đô môn giải tổ chi niên.
Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng.
Kìa núi nọ phau phau mây trắng,
Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì,
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng.

Đối với những nhà giàu sang quyền quí khi xưa, ngựa là phương tiện giao thông chủ yếu. Đi ngựa là thể hiện sự sang trọng và quyền lực.

Nhưng cụ Thượng Trứ lại khác đời: cụ không đi ngựa mà lại đi xe do con bò cái lông vàng kéo, rong chơi khắp chốn. Đã thế, trước cửa xe, cụ để bôn câu thơ trên một tấm mo cau:

Xuống ngựa, lên xe, nọ tưởng phàm
Lợm mùi giáng chức với thăng quan
Điền viên dạo chiếc xe bò cái
Sẵn tấm mo che miệng thế gian

Quả thật, ở con người Nguyễn Công Trứ có sự tương phản gay gắt. Sự tương phản này tạo nên nét hấp dẫn của tác giả, một tay ngất ngưởng: bò vàng lại đeo đạc ngựa, vôn tay kiếm cung mà lại từ bi, đi chùa mà lại mang theo cả …một đôi dì.

Điều ấy khiến cho kẻ hiền lành, thoát bụt cũng cảm thấy nực cười. Vậy, vì sao Nguyễn Công Trứ sống giữa chốn danh lợi bon chen như thế mà vẫn bình thản, thoát khỏi lẽ thường ở đời, nhất là đối với một quan lại triều đình trong chốn hoan lộ vốn bất bằng?

Có lẽ vì một lẽ đơn giản ngay trong tiềm thức, trong ý thức sâu xa của mình, ông đã không quan tâm đến cái được, cái mất ở đời. Ta còn nhớ trong ngót ba mươi năm chốn quan trường, có lúc Nguyễn Công Trứ làm đại tướng,có khi chỉ là một anh lính thú ở chốn biên ải.

Tuy thế, lúc nào ông cũng bình thản như ngọn gió xuân, mặc cho thiên hạ khen hay chê:

Được mất dương dương người tái thượng,
Khen chê phơi phới ngọn đông phong.

Và nguyên nhân cốt lõi của thái độ sống này, của cái ngất ngưởng này chính là sự ý thức đầy đủ về cái tôi cá nhân, cá thể của mình, cũng như ý thức về tài năng và phẩm hạnh của mình.

Câu kết bài thơ, Nguyễn Công Trứ nhấn mạnh thêm một lần nữa cảm hứng ngất ngưởng bằng câu: Trong triều ai ngất ngưởng như ông? Câu nghi vấn nhưng lại chính là câu khẳng định: trên đời này không ai độc đáo, ngạo nghễ, ngất ngưởng bằng thi sĩ Nguyễn Công Trứ.

Đặt trong chế độ phong kiến, Bài ca ngất ngưởng có ý nghĩa về nhiều phương diện. Nó ít nhiều báo hiệu sự thức tỉnh của ý thức cá nhân, cá thể trong hoàn cảnh cái tôi không được thừa nhận. Nó ghi nhận một bước tiến đáng kể trong lịch sử dân tộc theo hướng dân chủ hóa.

Ngày nay, lối sống và cách sống ngất ngưởng của Nguyễn Công Trứ có thể cần được tiếp thu một cách cân nhắc. Tuy nhiên, bài thơ Bài ca ngất ngưởng vẫn có ý nghĩa, trước hết trong việc khích lệ người đọc hãy sống mạnh mẽ, hãy sống có ích để cuộc đời mình ngày một có ý nghĩa, không chấp nhận một cuộc sống tẻ nhật, vô nghĩa.

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

*_Nguyễn Đình Chiểu_*

Văn tế nghĩa sĩ cần Giuộc là đỉnh cao sáng tác của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu và cũng là tác phẩm biểu hiện tập trung nhất, sâu sắc nhất tư tưởng yêu nước, thương dân của ông.

Với lòng thương cảm và khâm phục chân thành, nhà thơ đã dựng nên một tượng đài nghệ thuật bất hủ về người anh hùng nghĩa sĩ nông dân trong thời kì lịch sử chiến đấu chống ngoại xâm của dân tộc. Có thể nói bài Văn tế là khúc ca bi tráng về người nghĩa sĩ nông dân dám xả thân vì sự sống còn của đất nước.

Vẻ đẹp đầu tiên ở họ là tinh thần tự nguyện đánh giặc, vốn là những người dân cày quanh năm côi cút làm ăn, điều lo toan hằng ngày của họ là làm sao cho đủ ăn đủ mặc, đừng đói khổ, rách rưới. Họ biết thân phận mình là hèn mọn trong xã hội, ngoài sưu thuế phải nộp cho đủ, họ đâu dám nghĩ đến công to việc lớn.

Quốc gia đại sự là của vua quan và triều đình. Vậy mà giờ đây, giặc Lang Sa tràn sang cướp nước, gieo rắc tanh hôi (tinh chiên) đã ba năm mà mặt mũi quan quân chẳng thấy ở đâu, có chăng nữa thì chi là lũ hèn nhát chạy dài. Cảnh tượng ấy khiến họ không thể bưng tai bịt mắt làm ngơ. Lòng yêu nước hun đúc từ nghìn xưa trong huyết quản sôi sục, họ tự nguyện đứng lên đánh giặc:

Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình; chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ.

Họ nhận về mình công việc cực kì khó khăn, to lớn: đoạn kình, bộ hổ, tức là đánh lại quân giặc mạnh hơn mình gấp bao lần.

Vẻ đẹp tinh thần của họ là dám đánh, dám hi sinh; một lòng xin ra sức, ra tay, cống hiến sức mình cho Tổ quốc. Tịnh thần dám đánh, dám hi sinh ấy càng đẹp biết bao nhiêu khi họ chi là những người dân ấp dân lân, tự liên kết thành đội ngũ để chiến đấu chứ không phải là quân lính của triều đình.

Từ cửa nếp nhà tranh của mình, họ xông thẳng vào trận, không hề được luyện tập mảy may. Tỉnh thần ấy lại thêm lớn lao khi nhìn vào vũ khí trong tay họ. Có thể nói, trang bị sắc bén của họ chính là tấm lòng yêu nước và nghĩa lởn vì nước, chứ rơm con cúi, lưỡi dao phay, gậy tầm vông làm sao đem đối chọi được với súng song tâm, với tàu thiếc tàu đồng.

Cái sắc bén, cái sức giết giặc của nó chi là ở trái tim, ở dũng khí của người cầm dao, cầm gậy vẻ đẹp của họ thật hào hùng, nhưng bên cạnh cái hào hùng ấy lại là nỗi đau, nỗi thương muốn rơi nước mắt!

Vậy mà ta hãy xem họ xung trận. Bao nhiêu lời văn là bấy nhiêu chất hùng ca, hừng hực khí phách, rực lửa chiến đấu của một trận đánh quyết liệt và anh dũng:

Hoả mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ni hồn kinh , bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ.

Quả là tuyệt vời! Ai đó đã dùng một cách nói rất đắc (chứ không phải đắt) là hình tượng người nghĩa sĩ nông dân cực nhọc, nghèo khó đã hiện lên thành một hình ảnh anh hùng lồng lộng giữa chiến trường, làm chủ trận chiến, áp đảo tất cả.

Lưỡi dao phay, ngọn tầm vông của họ đâm ngang chém ngược, tung hoành, hiên ngang chiếm lĩnh cả không gian trận địa, làm cho giặc hồn kinh phách lạc. Tiếng hè, tiếng la ó của họ át cả tiếng đại bác của tàu thiếc tàu đồng.

Rơm con cúi, lưỡi dao phay cũng đốt xong đồn giặc, cũng chém rớt đầu quan hai giặc. Đoạn văn đầy những động từ, những cụm động từ miêu tả hành động mãnh liệt, hào khí bừng bừng.

Trước những con người anh hùng ấy, quân giặc hung dữ với súng đạn nghênh ngang đều như co rúm lại, thấp bé, tồi tàn đến thảm hại. Có thể nói hình bóng người nghĩa sĩ nông dân cần Giuộc nổi lên trên nền trời rực lửa, sừng sững như một tượng đài kì vĩ.

Cảm xúc chủ đạo của bài Văn tế là cảm xúc bi tráng, lời văn rắn rỏi, âm điệu sồi sục, dồn dập. Nghệ thuật đối đã phát huy hiệu quả cao nhất của nó.

Tất cả hợp thành một âm hưởng chiến trận hào hùng, phấn khích của một thiên anh hùng ca tuyệt diệu.

Ngòi bút tác giả hoàn toàn xứng đáng với hành động cao cả của người nghĩa sĩ nông dân, với những tư tưởng cực kì lớn lao mà tác giả đã phát hiện ra trong hành động tự nguyện giết giặc cứu nước của họ.

Gần ba chục nghĩa sĩ nông dân bỏ mình trong cuộc chiến đấu ác liệt và không cân sức. Cái chết bi tráng của họ khiến thiên nhiên và con người thảy đều thương tiếc: Đoái sông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng; nhìn chợ Trường Bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ. Người chết v) đất nước, vì dân tộc, hỏi làm sao không xúc động đến đồng bào, non nước.

Tượng đài nghệ thuật về người nghĩa sĩ nông dân mang tính chất bi tráng. Nó được dựng lên trong nước mắt, trong tiếng khóc thống thiết của nhà thơ và của nhân dân. Đây là thành cồng nghệ thuật xuất sắc của nhà thơ mù yêu nước Nguyễn Đình Chiểu.

Bài Văn tế như một tấm bia, một cái mốc, một tượng đài vinh quang về người nông dân Nam Bộ anh hùng, về nhân dân lao động muôn thuở sáng ngời.

Hai đứa trẻ

*_Thạch Lam_*

Truyện của Thạch Lam không có chuyện. Truyện "Hai đứa trẻ" cũng vậy. Chỉ có hai đứa trẻ từ Hà Nội chuyển về một phố huyện nghèo, trông coi một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu.

Chiều, hai chị em ngồi trên chiếc chõng tre ngắm cảnh phố xá lúc hoàng hôn, rồi đêm đến, tuy đã buồn ngủ ríu cả mắt, hai chị em vẫn cố thức để đợi xem chuyến tàu đêm từ Hà Nội chạy qua rồi mới khép cửa hàng đi ngủ.

Thạch Lam muốn tránh lối viết tầm thường là hấp dẫn người đọc bằng cốt truyện li kì, những tình tiết éo le, những cuộc tình mùi mẫn, hoặc là những xung đột gay cấn hồi hộp. "Hai đứa trẻ" hấp dẫn người đọc bằng chất liệu thật của đời sống. Cách lựa chọn chất liệu này gần với Nam Cao, Nguyên Hồng, Tô Hoài (các nhà văn hiện thực giàu tính nhân đạo), lại kích thích người đọc bằng những ước mơ, hoài bão tốt đẹp.

Tinh thần lãng mạn ấy gắn với các nhà văn Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo. Thạch Lam có một lối văn nhẹ như cánh bướm đậu trên hoa. Bức tranh bằng ngôn ngữ của ông có thể ví với tranh lụa chứ không phải sơn dầu. Thạch Lam trước sau vẫn là một nhà văn lãng mạn. lãng mạn tích cực, đẹp.

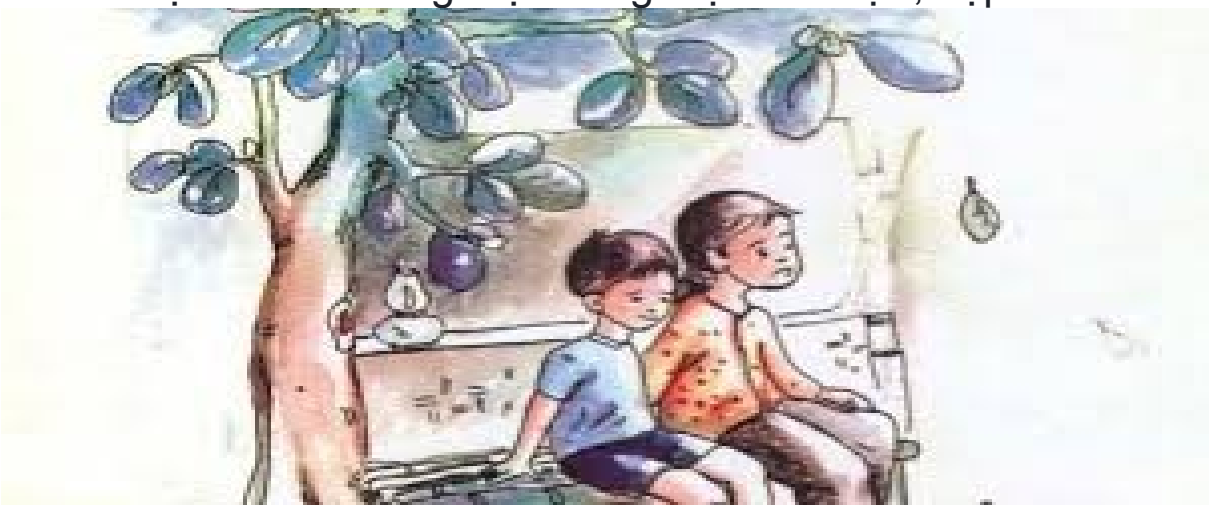

Trong "Hai đứa trẻ" chất lãng mạn và hiện thực hòa quyện với nhau hiện ra trong bức tranh thiên nhiên của một vùng quê vào một buổi chiều ả.

Rồi màn đêm dần dần buông xuống "Một đêm mùa hạ êm như nhung và thoảng qua gió mát…" thiên nhiên thì cao rộng thì cao rộng và thơ mộng. "Phương Tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn". Nhưng làng quê thì đầy bóng tối, thảm hại. "Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve". "Đôi mắt Liên, bóng tối ngập đầy dần". "Chỉ thấy lòng buồn man mác trước giờ khắc của ngày tàn".

Chính bức tranh đời sống rất mực chân thật vừa thấm đượm cảm xúc chữ tình này đã gây nên cảm giác buồn thương day cho người đọc. Ý nghĩa tư tưởng của truyện chủ yếu toát ra từ bức tranh đời sống phố huyện nghèo.

Dưới mắt của hai đứa trẻ, cảnh phố huyện hiện lên thật là cụ thể, sinh động, gợi cảm. Đó là cảnh bãi chợ trống trải, vắng vẻ khi buổi chợ đã vãn từ lâu. "Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất".
Cảnh chợ tàn phơi bày sự nghèo nàn, xơ xác của đời sống phố huyện. Ống kính cần mẫn của nhà văn lia qua phố huyện: trên đất chỉ còn "rác rưởi, bỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía". Cảnh còn được miêu tả bởi khứu giác tinh tế của nhà văn "một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này".
Bức tranh phố huyện trong "Hai đứa trẻ" đầy sức ám ảnh là vì những màu sắc và hương vị như thế.

Trong khung cảnh tiêu điều, buồn bã đó, hình ảnh những con người nghèo khổ, lam lũ, nhếch nhác của phố huyện hiện dần ra. Những đứa trẻ đi nhặt nhạnh những thứ rơi vãi ở bãi chợ.

Mẹ con chị Tí lễ mễ đội chõng xách điếu đóm ra dọn hàng, "ngày, chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này…". Gia đình bác Xẩm ngồi trên manh chiếu, cái thau sắt trắng để ở trước mặt".

Thằng con bò ra đất nghịch nhặt rác bẩn bên đường. Và hai chị em Liên với cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ Hà Nội về quê vì thầy Liên mất việc. Bà cụ Thi điên điên tàng tàng mua rượu uống và cười "khanh khách" lảo đảo đi vào bóng tối.

Tất cả đều là những kiếp sống lầm than, cực khổ, tàn tạ. Qua con mắt của bé Liên, tất cả cuộc sống chìm trong đêm tối mênh mông, chỉ còn ngọn đèn của chị Tí, cái bếp lửa của bác Xiêu, ngọn đèn Hoa Kỳ vặn nhỏ của Liên… tức chỉ là mấy đốm sáng tù mù, những đốm lửa nhỏ nhoi ấy chẳng làm cho phố huyện sáng sủa mà chỉ càng khiến cho đêm tối mịt mù dầy đặc mà thôi. "Tất cả phố xá trong huyện

bây giờ thu nhỏ lại nơi hàng nước của chị Tí". Hình ảnh ngọn đèn con nơi hàng nước của chị Tí chỉ chiếu sáng một vùng đất nhỏ ấy trở đi trở lại tới bẩy lần trong huyện là hình ảnh đầy ám ảnh và có sức gợi rất nhiều về những kiếp sống nhỏ nhoi, lay lắt, mù tối trong đêm đen mênh mông của cuộc đời.

Cảnh phố huyện lúc chiều tối như một khúc nhạc buồn mà điệp khúc cứ lặp lại.Chiều tối nào mẹ con chị Tí cũng lễ mễ dọn hàng, chị em Liên lại kiểm hàng rồi tính tiền, rồi ngồi trên chõng tre ngắm cảnh.

Bác phở Siêu lại gánh hàng và thổi lửa, bác Xẩm lại trải chiếu, đặt thau. Điệp khúc ấy cứ lặp đi lặp lại đơn điệu, buồn tẻ. Họ cũng lóe lên một chút hi vọng. Hi vọng là liều thuốc an thần cho những con người khốn khổ ấy.

Nhất Linh cũng từng nói những người dân quê rất nghèo khổ tiền bạc nhưng rất giàu hi vọng hão “chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày của họ”.

Hai đứa trẻ làm sao ý thức rõ rệt được cảnh tù đọng, buồn chán, bế tắc mà chúng đang sống cũng như về những khát vọng tinh thần mơ hồ của mình. Song với tâm hồn ngây thơ, nhạy cảm, cô bé Liên cảm nhận thấm thía tuy chỉ là vô thức hiện thực đó, khát vọng đó.

Chính vì khao khát được thoát khỏi cảnh tù đọng mù tối ấy mà chị em Liên đêm đêm cố thức đợi chuyến tàu đi qua. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua, một thế giới khác hẳn đối với Liên, khác hẳn cái vầng sáng của ngọn đèn chị Tí và ánh lửa bác Siêu.

“Hai đứa trẻ” của Thạch Lam không đi sâu miêu tả những xung đột xã hội, xung đột giai cấp. Ông cũng không để tâm miêu tả những bộ mặt gớm ghiếc của những kẻ bóc lột và khuôn mặt bi thảm của những kẻ bị áp bức, vì nói cho cũng Thạch Lam là một nhà văn lãng mạn.

Ông phác họa bức tranh phố huyện nghèo, chân thật trong từng chi tiết và trong chiều sâu tinh thần của nó. Bức tranh làng quê mù xám với những con người nhỏ nhoi đáng thương ấy thấm đẫm niềm cảm thương chân thành của tác giả đối với những người lao động nghèo khổ sống quẩn quanh bế tắc, tối tăm.

Qua bức tranh ảm đạm của phố huyện và qua hình ảnh của những con người bé nhỏ với chút hi vọng le lói, ta thấy được mơ ước lớn của nhà văn là muốn thay đổi cuộc sống ngột ngạt đó cho những con người lao động nghèo khổ

Chữ người tử tù

*_Nguyễn Tuân_*

Nguyễn Tuân là một nhà văn lớn của nền văn học Việt Nam hiện đại. Nói đến Nguyễn Tuân là nói đến một nghệ sĩ tài hoa. Mỗi lời văn của Nguyễn Tuân đều là những nét bút trác tuyệt như một nét chạm khắc tinh xảo trên mặt đá quý của ngôn ngữ (Tạ Tỵ).

Một trong những nét bút trác tuyệt đó là tác phẩm Chữ người tử tù. Nối bật lên trong tác phẩm là hình tượng nhân vật Huấn Cao và cảnh cho chữ – một cảnh tượng xưa nay chưa từng có.

Huấn Cao là nhân vật khá điển hình cho bút pháp lãng mạn. Chúng ta đều biết văn học lãng mạn thường mô tả theo những mẫu hình lí tưởng. Có nghĩa là nhà vàn thường thả trí tưởng tượng của mình để theo đuổi những vẻ đẹp hoàn hảo nhất.

Bởi thế nhân vật viết theo lối lãng mạn có tầm vóc phi thường. Nó là biểu hiện cho những gì mà nhà văn mơ ước, khao khát. Huấn Cao là thế. Từ đầu đến cuối, ông hiện ra như một con người phi thường.

Từ tài hoa đến thiên lương, từ thiên lương đến khí phách, nhất nhất đều có tầm vóc phi thường. Có thể nói Huấn Cao là một giấc mơ đầy tính nhân văn của ngòi bút Nguyễn Tuân.

Là nhân vật tài hoa nghệ sĩ, phẩm chất đầu tiên của Huấn Cao là tài hoa. Thiên truyện được mở đầu bằng cuộc đối thoại của hai nhân vật quản ngục và thơ lại. Ở đây tuy Huấn Cao hiện lên gián tiếp nhưng cũng đủ để cho ta thấy ông nổi tiếng với tài văn võ song toàn, uy danh đồn khắp cõi tỉnh Sơn.

Cái tài được tô đậm nhất ở nhân vật này là tài viết chữ đẹp. Đó là nghệ thuật thư pháp – một bộ môn nghệ thuật truyền thống và cao siêu của dân tộc. Ở sự gửi gắm, kí thác toàn bộ những tâm nguyện sâu xa của mình.

Bởi thế mỗi con chữ là một tác phẩm nghệ thuật sâu xa của mình. Bởi thế mỗi con chữ là một tác phẩm nghệ thuật, là sự kết tinh những vẻ đẹp tâm hồn của người viết. Mỗi con chữ là hiện thân của khí phách, của thiên lương và tài hoa.

Chữ Huấn Cao thể hiện nhân cách Huấn Cao. Nó quý giá không chỉ vì được viết rất nhanh, rất đẹp, đẹp lắm, vuông lắm mà trước hết vì đó là những con chữ nói lên khát vọng tung hoành của một đời con người. Chính vì thế mà có

được chữ của ông Huấn Cao đã trở thành tâm nguyện lớn nhất, thiêng liêng nhất của quản ngục. Để có được chữ Huấn Cao, quản ngục sẵn sàng đánh đổi tất cả, kể cả sự hi sinh về quyền lợi và sinh mệnh của mình.

Nhưng Huấn Cao không chỉ là một đấng tài hoa, sâu xa hơn, ông còn có một tấm lòng – đó là tấm lòng biết quý trọng thiên lương của con người.

Một nhà văn nước ngoài đã nói về chân lí sâu xa. Hãy đập vào trái tim mình thiên tài là ở đó. Thì ra gốc của tài năng là ở trái tim, gốc của cái tài là cái tâm. Tấm lòng biết trọng thiên lương là gốc rễ của nhân cách Huấn Cao.

Trong mắt Huấn Cao, quản ngục chỉ là một kẻ tầm thường không làm nghề thất đức. Bởi lí Huấn Cao đã thể hiện sự khinh bỉ không cần giấu giếm, đến khi nhận ra viên ngục là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa bản đàn mà nhạc luật điều hỗn loạn xô bồ thì Huấn Cao rất ân hận.

Bằng tất cả sự xúc động, Huấn Cao đã nói: Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các ngươi… Thiếu chút nữa ta phụ một tấm lòng trong thiên hạ. Câu nói ấy đã hé mở cho chúng ta thấy phương châm của một nhân cách sống là phải xứng đáng với những tấm lòng.

Cảm hứng lãng mạn bao giờ cũng xui khiến các nghệ sĩ khắc họa những hình tượng sao cho hoàn hảo thậm chí đến mức phi thường. Ông Huấn Cao cũng thế. Nguyễn Tuân đã khiến cho hình tượng này trở thành một con người siêu phàm với việc tô đậm một khí phách siêu việt.

Căm ghét xã hội thối nát, ông đã cầm đầu cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình, sự nghiệp không thành, ông lĩnh án tử hình. Nhưng tù đày, gông cùm và cái chết cùng không khuất lạc được ông.

Ông luôn tìm thấy ở những nơi mà tự do bị tước bỏ. Đối với Huấn Cao, mọi sự trói buộc, tra khảo, giam cầm đều vô nghĩa. Và khi quản ngục hỏi ông muốn gì để giúp, ông đã trả lời bằng sự khinh bạc đến điều… lời nói của ông có thể là nguyên cớ để ông phải rước lấy những trận trả đũa.

Nhưng một khi đã nói nghĩa là ông không hề run sợ, không hề quy phục trước cường quyền và bạo lực. Có thể Huấn Cao sừng sững trong suốt cả thiên truyện như một khí phách kiên cường bất khuất, uy vũ bất năng khuất.

Những phẩm chất tuyệt vời đó của Huấn Cao đã chói sáng lên trong cảnh tượng cuối cùng mà Nguyễn Tuân đã gọi là cảnh tượng xưa nay chưa từng có – cảnh cho chữ. Cảnh cho chữ là sự biểu hiện sống động rực rỡ của tài hoa, thiên lương và khí phách của Huấn Cao.

Muốn hiểu được giá trị sâu sắc của cảnh cho chữ cho chúng ta không thể không nói tới quá trình dẫn đến cảnh cho chữ ấy. Người tinh ý sẽ dễ nhận thấy rằng câu chuyện có hai phần rõ rệt: Phần đầu giới thiệu các nhân vật và dẫn dắt câu chuyện chuẩn bị cho phần sau.

Phần sau khắc họa cảnh cho chữ. Nếu không có phần hai thì phần đầu chỉ là những mẩu vụn vặt, thiếu sức sống. Bởi thế phần hai tuy ngắn nhưng lại là kết tinh của toàn bộ câu chuyện.

Và bút lực của Nguyễn Tuân càng dồn vào phần này đậm nhất. Toàn bộ câu chuyện xoay quanh một tình huống đặc biệt. Đó là cuộc gặp hết sức éo le của Huấn Cao và quản ngục – Nơi gặp gỡ là nhà tù, thời gian là những ngày cuối cùng trước khi ra pháp trường của Huấn Cao.

Những điều này làm cho tình thế trở nên ngặt nghèo, bức xúc, khó xoay sở. Nhưng oái ăm hơn cả vẫn là thân phận của hai nhân vật, về bình diện xã hội, họ là những kẻ đối địch.

Một người là kẻ phản loạn, dám nổi dậy chống lại thể chế đương thời, còn người kia lại là một viên quan đại diện cho chính thể ấy. Nhưng về bình diện nghệ thuật, họ lại là hai người tri âm: Một người có tài viết chữ đẹp còn người kia lại vô cùng ngưỡng mộ cái tài đó.

Sự trái ngược này đã đặt quản ngục trước sự lựa chọn nghiệt ngã: hoặc là muốn làm tròn bổn phận cua một viên quan thi phải chà đạp lên tấm lòng tri kỉ hoặc muốn trọn đạo tri kỉ phải phản bội lại chức phận của một viên quan.

Quản ngục sẽ hành động như thế nào? Ông ta hành động như thế nào thì tư tưởng tác phẩm sẽ nghiêng về hướng đó. Với một tương quan như vậy, quan hệ giữa họ ban đầu rất căng thẳng. Tâm nguyện lớn nhất của quản ngục là có được chữ của ông Huấn Cao nhưng đây là cơ hội cuối cùng.

Còn Huấn Cao tuy có tài viết chữ nhưng lại chỉ cho chữ những ai ông cho là tri kỉ. Vậy muốn có chữ của Huấn Cao thì quản ngục phải được ông thừa nhận là tri kỉ trong vòng mấy ngày tới. Điều đó lại dường như không thể đạt được.

Trong mắt Huấn Cao, quản ngục chỉ là kẻ tiểu nhân, giữa họ là một vực sâu ngăn cách. Thực ra quản ngục cũng có những ưu thế để đối xử với những người tù thông thường. Đó là ông ta có thừa quyền lực và tiền bạc.

Nhưng Huấn Cao không phải hạng tiểu nhân như thế, quyền lực không ép được ông cho chữ, tiền bạc không mua được chữ ông. May thay ở viên quản ngục lại có một tấm lòng trong trẻo – tấm lòng biệt nhỡn liên tài.

Và tấm lòng này đã khiến cho Huấn Cao cảm động. Sự cảm động này của Huấn Cao là cội nguồn dẫn đến cảnh cho chữ.

Vậy là việc Huấn Cao cho chữ không giống như việc trả nợ một cách tầm thường, không giống việc một kẻ sắp bị tử hình đang

đem tài sản cuối cùng cho người sống, cũng không phải là cơ hội cuối cùng mà để Huấn Cao trình diễn tài năng, về bản chất việc cho chữ là sự xúc động của một tấm lòng trước một tấm lòng.

Và cảnh cho chữ được Nguyễn Tuân gọi đó là cảnh xưa nay chưa từng có. Bởi trước hết lẽ ra nó phải diễn ra ở nơi sang trọng, đàng hoàng thì nó lại diễn ra trong căn buồng giam chật hẹp, hôi hám, bẩn thỉu.

Và người đem cho cái đẹp lẽ ra phải
thuộc thế giới tự do thì ở đây lại là tử tù sắp bị hành hình. Đặc biệt ở đây diễn ra một sự đổi ngôi xưa nay chưa từng có. Kẻ cầm quyền hành trong tay thì bị tước hết quyền uy, khúm núm trước Huấn Cao, kẻ tưởng chừng bị mất hết quyền sống là ông Huấn Cao trở nên đầy quyền uy khi chăm chú tô đậm những nét chữ và cho quản ngục những lời khuyên.

Và quản ngục vái lạy Huấn Cao như một bậc thánh nhân: Kẻ mê muội này xin bái lĩnh. Cảnh cho chữ lã khẳng định sự chiến thắng của cái đẹp, thiên lương trước cái xấu, cái ác. Trong căn phòng giam ẩm tháp đó, ánh sáng rực rờ của bó đuốc đã đẩy lùi bóng tối, mùi thơm của chậu mực đã xua đuổi mùi phân chuột, phân gián, màu trắng của tấm lụa bạch đã xóa tan sự u ám của nhà tù.

Lúc này cái đẹp đang lên ngôi, cái đẹp đang đăng quang, chiến thắng hoàn toàn cái xấu. Trong những con người ấy lúc này chỉ còn là niềm kính trọng, tôn sùng cái đẹp. Và thiên lương của Huấn Cao đang tỏa sáng, soi đường dẫn dắt quản ngục – một kẻ nhầm đường, lạc lối.

Qua đây tác giả cũng khẳng định rằng cái đẹp có thể tồn tại ở mọi nơi, mọi lúc, chiến thắng mọi cái xấu, cái ác. Và cái đẹp có

thể cứu rỗi linh hồn con người, giúp con người hiểu nhau hơn, xích lại gần nhau hơn. Cái đẹp sẽ không mất đi ngay cả khi nó bị vùi dập. Đó là giá trị nhân văn của tác phẩm.

Với nghệ thuật vẽ mây, nảy trăng và nghệ thuật đối lập, Nguyễn Tuân đã làm nổi bật hình tượng Huấn Cao và khẳng định sự chiến thắng của cái đẹp. Đồng thời nhà văn còn sử dụng hệ thống ngôn ngữ cổ: biệt nhỡn liên tài, thiên lương, bái lĩnh, sở nguyện… mang lại cho truyện bầu không khí và nhịp điệu của thời phong kiến xa xưa, giúp nhà văn tái tạo câu chuyện của một thời vang bóng.

Vội vàng

*_Xuân Diệu_*

Xuân Diệu là nhà thơ lớn của nền văn học hiện đại Việt Nam ; nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ Xuân Diệu là khúc hát nồng nàn, tha thiết về tình đời, tình người được thể hiện qua những cách tân nghệ thuật nhiều mới lạ. Cuộc sống trong thơ Xuân Diệu thật phong phú tuyệt diệu, Đó không phải là một thiên đường trên mặt đất, một vũ trụ đầy sung sướng, rất đáng sống (hỡi xuân hồng …).

Đúng như nhà nghiên cứu văn học Vũ Ngọc Phan viết: “Với nguồn cảm hứng mới: yêu đương và tuổi xuân, dù lúc vui hay lúc buồn, Xuân Diệu cũng ru thanh niên bằng giọng yêu đời thấm thía”. Và có lẽ bài “Vội Vàng” bộc lộ đầy đủ nhất nhận định trên về thơ Xuân Diệu.

Bài "Vội Vàng" có hình ảnh cả một thiên đường trên mặt đất: Xuân Diệu phát hiện và khẳng định dứt khoát mùa xuân và mọi cảnh đẹp quanh ta là cả một thế giới thần tiên.Bốn câu đầu: Hình ảnh cái tôi lãng mạn bộc lộ rất độc đáo:

"Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi".

"Tắt nắng" để cho màu không nhạt phai, "buộc gió" để cho hương còn ở lại mãi với hoa; cũng có nghĩa thi sĩ muốn lưu giữ thời gian để cho tuổi trẻ mãi mãi còn xanh; mùa xuân mãi mãi bên ta.

Đó là tiếng nói của cái tôi đầy kiêu hãnh với khát vọng mãnh liệt lạ lùng, cho thấy tầm vóc của con người muốn vươn lên để có thể ngang tầm với tạo hóa. Thiên đường – mùa xuân ấy mang bao nhiêu vẻ đẹp: Sức sống của vạn vật đều rộn ràng tươi thắm, nảy nở rất trẻ trung: những ngày tháng tuyệt vời nhất của đôi lứa trong tuần tháng mật đầu tiên; trên nền tươi xanh của đồng nội bao la trổ lên những bông hoa tươi thắm; những cành non tơ của mùa xuân với những chiếc lá tươi xanh, xao động nhẹ nhàng trong gió xuân; và khắp không gian từ loài vật đến con người tất cả đều đắm say trong khúc tình si đôi lứa thật tuyệt vời là buổi sáng mùa xuân, mặt trời lên đem đến nguồn sáng trong lành giống như người thiếu nữ tỉnh giấc nồng, bừng mở cặp mắt thần tiên … những cái chớp mắt đã phát hiện ra muôn vạn ánh hào quang; vì thế cả mùa xuân giống như một thiên đường tươi non tràn ngập sức hấp dẫn:

"Tháng giêng ngon như một cặp môi gần"

Theo Xuân Diệu, cứ mỗi ngày xuân mới đến là bắt đầu một đoạn đời vui với bao nhiêu tốt lành sung sướng:

"Mỗi buổi sớm thần Vui hằng gõ cửa"

Qua hình ảnh thiên đường ấy Xuân Diệu muốn nói gì? Sao người ta cứ đi tìm bồng lai ở tận đâu đâu, cứ đi tìm cõi cực lạc ở mãi chốn xa xăm nào, trong khi nó ở ngay cuộc sống quanh ta đây, ngay trong giờ phút hiện tại này.

Vậy còn chờ gì nữa, hãy yếu mến, hãy gắn bó và sống hết mình với cuộc sống thần tiên ấy. Nhà thơ láy nhiều lần hai chữ "này đây" để tô đậm thái độ trầm trồ, hào hứng trước cái đẹp dồi dào, không kể xiết của vẻ đẹp mùa xuân; qua đó mà nhấn mạnh: Con người cần phải đón nhận ngay, hưởng thụ ngay những vẻ đẹp tươi thắm đó.

Thật ra thế giới tươi đẹp này, vườn xuân mơn mởm này đâu phải bây giờ mới có. Nhưng có mà mắt ta không nhìn thấy, thực chất tâm hồn ta không biết quan tâm và rung động, thì có cũng như không. Thi sĩ không tạo ra được thế giới mới, nhưng có cặp mắt mới "cặp mắt xanh non, cặp mắt biếc rờn" … ngơ ngác và đầy vui sướng, Xuân Diệu lần đầu tiên như đã trông thấy sự sống kì diệu của mùa xuân; và nhà thơ nhất thiết phải nói cho hết thảy mọi người đều biết, đều quan tâm, hưởng thụ mùa xuân như mình.

Vậy là bằng hình tượng nghệ thuật, nghệ sĩ có thể đua tài với tạo hóa toàn năng, khi sáng tạo ra những hình tượng nghệ thuật phong phú, đầy mĩ cảm. Ở chốn thiên đường ấy, đẹp nhất, đáng yêu nhất là con người trần thế trong tuổi trẻ và tình yêu.Thơ xưa lấy vẻ đẹp thiên nhiên làm chuẩn mực cho mọi vẻ đẹp của con người (khuôn trăng, nét ngài,…).

Xuân Diệu đưa ra một tiêu chuẩn khác, ngược lại với quan điểm truyền thống. Theo thi sĩ con người hồng hào mơn mởn giữa tuổi yêu đương là đẹp nhất. Đó mới là chuẩn mực cho mọi vẻ đẹp trên thế gian này.

Đây là ý nghĩa nhân bản độc đáo của mĩ học Xuân Diệu. Nó đã giúp nhà thơ sáng tạo nên những hình ảnh mới mẻ, tràn đầy sức sống của tuổi trẻ và tình yêu. Bài "Vội Vàng" có 2 hình ảnh đặc sắc: Đó là nàng công chúa tỉnh giấc lúc bình minh:

"Và này đây ánh sáng chớp hàng mi"

Bài thơ còn có một hình ảnh độc đáo, đáng gọi là một sáng tạo tuyệt vời":

"Tháng giêng ngon như một cặp môi gần",

Một hình ảnh táo bạo rất Xuân Diệu, một vẻ đẹp rất con người, rất trần thế. Nhưng cũng thật tuyệt mĩ,chỉ có tạo hóa toàn năng mói có thể làm nên được!

Hoài Thanh khi xem Xuân Diệu là "nhà thơ mới nhất" trong phong trào thơ mới, đã rất tinh khi chỉ ra đặc điểm mĩ học mới mẻ của Xuân Diệu "với Thế Lữ, thi nhân ta còn nuôi giấc mộng lên tiên, một giấc mộng rất xưa. Xuân Diệu đốt cảnh bồng lai xua ai nấy về hạ giới" (Thi nhân Việt Nam).

Triết lí sống vội vàng thể hiện một quan điểm nhân sinh mới mẻ của Xuân Diệu. Sống vội vàng nghĩa là sống cao độ, tận hưởng cao độ mỗi giấy phút của tuổi xuân. Vì sao phải vội vàng? Xuân Diệu đã biện luận, đã lí sự theo một cách rất riêng.

Từ xa xưa, văn chương đã than thở về sự ngắn ngủi của kiếp người (đời người như bóng câu qua của sổ; ba vạn sáu ngàn ngày là mấy …). Nhưng hồi ấy, con người nói chung vẫn ung dung bình tĩnh, vì cá nhân chưa tách khỏi cộng đồng, con người còn gắn làm một với vũ trụ.

Cho nên người chết chưa hẳn là hư vô, trái lại vẫn có thể cùng cộng đồng và trời đất tuần hoàn (trong dân gian, có quan niệm về sự đầu thai kiếp khác; đoạn "trao duyên" trong truyện Kiều có sự hình dung của Kiều khi chết đi, hồn nàng sẽ hiện về trong gió, đến bên người yêu, "Hồn còn mang nặng lời thề – Nát thân bồ liễu đền ngì trúc mai – Dạ đài cách mặt khuất lời – Rưởi xin chén nước cho người thác oan" …).

Niềm tin ấy còn đâu nữa ở thế hệ các nhà thơ mới thức tỉnh toàn diện và sâu sắc về ý thức cá nhân. Ý thức ấy là gì? Đó là cái khát vọng của con người muốn thoát ra khỏi những lễ nghi, tập tục phong kiến, muốn được sống một cuộc sống tinh thần phong phú và sâu sắc (Hoài Thanh gọi đó là cái khát vọng được "thành thực", khát vọng được là chính mình).

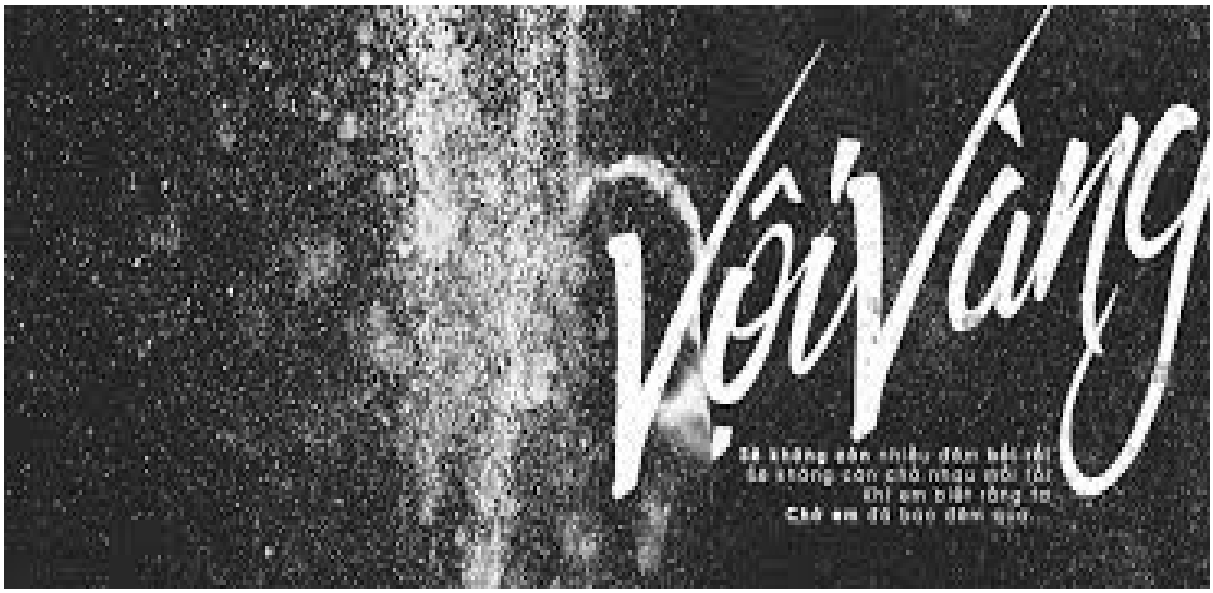

Xuân Diệu là nhà thơ mới nhất trong phong trào thơ mới; cho nên ý thức cá nhân rất cao. Nó trỗi dậy sừng sững:

"Ta là Một, là Riêng, là thứ Nhất
Không có chi bè bạn nổi cùng ta"

và chói lọi:

"Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm"

Cho nên, ở bài "Vội Vàng" nổi bật lên triết lí sống mới mẻ và tích cực: sống "Vội Vàng". Thi sĩ ý thức rất rõ về sự trôi chảy của thời gian, cái thời gian một đi không bao giờ trở lại:

"Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua
Xuân con non nghĩa là xuân sắp già"

Mà đời thì hữu hạn, thậm chí rất ngắn ngủi trước thời gian vô cùng và vũ trụ vô biên:

"Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại

Còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi".

Cho nên Xuân Diệu quyết không để "chờ nắng hạ mới hoài xuân" vì vậy thi sĩ "bâng khuâng tiếc cả đất trời". Để bênh vực thêm cho "luận thuyết" của mình , nhà thơ còn viện dẫn:

"Con gió xinh thì thào trong lá biếc
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi
Phải chẳng sợ độ phai tàn sắp sửa?"

Gió đùa trong lá không phải là những âm thanh tươi vui của thiên nhiên, của mùa xuân, mà là lời "thì thào" về nỗi hờn giận, buồn thương.

Gió phải chia tay với cây lá mà bay đi; chim chóc trên cây đang ca hát rộn ràng chào xuân bỗng ngừng bặt, chẳng phải có sự đe dọa nguy hiểm nào, mà chỉ vì chúng buồn tiếc cho mùa xuân sắp trôi qua.

Thế là chẳng riêng gì Xuân Diệu mà cả vạn vật trong thiên nhiên cũng thức nhận về cái quy luật nghiệt ngã, cái một đi không bao giờ trở lại của thời gian:

"Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi
Khắp sông núi vẫn than thần tiễn biệt".

Vậy Xuân Diệu đưa ra một quyết định hợp lí cho mình và muốn cho tất cả mọi người "Không chờ nắng hạ mới hoài xuân".

Vội vàng là điều tất yếu nhưng phải vội vàng theo cách nào? Không thụ động chấp nhận cái phai tàn của sự sống mùa xuân, Xuân Diệu chọn một giải pháp độc đáo đón xuân, hưởng hạnh phúc mùa xuân thật khẩn trương và ngay lập tức (Vội Vàng).

Thật ra không phải thi sĩ không đắn đo khi nghĩ tới một giải pháp cố níu giữ thời gian lại (Tôi muốn tắt nắng đi – Cho màu đừng nhạt mất – Tôi muốn buộc gió lại – Cho hương đừng bay đi). Nhưng thi sĩ và cả mọi người đều biết ngay là không thể được. Vậy chỉ còn một cách:

"Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn;
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng
Cho chuếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng
Cho no nê thanh sắc của thời tươi
– Hỡi xuân hồng! Ta muốn cắn vào ngươi".

"Ta" là tiếng nói của cái tôi đầy kiêu hãnh, tự chủ. Một câu thơ chỉ có ba chữ "Ta muốn ôm" với giọng thơ rắn chắc thể hiện một ý chí dứt khoát. "Ôm" xem chừng còn lỏng lẻo quá.

Tất cả vẻ đẹp của đời rồi sẽ trôi đi, cho dù con người có dang tay mà ôm chặt lấy. Vì thế, "riết" cho thêm chặt: "Ta muốn riết mây đưa và gió lượn". "Riết" dù chặt đến mấy, vẫn chỉ là bên ngoài, nên phải chuyển hóa vào bên trong, phải say trong tâm hồn: "Ta muốn say cánh bướm với tình yêu".

"Say" đến thế nào đi chăng nữa thì đối tượng mà ta say vẫn chỉ là một khách thể, nên càng đòi hỏi cao hơn, tức là phải thu hút, phải thâu tóm đối tượng về phía mình: "Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều".

"Hôn nhiều" chẳng qua chỉ là một phương tiện, một cách nói về sự thu hút cho đến tận cùng, cho hết mọi vẻ đẹp "mây đưa và gió lượn, cánh bướm với tình yêu", non nước, trời mây,… chẳng qua chỉ là những hình ảnh mang tính biểu trưng cho những vẻ đẹp của sự sống mơn mởn giữa cuộc đời. Xuân Diệu thể hiện một thái độ tận hưởng đến mức cuồng nhiệt, đến mức tối đa:

"Cho chuếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;".

"Chuếnh choáng", "no nê", "đã đầy" là những tính từ chỉ mức độ hưởng thụ. Những vật trừu tượng giờ đây cũng hóa thành vật chất cụ thể đến mức có thể "đã đầy", "no nê". Cần nhớ, với Xuân Diệu, tất cả mọi vẻ đẹp đều chỉ gắn với "thời tươi", tức là thời của tuổi xanh đương độ, mơn mởn non tơ, tràn đầy sức sống.

Thế mà vẫn chưa hả lòng hả dạ, thi sĩ còn một đòi hỏi quyết liệt hơn: "Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi". "Xuân hồng" là một hình ảnh đa nghĩa nói về mùa xuân đương độ của đất trời với hoa lá non tơ, cũng là tuổi xuân đương độ của mỗi con người, đồng thời có thể là một hình ảnh cụ thể, một dáng xuân tươi trẻ nào đó.

"Cắn" tưởng như thô thiển nhưng đầy chất thơ. "Cắn" chẳng qua là sự hưởng thụ cả vật chất lẫn tinh thần – sự hưởng thụ trọn vẹn và sâu sắc. Với tuổi trẻ đừng chỉ soi ngắm mình trong gương mà phải biến tất cả những vẻ đẹp trên đời thành vật chất để mà hưởng thụ.

Ngoài ra, "cắn vào ngươi" đặt trong hệ thống của mạch thơ toàn bài, của hành động liên tiếp, của nhân vật trữ tình (ôm, riết, say, thâu) còn là biểu hiện của tâm trạng hoảng hốt trước vẻ đẹp đang trôi đi. Vì thế, phải "cắn" để mà giữ lấy! Trong tình yêu lứa đôi, người ta thường đi tìm sự hòa đồng đến tuyệt đích, đến vô biên giữa hai cá thể. Cho nên "cắn vào ngươi" là đòi hỏi được hóa thân trong tình yêu. Đây là một cách dùng từ hết sức táo bạo và đầy sáng tạo của Xuân Diệu.

Phải dùng từ như thế mới nói hết được khát vọng sống mạnh mẽ đến ham hố, đến cuồng nhiệt của con người.

“Vội Vàng” là sự thể hiện cái nhìn về thời gian và sự sống của Xuân Diệu. Bài thơ có thể coi là bức tranh nhân sinh mới, tiến bộ của Xuân Diệu. “Vội Vàng” vì thế cũng là một lời khuyên với mỗi người đọc, nhất là tuổi trẻ, phải làm cho tuổi xuân của mình trở nên có ý nghĩa, đừng để cho nó trôi đi trong sự hoài phí.

Tuổi xanh rồi sẽ qua đi (Tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại) nhưng nếu chỉ biết vội vàng tận hưởng mà chẳng biết làm gì để có sự tận hưởng đó, làm gì để góp cái có ích cho đời thì lại là một thái độ sống tiêu cực., lối ống ích kỉ, cá nhân chủ nghĩa.

Mà Xuân Diệu thì “cả cuộc đời luôn luôn học tập, rèn luyện và lao động sáng tạo vừa là một quyết tâm khắc khổ, một lẽ sống, một niềm say mê lớn”.

Về nghệ thuật: Bài “Vội Vàng” có được sự kết hợp nhuần nhị giữa mạch cảm xúc dồi dào (thiên đường mùa xuân trên mặt đất, lòng yêu đời ham sống của nhà thơ) và mạch triết luận sâu sắc (đẹp nhất không phải cõi tiên mà là cõi trần trong tuổi trẻ và mùa xuân; thời gian qua mau, tuổi trẻ ngắn ngủi vì thế phải “vội vàng” tận hưởng – phải “cắn” vào “xuân hồng” …).

Thể hiện hai chủ đề lòng yêu đời, yêu cuộc sống và một quan niệm sống mới mẻ, Xuân Diệu đã chọn được những hình thức mới lạ cho thơ.

Thể thơ tự do (bốn chữ, tám chữ có khi một câu ba chữ) thích hợp với mạch cảm xúc và triết luận của bài. Giọng thơ nhiệt thành hào hứng càng nổi bật lòng ham sống của thi nhân.

Đặc biệt là những sáng tạo của hình ảnh (câu 5 đến câu 10, câu 25 đến câu 28) khiến cho lời thơ tràn đầy sự sống và cảm xúc.

Có những ý thơ rất lạ lùng (4 câu đầu) và những hình ảnh rất Xuân Diệu (Và này đây ánh sáng chớp hàng mi/Tháng giêng ngon như một cặp môi gần/ Hỡi xuân hồng! Ta muốn cắn vào ngươi) càng làm nổi bật cảm hứng chủ đạo của bài thơ

Tràng giang

*_Huy Cận_*

Nhà thơ Huy Cận tên thật là Cù Huy Cận, với giọng thơ rất riêng đã khẳng định tên tuổi của mình trong phong trào thơ mới 1930-1945. Ông vốn quê quán Hương Sơn, Hà Tĩnh, sinh năm 1919 và mất năm 2005.

Trước Cách mạng tháng Tám, thơ ông mang nỗi sầu về kiếp người và ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên, tạo vật với các tác phẩm tiêu biểu như: "Lửa thiêng", "Vũ trụ ca", Kinh cầu tự". Nhưng sau Cách mạng tháng Tám, hồn thơ của ông đã trở nên lạc quan, được khơi nguồn từ cuộc sống chiến đấu và xây dựng đất nước của nhân dân lao động: "Trời mỗi ngày lại sáng", "Đất nở hoa", "Bài thơ cuộc đời"... Vẻ đẹp thiên nhiên nỗi ưu sầu nhân thế, một nét thơ tiêu biểu của Huy Cận, được thể hiện khá rõ nét qua bài thơ "Tràng Giang".

Đây là một bài thơ hay, tiêu biểu và nổi tiếng nhất của Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám. Bài thơ được trích từ tập "Lửa thiêng", được sáng tác khi Huy Cận đứng ở bờ Nam bến Chèm sông Hồng, nhìn cảnh mênh mông sóng nước, lòng vời vợi buồn, cám cảnh cho kiếp người nhỏ bé, nổi trôi giữa dòng đời vô định.

Mang nỗi u buồn hoài như thế nên bài thơ vừa có nét đẹp cổ điển lại vừa đượm nét hiện đại, đem đến sự thích thú, yêu mến cho người đọc:

"Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài
Sóng gợi tràng giang buồn điệp điệp

....

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà."

Ngay từ thi đề, nhà thơ đã khéo gợi lên vẻ đẹp cổ điển lại hiện đại cho bài thơ. "Tràng giang" là một cách nói chệch đầy sáng tạo của Huy Cận. Hai âm "ang" đi liền nhau đã gợi lên trong người đọc cảm giác về con sông, không chỉ dài vô cùng mà còn rộng mênh mông, bát ngát.

Hai chữ "tràng giang" mang sắc thái cổ điển trang nhã, gợi liên tưởng về dòng Trường giang trong thơ Đường thi, một dòng sông của muôn thuở vĩnh hằng, dòng sông của tâm tưởng.

Tứ thơ "Tràng giang" mang nét cổ điển như thơ xưa: Nhà thơ thường ẩn đằng sau cái mênh mông sóng nước, không như các nhà thơ mới thường thể hiện cái tôi của mình.

Nhưng nếu các thi nhân xưa tìm đến thiên nhiên để mong hoà nhập, giao cảm, Huy cận lại tìm về thiên nhiên để thể hiện nỗi ưu tư, buồn bã về kiếp người cô đơn, nhỏ bé trước vũ trụ bao la. Đó cũng là vẻ đẹp đầy sức quyến rũ của tác phẩm, ẩn chứa một tinh thần hiện đại.

Câu đề từ giản dị, ngắn gọn với chỉ bảy chữ nhưng đã thâu tóm được cảm xúc chủ đạo của cả bài: "Bâng khuâng trời rộng nhớ sống dài". Trước cảnh "trời rộng", "sông dài" sao mà bát ngát, mênh mông của thiên nhiên, lòng con người dấy lên tình cảm "bâng khuâng" và nhớ.

Từ láy "bâng khuâng" được sử dụng rất đắc địa, nó nói lên được tâm trạng của chủ thể trữ tình, buồn bã, u sầu, cô đơn, lạc lõng. Và con "sông dài", nghe miên man tít tắp ấy cứ vỗ sóng đều đặn khắp các khổ thơ, cứ cuộn sóng lên mãi trong lòng nhà thơ làm rung động trái tim người đọc.

Và ngay từ khổ thơ đầu, người đọc đã bắt gặp những con sóng lòng đầy ưu tư, sầu não như thế:

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Vẻ đẹp cổ điển của bài thơ được thể hiện khá rõ ngay từ bốn câu đầu tiên này. Hai từ láy nguyên "điệp điệp", "song song" ở cuối hai câu thơ mang đậm sắc thái cổ kính của Đường thi. Và không chỉ mang nét đẹp ấy, nó còn đầy sức gợi hình, gợi liên tưởng về những con sóng cứ loang ra, lan xa, gối lên nhau, dòng nước thì cứ cuốn đi xa tận nơi nào, miên man miên man.

Trên dòng sông gợi sóng "điệp điệp", nước "song song" ấy là một "con thuyền xuôi mái", lững lờ trôi đi. Trong cảnh có sự chuyển động là thế, nhưng sao chỉ thấy vẻ lặng tờ, mênh mông của thiên nhiên, một dòng "tràng giang" dài và rộng bao la không biết đến nhường nào. Dòng sông thì bát ngát vô cùng, vô tận, nỗi buồn của con người cũng đầy ăm ắp trong lòng:

Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Thuyền và nước vốn đi liền nhau, thuyền trôi đi nhờ nước xô, nước vỗ vào thuyền. Thế mà Huy Cận lại thấy thuyền và nước đang chia lìa, xa cách "thuyền về nước lại", nghe sao đầy xót xa.

Chính lẽ vì thế mà gợi nên trong lòng người nỗi "sầu trăm ngả". Từ chỉ số nhiều "trăm" hô ứng cùng từ chỉ số "mấy" đã thổi vào câu thơ nỗi buồn vô hạn.

Tâm hồn của chủ thể trữ tình được bộc lộ đầy đủ nhất qua câu thơ đặc sắc: "Củi một càng khô lạc mấy dòng". Huy Cận đã khéo dùng phép đảo ngữ kết hợp với các từ ngữ chọn lọc, thể hiện nỗi cô đơn, lạc lõng trước vũ trụ bao la.

"Một" gợi lên sự ít ỏi, nhỏ bé, "cành khô" gợi sự khô héo, cạn kiệt nhựa sống, "lạc" mang nỗi sầu vô định, trôi nổi, bập bềnh trên "mấy dòng" nước thiên nhiên rộng lớn mênh mông. Cành củi khô đó trôi dạc đi nơi nào, hình ảnh giản dị, không tô vẽ mà sao đầy rợn ngợp, khiến lòng người đọc cảm thấy trống vắng, đơn côi.

Nét đẹp cổ điển "tả cảnh ngụ tình" thật khéo léo, tài hoa của tác giả, đã gợi mở về một nỗi buồn, u sầu như con sóng sẽ còn vỗ mãi ở các khổ thơ còn lại để người đọc có thể cảm thông, thấu hiểu về một nét tâm trạng thường gặp ở các nhà thơ mới.

Nhưng bên cạnh đó ta cũng nhìn ra một vẻ đẹp hiện đại rất thi vị của khổ thơ. Đó là ở cách nói "Củi một cành khô" thật đặc biệt, không chỉ thâu tóm cảm xúc của toàn khổ, mà còn hé mở tâm trạng của nhân vật trữ tình, một nỗi niềm đơn côi, lạc lõng.

Nỗi lòng ấy được gợi mở nhiều hơn qua hình ảnh quạnh vắng của không gian lạnh lẽo:

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.

Hai từ láy "lơ thơ" và "đìu hiu" được tác giả khéo sắp xếp trên cùng một dòng thơ đã vẽ nên một quang cảnh vắng lặng. "Lơ thơ" gợi sự ít ỏi, bé nhỏ "đìu hiu" lại gợi sự quạnh quẽ. Giữa khung cảnh "cồn nhỏ", gió thì "đìu hiu", một khung cảnh lạnh lẽo, tiêu điều ấy, con người trở nên đơn côi, rợn ngộp đến độ thốt lên "Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều".

Chỉ một câu thơ mà mang nhiều sắc thái, vừa gợi "đâu đó", âm thanh xa xôi, không rõ rệt, có thể là câu hỏi "đâu" như một nỗi niềm khao khát, mong mỏi của nhà thơ về một chút sự hoạt động, âm thanh sự sống của con người.

Đó cũng có thể là "đâu có", một sự phủ định hoàn toàn, chung quanh đây chẳng hề có chút gì sống động để xua bớt cái tịch liêu của thiên nhiên.

Đôi mắt nhân vật trữ tình nhìn theo nắng, theo dòng trôi của sông:

"Nắng xuống, trời lên sâu chót vót,
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu."

"Nắng xuống, trời lên" gợi sự chuyển động, mở rộng về không gian, và gợi cả sự chia lìa: bởi nắng và trời mà lại tách bạch khỏi nhau. "sâu chót vót" là cảnh diễn đạt mới mẻ, đầy sáng tạo của Huy Cận, mang một nét đẹp hiện đại. Đôi mắt nhà thơ không chỉ dừng ở bên ngoài của trời, của nắng, mà như xuyên thấu và cả vũ trụ, cả không gian bao la, vô tận.

Cõi thiên nhiên ấy quả là mênh mông với "sông dài, trời rộng", còn những gì thuộc về con người thì lại bé nhỏ, cô đơn biết bao: "bến cô liêu".

Vẻ đẹp cổ điển của khổ thơ hiện ra qua các thi liệu quen thuộc trong Đường thi như: sông, trời, nắng, cuộc sông cón người thì buồn tẻ, chán chường với "vãn chợ chiều", mọi thứ đã tan rã, chia lìa.

Nhà thơ lại nhìn về dòng sông, nhìn cảnh xung quanh mong mỏi có chút gì quen thuộc mang lại hơi ấm cho tâm hồn đang chìm vào giá lạnh, về cô đơn. Nhưng thiên nhiên đã đáp trả sự khao khát ấy bằng những hình ảnh càng quạnh quẽ, đìu hiu:

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng,
Mênh mông không một chuyến đò ngang

Không cần gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Hình ảnh cánh bèo trôi bồng bềnh trên sông là hình ảnh thường dùng trong thơ cổ điển, nó gợi lên một cái gì bấp bênh, nổi trôi của kiếp người vô định giữa dòng đời. Nhưng trong thơ Huy Cận không chỉ có một hay hai cánh bèo, mà là "hàng nối hàng".

Bèo trôi hàng hàng càng khiến lòng người rợn ngộp trước thiên nhiên, để từ đó cõi lòng càng đau đớn, cô đơn. Bên cạnh hàng nối hàng cánh bèo là "bờ xanh tiếp bãi vàng" như mở ra một không gian bao la vô cùng, vô tận, thiên nhiên nối tiếp thiên nhiên, dường không có con người, không có chút sinh hoạt của con người, không có sự giao hoà, nối kết:

Mênh mông không một chuyến đò ngang
Không cầu gợi chút niềm thân mật.

Tác giả đưa ra cấu trúc phủ định. "...không...không" để phủ định hoàn toàn những kết nối của con người. Trước mắt nhà thơ giờ đây không có chút gì gợi niềm thân mật để kéo mình ra khỏi nỗi cô đơn đang bao trùm, vây kín, chỉ có một thiên nhiên mênh mông, mênh mông.

Cầu hay chuyến đò ngang, phương tiện giao kết của con người, dường như đã bị cõi thiên nhiên nhấn chìm, trôi đi nơi nào.

Huy Cận lại khéo vẽ nét đẹp cổ điển và hiện đại cho bầu trời trên cao:

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa.

Bút pháp chấm phá với "mây cao đùn núi bạc" thành "lớp lớp" đã khiến người đọc tưởng tượng ra những núi mây trắng được ánh nắng chiếu vào như dát bạc.

Hình ảnh mang nét đẹp cổ điển thật trữ tình và lại càng thi vị hơn khi nó được khơi nguồn cảm hứng từ một tứ thơ Đường cổ của Đỗ Phủ:

Mặt đất mây đùn cửa ải xa.

Huy Cận đã vận dụng rất tài tình động từ "đùn", khiến mây như chuyển động, có nội lực từ bên trong, từng lớp từng lớp mây cứ đùn ra mãi. Đây cũng là một nét thơ đầy chất hiện đại, bởi nó đã vận dụng sáng tạo từ thơ cổ điển quen thuộc.

Và nét hiện đại càng bộc lộ rõ hơn qua dấu hai chấm thần tình trong câu thơ sau. Dấu hai chấm này gợi mối quan hệ giữa chim và bóng chiều: Chim nghiêng cánh nhỏ kéo bóng chiều, cùng sa xuống mặt tràng giang, hay chính bóng chiều sa, đè nặng lên cánh chim nhỏ làm nghiêng lệch cả đi.

Câu thơ tả không gian nhưng gợi được thời gian bởi nó sử dụng "cánh chim" và "bóng chiều", vốn là những hình tượng thẩm mỹ để tả hoàng hôn trong thơ ca cổ điển.

Nhưng giữa khung cảnh cổ điển đó, người đọc lại bắt gặp nét tâm trạng hiện đại:

Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

"Dợn dợn" là một từ láy nguyên sáng tạo của Huy Cận, chưa từng thấy trước đó. Từ láy này hô ứng cùng cụm từ "vời con nước" cho thấy một nỗi niềm bâng khuâng, cô đơn của "lòng quê".

Nỗi niềm đó là nỗi niềm nhớ quê hương khi đang đứng giữa quê hương, nhưng quê hương đã không còn. Đây là nét tâm trạng chung của nhà thơ mới lúc bây giờ, một nỗi lòng đau xót trước cảnh mất nước.

Bên cạnh tâm trạng hiện đại ấy là từ thơ cổ điện được gợi từ câu thơ: "Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai" của Thôi Hiệu. Xưa Thôi Hiệu cần vịn vào sóng để mà buồn, mà nhớ, còn Huy Cận thì buồn mà không cần ngoại cảnh, bởi từ nỗi buồn nó đã sâu sắc lắm rồi. Thế mới biết tấm lòng yêu quê hương thắm thiết đến nhường nào của nhà thơ hôm nay.

Cả bài thơ vừa mang nét đẹp cổ điển, vừa mang nét hiện đại. Vẻ đẹp cổ điển được thể hiện qua lối thơ bảy chữ mang đậm phong vị Đường thi, qua cách dùng từ láy nguyên, qua việc sử dụng các thi liệu cổ điển quen thuộc như: mây, sông, cánh chim... Và trên hết là cách vận dụng các tứ thơ cổ điển, gợi cho bài thơ không khí cổ kính, trầm mặc của thơ Đường.

Vẻ đẹp hiện đại lan toả qua các câu chữ sáng tạo, độc đáo của nhà thơ như "sâu chót vót", dấu hai chấm thần tình. Nhưng vẻ đẹp ấy đọng lại cuối cùng là tâm trạng nhớ quê hương ngay khi đứng giữa quê hương, nét tâm trạng hiện đại của các nhà tri thức muốn đóng góp sức mình cho đất nước mà đành bất lực, không làm gì được.

Bài thơ sẽ còn mãi đi vào lòng người với phong cách tiêu biểu rất "Huy Cận", với vẻ đẹp cổ điển trang nhã sâu lắng và vẻ đẹp hiện đại mang nặng một tấm lòng yêu nước, yêu quê hương.

Đây thôn Vĩ Dạ

*_Hàn Mặc Tử_*

Nhắc tới Hàn Mặc Tử không thể không nhắc tới bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ". "Đậy thôn Vĩ Dạ" đã gắn chặt với thi sĩ họ Hàn như hình với bóng, vì đây là bài thơ vừa thể hiện cái tài, lại vừa thể hiện cái tình; cái tâm của Hàn Mạc Tử chứ đây "chỉ thể hiện tình yêu đối vời một người con gái xứ Huế như bạn nào đó đã nhận xét.

Đây thôn Vĩ Dạ là một bài thơ hoài niệm. Theo tư liệu về Hàn Mạc Tử, khi còn làm việc ở Sở Đạc điền Quy Nhơn, Hàn Mạc Tử đã đem lòng yêu Hoàng Thị Kim Cúc – con gái ông chủ sở Đạc điền Quy Nhơ, quê ở thôn Vĩ, xứ Huế.

Tất cả tình cảm của mình Hàn Mạc Tử gửi gắm vào tập Gái quê. Khi Hoàng Cúc theo cha về nghỉ hưu ở Huế – Vĩ Dạ, Hàn Mạc Tử xem như nàng đã đi lấy chồng:

"Ngày mai tôi bỏ làm thi sĩ
Em lấy chồng rồi hết ước mơ
Tôi sẽ đi tìm mỏm đá trắng
Ngồi lên để thả cái hồn thơ"

Hàn Mạc Tử khi lâm bệnh hủi năm 1936. Năm 1939, Hàn nhận được tấm bưu ảnh của Kim Cúc gửi tặng, đó là một bức ảnh chụp phong cảnh xứ Huế, có sông nước, có thuyền, có bến có trăng, cùng những hàng cau cao vút kèm theo dòng chữ của Hoàng Cúc để an ủi nhà thơ. Bức bưu thiếp đã đánh thức cảm xúc của thi sĩ, nên có bài thơ tuyệt bút này.

Đây thôn Vĩ Dạ gồm 12 câu thất ngôn, chia làm 3 khổ. Khổ thứ nhất mớ đầu bằng một câu hỏi tu từ. Câu thơ thoáng như một lời trách móc nhẹ nhàng có pha chút tiếc nuối của ai đó, nhưng đằng sau đó là lời chào mời tha thiết khách đến thăm để được thưởng thức cảnh đẹp của "thôn Vĩ".

Về thôn Vĩ để được “nhìn nắng hàng cau nắng mới lên”. Nhà thơ nói đến cây cau trước tiên vì cau là loài cây thanh nhã, xinh xắn với thân thẳng tắp, tán lá xanh tươi, gợi sự ngay thẳng thủy chung.

Hình ảnh hàng cau ở đây còn có một chi tiết khó quên, ấy là “Nắng hàng cau, nắng mới lên”. Điệp từ “nắng” gợi cho ta ánh nắng ban mai, biểu tượng cho sức sống, niềm vui đang lan tỏa tràn đầy mặt đất. Trong ánh nắng ban mai, những thân cau còn đọng sương đêm sáng lên lấp lánh như đang vươn lên hút lấy những ánh vàng rực rỡ

Cảnh đẹp, thu hút sự chú ý của tác giả. Câu thơ thứ ba cất lên như một tiếng reo thích thú biểu hiện sự ngạc nhiên, ngưỡng mộ. Khung cảnh Vĩ Dạ đẹp như một bức tranh: “Vườn ai mướt quá xanh như ngọc”.

Vườn Vĩ Dạ với những cây trái được sự chăm sóc bởi bàn tay khéo léo, lại được tắm gội mưa gió thường xuyên, nên mượt mà và dưới ánh nắng ban mai lấp lánh như những viên ngọc bích.

Hình ảnh so sánh của tác giả trong câu thơ vừa chính xác, vừa gợi cảm. Có thể nói, tả vườn của Hàn Mặc Tử đã đạt đến độ tinh tế của một họa sĩ tài hoa.

Chỉ bằng vài nét vẽ chấm phá, Hàn Mạc Tử đã phác họa được khung cảnh khu vườn một làng quê xứ Huế vừa quen thuộc, bình dị, vừa thi vị độc đáo. Ngắm vườn xứ Huế trong cái "nắng mới lên" thật thanh thản.

Nhưng cảnh vật Vĩ Dạ bỗng sinh động hẳn lên, khi bóng dáng con người xuất hiện: "Lá trúc che ngang mặt chữ điền". Mặt chữ điền thường gợi về vẻ đẹp phúc hậu. trang trọng, quý phái, còn lá trúc gợi cái dáng vẻ mảnh mai, xinh xắn, thanh tú.

Câu thơ ngoài ý nghĩa tả thực: thấp thoáng sau khóm trúc có khuôn mặt rất phúc hậu của ai đó hình như đang dõi theo khách đường xa, còn có ý nghĩa tượng trưng, cách điệu hóa.

Cảnh và người tô điểm cho nhau: cảnh xinh xắn, thơ mộng, người phúc hậu qúy phái. Tất cả tạo nên một vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng. Nhờ thế câu thơ đã làm bật được cái linh hồn vườn cây xứ Huế mà khổ thơ tập trung biểu hiện.

Tóm lại, bằng những chi tiết rất quen thuộc và bình dị, Hàn Mạc Tử đã khắc họa một bức tranh quê Vĩ Dạ tràn đầy sức sống với vẻ đẹp bất ngờ, có sự hài hòa giữa cảnh và người. Đoạn thơ làm khơi dậy trong tâm hồn người đọc biết bao nỗi niềm quê hương làng mạc Việt Nam.

Khổ thơ thứ hai cho thấy một thế giới khác của Huế: dòng sông Hương và vẻ đẹp êm đềm trầm tư của Vĩ Dạ nói riêng và Huế nói chung.

Về với Vĩ Dạ, về với Huế, với núi Ngự, sông Hương, Hàn Mạc Tử cũng cảm nhận được cái linh hồn, cái nhịp điệu rất Huế ấy. Khung cảnh Huế dưới ngòi bút của Hàn Mạc Tử có sông nước, bờ bài, có gió, có mây và con thuyền ai đó đậu dưới trăng nơi bến vắng. Tất cả tạo nên một bức tranh êm đềm, thơ mộng.

Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.

Hai câu thơ tả cảnh nhưng thấm đẫm tình người. Hai câu thơ gợi cảm giác chia li buồn vắng đến não nề. Phải chăng một mối tình đơn phương, chưa có phút giây gặp gỡ ngọt ngào đã sớm chia li nên cảnh cũng hòa vào lòng người mà sầu tủi, phân li? Bởi đang trong tâm trạng buồn như vậy nên nhìn vào đâu cũng thấy buồn.

Gió thổi mây bay thường là một chiều, nhưng đây lại đứt gẫy, như là không có sự gặp gỡ. Điệp từ “gió” và “mây” đã thể hiện ra điều dó. Và ngay đến dòng nước vô tri kia cũng trở nên buồn hiu cùng với hoa bắp hiu hắt khẽ “lay”

Hai câu thơ không chỉ tả cảnh và tình trong cảnh, mà dường như còn muốn tả cái nhịp điệu của cảnh. Đó là cái nhịp điệu êm đềm, lững lờ, nét trầm tư rất điển hình không nơi nào có được của Huế. Hai câu thơ có cái nhịp khoan thai chậm rãi cũng đã diễn tả rất thành công cái cảm xúc trên.

Viết về Huế không thể không tả trăng. Trăng dưới ngòi bút của Hàn Mạc Tử huyền ảo, tràn đầy vũ trụ, tạo nên một không khí nửa thực, nửa hư như trong mộng:

"Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?"

Chỉ có trong mộng thì sông mới là sông trăng và thuyền mới chở trăng.Ở đây Hàn Mặc Tử là con người có con mắt rất mơ, rất ảo.

Nhìn vào sự thật thì sự thật thành chiêm bao, nhìn vào chiêm bao lại thấy sẽ sang địa hạc huyền diệu. Lời thơ của Tử thanh tao quá! Ngọt lịm cả người" (Bích Khê).

Trăng là biểu tượng cho cái đẹp của cuộc đời và thiên nhiên. Trăng cũng tượng trưng cho hạnh phúc thanh bình. Vì vậy, hình ảnh thơ của Hàn Mạc Tử đã khơi dậy trong trái tim người đọc một niềm tin, niềm vui, một khát vọng hướng tới cái đẹp hoàn mĩ và thánh thiện.

Nhưng lời thơ lại cất lên như một câu hỏi vô vọng. Hai câu thơ sau của khổ thơ thể hiện tâm trạng khát khao gặp gỡ đồng thời cũng thể hiện nỗi niềm lo âu. phấp phỏng về sự muộn màng. Chỉ một chữ "kịp" câu thơ cuối cùng đã nói lên điều đó.

Khổ thơ thứ ba cho thấy vẻ đẹp huyền ảo của xứ Huế và tình người tình đời thiết tha mà xa xăm vô vọng của tác giả.

"Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra"

Điệp ngữ "khách đường xa" vừa thể hiện tâm trạng khác khoải nhớ mong tha thiết vừa diễn tả cái khoảng cách xa vời của mối tình đơn phương vô vọng. Vì vậy, "mơ khách đường xa" tác giả chỉ thấy "áo"" nhưng "nhìn không ra".

Cô gái này là ai? Một cô gái Huế nào đó hay chính là cô gái thôn Vĩ chập chờn trong cõi mộng của nhà thơ khiến cho tác giả có cảm giác bâng khuâng hư thực? Chỉ biết đây là một hình ảnh vừa rất đỗi gần gũi tha thiết vừa xa xôi.

Gần gũi vì nó đã trở thành một hoài niệm thường trực, xa vời vì khoảng cách thời gian, không gian và làn khói sương của một mối tình chưa có lời ước hẹn "Áo em trắng quá nhìn không ra" là một câu thơ khá đặc sắc.

Màu trắng là màu áo dài của nữ sinh xứ Huế và cũng là màu gợi về sự thanh khiết trắng trong rất phù hợp với cô gái trong mộng tưởng. Cái màu trắng cả không gian, làm nhập nhòa cả thị giác của tác giả.

Và "áo trắng quá" lại càng khó nhận ra khi lẫn vào sương khói hư ảo của Huế lắm nắng, nhiều mưa và sương khói của mối tình chưa có ước hẹn.

Vì vậy, tình cảm của người con gái thôn Vĩ hôm nào có bền chặt cho chăng? “Ai biết tình ai có đậm đà?”.

Trong đau thương tột cùng mà nhà thơ vẫn có những phút giây thả hồn trong trẻo để hướng về một miền quê thân thiết và một mối tình đây mộng ảo để tạo nên một “viên ngọc thơ tuyệt vời, chói lọi nghìn năm” Chế Lan Viên .

Bài thơ cố nhiên có một xuất xứ, có một nguồn cảm hứng cụ thể, nhưng qua việc phân tích, ta thấy, tác phẩm đã vượt xa ranh giới của những gì cụ thể, đạt tới sự khái quát hóa nghệ thuật cao độ để đến với cuộc đời bao la.

Đây thôn Vĩ Dạ của Hàn Mạc Tử không chỉ là một bài thơ thể hiện tình yêu với một người con gái xứ Huế, thậm chí không chỉ dành riêng cho một thôn Vĩ cụ thể mà còn là lời tâm sự thiết tha, là lời trăng trối của thi sĩ một Hàn Mạc Tử về tình yêu day dứt và quá đỗi sâu nặng đối với cuộc đời này.

Chiều tối

*_Hồ Chí Minh_*

Hồ Chí Minh là một cái tên mà tất cả con dân Việt Nam đều ghi tạc trong tim với một lòng yêu quý, kính trọng vô bờ bến. Trong quá trình tìm lại tự do cho dân tộc, Bác đã phải chịu rất nhiều khổ cực, gian khó, đã rất nhiều lần bị bắt giam, chuyển từ nhà tù này sang nhà tù khác, bị đánh đập, tra tấn dã man.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khó khăn ấy, ở Người vẫn ánh lên một tinh thần lạc quan, một niềm tin vào một ngày mai tươi sáng. Bài thơ “Chiều tối” nằm trong tập thơ “Nhật kí trong tù” đã thể hiện được phần nào tinh thần ấy của Người.

Bài thơ chỉ đơn giản là tả lại cảnh nơi thôn dã vào một buổi chiều tối, thế nhưng ẩn chứa trong đó là một ước mơ tự do cho bản thân, ước mơ được quay trở lại quê hương để tiếp tục sứ mệnh của mình.

Bài thơ được sáng tác khi Bác bị giải từ nhà lao Tĩnh Tây đến nhà lao Thiên Bảo. Bức tranh chiều tối được nhìn qua cặp mắt của người tù tay đeo gông chân vướng xiềng:

"Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ

Cô vân mạn mạn độ thiên không."

Dịch thơ:

"Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không."

Buổi chiều thường là lúc đoàn tụ, nhưng cũng là khi con người ta thấy vô cùng cô đơn nếu không có một chốn để về. Cánh chim mỏi sau một ngày kiếm ăn cũng đã bay về tổ của mình. Trên không trung chỉ còn lững lờ một chòm mây.

Giữa thiên nhiên bao la hùng vĩ, con người và cảnh vật đều như dừng lại, chỉ có chòm mây ấy vẫn nhẹ nhàng trôi, càng làm nổi bật lên sự yên ắng, êm ả của buổi chiều tối nơi rừng núi. Chòm mây ấy cũng giống như Bác, đang trong tình cảnh tù tội, vẫn phải cô độc bước đi.

Chòm mây cô đơn, lặng lẽ, Bác cũng lặng lẽ, cô đơn. Tuy thế, phải là một người có lòng yêu thiên nhiên, phải có một tâm thái ung dung, bình tĩnh, lạc quan, vượt lên mọi gông cùm về thể xác để ngắm thiên nhiên, hòa mình với thiên nhiên như thế. Thân xác mỏi rã rời vì phải đi cả ngày đường vất vả, nhưng Bác vẫn dõi mắt theo cánh chim về tổ, tầng mây lững lờ trôi lúc chiều về.

Tuy chỉ hai câu thơ bảy chữ, nhưng cũng đã khiến cho người đọc tưởng tượng ra được cảnh chiều muộn nơi rùng núi thật mênh mông, âm u, vắng vẻ, quạnh quẽ. Đồng thời, cũng nói lên niềm mong ước quay trở về với quê hương, ước mong được tự do như đám mây kia.

Trong khung cảnh thiên nhiên mênh mông, đượm nét buồn lúc chiều muộn nơi rừng núi, bỗng xuất hiện con người:

"Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,

Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng."

Dịch thơ:

"Cô em xóm núi xay ngô tối,

Xay hết, lò than đã rực hồng."

Giữa cảnh buồn của thiên nhiên như trong thơ cổ, cô sơn nữ hiện lên như một điểm sáng, làm cho cả bức tranh trở nên sinh động, vui tươi hơn. Đó chính là nét cổ điển mà hiện đại trong thơ của Hồ Chí Minh. Bức tranh vừa có người, vừa có hoạt động khỏe khoắn của con người trong đó.

Đó chính là nét đẹp, nét đáng quý của người dân lao động. Cô gái đang miệt mài xay ngô bên lò than rực hồng để chuẩn bị bữa tối. Ở đây, bản dịch thơ không đảm bảo được nghệ thuật của bản chữ Hán. Bác đã lặp lại hai chữ "bao túc" ở cuối câu thứ ba và đầu câu thứ tư, như những vòng xay nối tiếp nhau của cô gái, như sự tuần hoàn của thời gian, trời đã tối, tối dần.

Bức tranh vừa ấm áp bởi cảnh tượng lao động khỏe khoắn của người thôn nữ lao động, vừa bởi cái ánh hồng của bếp lò. Đó chỉ là một thứ hạnh phúc bình dị, vậy mà Bác vẫn gạt bỏ hết những đau đớn, mệt mỏi về thân xác để cảm nhận được.

Nhà văn Nam Cao đã viết: "Khi người ta đau chân, người ta không còn tâm trí đâu để nghĩ đến người khác được.", để nói rằng, con người ta thường có xu hướng lo cho những đau khổ của bản thân.

Thế nhưng, ở Bác Hồ – một người lúc nào cũng lo nỗi lo của dân tộc, của đất nước – vậy mà cũng vẫn luôn quan tâm đến những thứ nhỏ nhặt nhất, bình dị nhất. Đó chính là nhân cách cao đẹp của vị lãnh tụ vĩ đại của chúng ta.

Bài thơ “Chiều tối” là một bài thơ tiêu biểu cho nét đẹp cổ điển và hiện đại trong thơ Hồ Chí Minh. Bài thơ chỉ đơn giản là tả về phong cảnh thiên nhiên và con người nơi xóm núi khi chiều muộn, đồng thời, cũng ẩn chứa trong đó nỗi niềm ước mong được tự do, được sum họp của Người. Đồng thời, ở Bác, chúng ta vẫn luôn thấy ánh lên một vẻ đẹp của tinh thần quên mình, của một trái tim giàu lòng yêu thương luôn biết quan tâm đến những điều bình dị nhất.

Từ ấy

*_Tố Hữu_*

Bài thơ "Từ Ấy" nằm trong tập thơ cùng tên, được Tố Hữ sáng tác vào năm 1938, đã đánh dấu sự trưởng thành trong lí tưởng của người thanh niên cách mạng. Bài thơ là tiếng reo vui sướng, hạnh phúc của một người trẻ vẫn đang trên con đường tìm kiếm lẽ sống thì gặp được ánh sáng của lí tưởng, của Đảng, của cách mạng.

"Từ ấy" là một từ để chỉ thời gian, là mốc son đánh dấu một bước ngoặt lớn trong cuộc đời và trong cả tâm hồn của nhà thơ. Giây phút ấy khiến nhà thơ vui mừng đến nỗi không thể định nghĩa chính xác được, chỉ biết là "từ ấy".

“ Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim”

Một loạt những hình ảnh ẩn dụ “ bừng nắng hạ”, “ mặt trời chân lí”, “chói qua tim” được nhà thơ sử dụng tài tình. Người thanh niên vẫn đang loay hoay trong bóng tối của mùa đông mù mịt, chưa tìm thấy lối đi, chưa tìm thấy lí tưởng thì mặt trời bỗng bừng lên xua tan bóng tối, soi đường chỉ lối cho anh.

“Bừng nắng hạ” – đó là ánh nắng mùa hè chói chang, mạnh mẽ và rực rỡ, đủ để soi rọi sau những ngày tăm tối. Đó là ánh sáng đến từ “trong tôi”, từ trái tim người chiến sĩ trẻ.

Sự xuất hiện của lí tưởng Đảng, của cách mạng đã soi sáng cho tâm hồn nhà thơ, như soi rọi cả những góc khuất nhất trong con người, khiến cho cả con người người chiến sĩ trẻ bừng tỉnh ngộ sau những đêm dài tối tăm.

“Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim”

Tố Hữu đã ví “hồn tôi” với “vườn hoa lá”. Với cách so sánh độc đáo này, nhà thơ đã khiến một thứ vô hình trở nên hữu hình, sinh động trước mắt người đọc. Tâm hồn người chiến sĩ trẻ, được ví như một vườn hoa lá, được tắm ánh mặt trời ấm áp và đang sinh sôi nảy nở rất tươi tốt, đầy những thứ hoa thơm quả ngọt, rất “đậm hương”, thu hút bao nhiêu chim chóc về đây, rộn ràng ca hót.

Đây có thể coi là một khổ thơ hay nhất, sinh động nhất trong bài thơ, khiến cho người đọc cũng có thể cảm nhận được sự háo hức, say sưa, rạo rực và tràn đầy nhiệt huyết của nhà thơ khi tìm được lí tưởng của mình.

Từ giác ngộ lí tưởng, người chiến sĩ trẻ tuổi tiếp tục chọn cho mình một lẽ sống mới:

“ Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải khắp muôn nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời”

Nhà thơ tự nguyện “buộc” lòng mình với mọi người, tự nguyện gắn mình với những người dân lao động, với tất cả đồng bào Việt Nam. Ông tự nhận mình cũng là một người đứng trong hàng ngũ những người dân lao động, cùng ăn, cùng ngủ, cùng chia sẻ cay đắng ngọt bùi với nhau, để trở thành một gia đình lớn.

Tình cảm trang trải khắp nơi, họ yêu thương nhau, đùm bọc lẫn nhau. Những người cùng khổ, họ dễ cảm thông, chia sẻ với nhau hơn. Từ “khối đời” là một từ rất trừu tượng, nhưng đã khái quát được lòng mong ước xây dựng một tập thể quần chúng vững chắc, gần gũi, thân thiết như ruột thịt để tạo nên một sức mạnh không gì sánh nổi.

Bốn câu thơ tiếp theo là sự khẳng định của nhà thơ về vai trò, vị trí của mình:

"Tôi đã là con của vạn nhà

Là em của vạn kiếp phôi pha

Là anh của vạn đầu em nhỏ

Không áo cơm, cù bất cù bơ"

Tố Hữu hòa mình với nhân dân, đã tự nguyện trở thành con, thành em, thành anh của bao quần chúng lao động cực khổ, những con người với kiếp sống "phôi pha", sống hôm nay chưa biết đến ngày mai, những kiếp sống mòn mỏi đáng thương, những đứa trẻ tội nghiệp nghèo khổ đói rách.

Từ "là" được nhà thơ sử dụng lặp đi lặp lại, như khẳng định một cách chắc chắn mối quan hệ giữa mình và nhân dân lao động, cũng như một lời khẳng định vai trò của mình đối với người dân, với cộng đồng và xã hội. "Cù bất cù bơ" – một tính từ vô cùng mới mẻ, như những lời nói thường ngày của những người lao động nói chuyện với nhau.

Cuộc sống bơ vơ, tác giả nói mình, nhưng cũng là nói chung những người dân quanh mình, những người anh em của mình, đồng thời bày tỏ lòng xót thương của nhà thơ trước tình cảnh bất công, trái ngang của cuộc đời.

"Từ ấy" là tiếng reo vui không chỉ của nhà thơ, mà còn là của cả một thế hệ thanh niên khi tìm thấy lí tưởng của Đảng, nguyện chiến đấu hết mình vì lí tưởng, vì nhân dân, vì đất nước.

Họ là những người chiến sĩ trẻ, mang trong mình nhiệt huyết, mang trong mình lí tưởng, và lòng yêu thương đồng bào, yêu thương đất nước. Có thể nói, thơ của Tố Hữu là thơ của nhân dân, những lí tưởng cao đẹp được diễn tả bằng những từ ngữ lãng mạn nhưng cũng vô cùng giản dị, gần gũi, là đại diện cho một lớp nhà thơ mới.

II: Lớp 10

Tỏ Lòng

Phạm Ngũ Lão

Đã từng một thời, văn học Việt Nam được biết tới như những con thuyền chở đầy ý chí và khát vọng cao đẹp của người đương thời, đó là những áng thi ca trung đại đầy hào sảng, hùng tráng. Bởi vậy chăng mà cứ mỗi lần từng tiếng thơ "Thuật hoài" (Phạm Ngũ Lão) vang lên, hiện lên trước mắt ta luôn là hình ảnh người tráng sĩ thời đại Lý–Trần với hùng tâm tráng chí sôi nổi, như những bức tượng đài đẹp nhất đại diện cho cả một thời đại đầy rực rỡ của phong kiến Việt Nam: thời đại Đông A.

Là một vị tướng tài ba từng gắn bó sâu sắc với triều đại nhà Trần, Phạm Ngũ Lão hiểu rõ hơn ai hết tấm lòng thiết tha với non sông và khao khát giữ vững độc lập chủ quyền nước nhà của tướng quân và nhân dân.

Trong hoàn cảnh cả dân tộc đang dốc sức thực hiện kháng chiến chống Mông – Nguyên làn hai, cần có một liều thuốc tinh thần tiếp thêm sức mạnh để quân dân từng ngày cố gắng hơn nữa trong sự nghiệp bảo vệ đất nước; "Thuật hoài" ra đời cũng vì lẽ đó.

Đặt trong một hoàn cảnh đặc biệt, được viết dưới ngòi bút của con người có tầm vóc lớn lao, bài thơ dù chỉ là một trong hai tác phẩm của Phạm Ngũ Lão còn lưu lại, song cũng đủ để ghi danh tác giả cho tới tận muôn đời.

Hai câu thơ đầu là những nét phác họa đầu tiên về chân dung người tráng sĩ Đông A:

Hoàng sóc giang sơn kháp kỉ thu
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu
(Múa giáo non sông trải mấy thu
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu)

Bằng lối vào đề trực tiếp, trong câu thơ đầu tiên, tác giả đã dựng lên hình ảnh người tráng sĩ thời Trần mang vẻ đẹp của con người thời đại: cầm ngang ngọn giáo trấn giữ non sông. Chỉ qua một hành động "hoành sóc", người tráng sĩ hiện lên với tư thế đầy oai hùng và kiên cường, ngay thẳng, vững vàng.

Sừng sững như một bức tượng đài đầy hiên ngang giữa không gian rộng lớn của " giang sơn" và dòng thời gian dài trôi chảy " kháp kỉ thu", người ấy mang vẻ đẹp của những đấng anh hùng từng trải, với kinh nghiệm già dặn đã được tôi luyện mỗi ngày.

Vận mệnh và sự bình yên của đất nước đang được đặt trên đầu ngọn giáo kia, đó là trọng trách lớn lao đặt lên vai người tráng sĩ, nhưng cũng chính ngọn giáo ấy là điểm tựa vững vàng che chắn cho cả dân tộc tồn tại.

Câu thơ tỉnh lược chủ ngữ ngắn gọn mang ngụ ý của tác giả: đó không chỉ là một hình ảnh duy nhất của một con người duy nhất, mà là tầm vóc hào sảng của cả biết bao con người thời đại, là không khí sôi sục của đất trời Đông A.

Chưa một thời đại nào trong lịch sử dân tộc, tầm vóc của con người lại trở nên lớn lao đến vậy, với khí thế hùng tráng: “Tam quân tì hổ khí thôn ngưu”. Cách nói ẩn dụ ước lệ quen thuộc trong thi pháp thơ ca trung đại với phép phóng đại “tam quân tì hổ’ cho người đọc ấn tượng mạnh mẽ về đội quân “sát thát” của nhà Trần, với khí thế dũng mãnh, kiên cường.

Cụm từ’ khí thôn ngưu”, có thể hiểu là khí thế của đội quân ra trận với sức mạnh phi thường đến mức có thể “nuốt trôi trâu”, cũng có thể hiểu khí thế ấy sôi sục tới độ at cả sao ngưu, sao mai. Trong cách nói cường điệu, ta thấy được tình cảm tự hào của nhà thơ khi đã nâng tầm vóc của quân dân nhà Trần có thể sáng ngang với thiên nhiên, vũ trụ bao la.

Đó là niềm tự hào của một con người được sinh ra trong một đất nước, một thời đại hùng mạnh, đầy phấn chấn, tự tin, luôn khao khát vươn lên, giữ vững chủ quyền cho nước nhà.Từ hình ảnh người tráng sĩ hiên ngang tới tầm vóc lớn lao của ba quân thời đại, rõ ràng, vẻ đẹp người tráng sĩ ấy là kết tinh của vẻ đẹp dân tộc, và vẻ đẹp dân tộc càng tôn vinh thêm vẻ đẹp hùng sảng của những tráng sĩ thời Trần.

Hai câu thơ đầu tiên vang lên, Phạm Ngũ Lão không chỉ cho ta chiêm ngưỡng vẻ đẹp của một vị anh hùng thời đại, mà là vẻ đẹp muôn thuở của một dân tộc anh hùng.

Từ tư thế hiên ngang dũng mãnh, nhà thơ giúp người đọc đi sâu hơn để khám phá tâm thế vững vàng với hùng tâm tráng chí bên trong ngững tráng sĩ:

Nam nhi vị liễu công danh trái
Tu thính nhân gian thuyết vũ hầu

Với người quân tử trong xã hội phong kiên đương thời, chí làm trai là phẩm chất không thể thiếu. Ta từng nhớ đã đọc những câu thơ nhắc đến món nợ công danh của các đấng nam nhi:

Chí làm trai dặm nghìn da ngựa
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao

(Đoàn Thị Điểm)

Hay:

Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo

(Nguyễn Công Trứ)

Đối với những người tráng sĩ "bình Nguyên" thuở ấy, trong hoàn cảnh đât nước đang bị lăm le xâm chiếm bởi giặc ngoại bang, "nợ công danh" mà họ phải trả, đó là làm sao để bảo vệ trọn vẹn đất nước, để có thể đem lại yên ấm cho muôn dân. Nói khác đi, hùng tâm tráng chí trong lòng người tráng sĩ chính là niềm yêu nước thiết tha sâu nặng, là tiếng nói khát khao đáng giặc cứu lây non sông.

Điều đặc biệt là trong từng câu chữ của "Tỏ lòng", tinh thần bất khuất ấy không được nêu lên một cách giáo điều, khô cứng, mà nó như được tỏa ra từ chính trái tim, thốt lên từ tâm can của một con người với khát vọng đang sôi cháy, rực lửa.

Để rồi, nợ công danh chưa trả hết, và người đời lại "luống thẹn" khi nghe chuyện Vũ Hầu xưa: "Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu". Câu thơ gợi lại một câu chuyện cổ về bậc anh tài Gia Cát Lượng từng giúp hình thành thế chân vạc Tam Quốc, giúp Thục – Ngô chống Tào… Người tướng sĩ thấy hổ thẹn bởi công lao của mình vẫn chưa đáng bao nhiêu so với Tôn Tử, song đó lại là cái thẹn cao cả, là cái thẹn lớn lao, đáng trân trọng của một bậc đại trượng phu.

Ngũ Lão từng là một trong những vị tướng tài ba nhất của nhà Trần, làm tới chức Điện súy thượng tướng quân, vậy còn điều gì khiến người còng hổ thẹn? Rằng, đó không chỉ là nỗi thẹn, mà là niềm khao khát vươn tới những đỉnh cao, vươn tới những tầm vóc rộng lớn hơn nữa.

Có những cái thẹn khiến người ta trở nên bé nhỏ, có những cái thẹn khiến cho người ta khinh, nhưng cũng có những cái thẹn cho người ta thấy được cả một tầm vóc lớn lao và ý chí mãnh liệt; cái thẹn của người tráng sĩ thời Trần là cái thẹn như thế.

"Thuật hoài" lấy tiêu đề dựa theo một motif quen thuộc trong văn học trung đại, bên cạnh "Cảm hoài" của Đặng Dung, hay "Tự tình" của Hồ Xuân Hương,… những bài thơ bày tỏ nỗi lòng của người viết. Với "Tỏ lòng", đây là lời tâm sự bày tỏ tâm tư, ý chí của Phạm Ngũ Lão, cũng là của những tráng sĩ thời Trần mà tâm can đều dành trọn cho dân tộc.

Bài thơ được viêt theo thể thất ngôn tứ tuyệt, chỉ với một số lượng ngôn từ ít ỏi, song lại đạt được tới sự hàm súc cao độ khi đã dựng lên được những bức chân dung con người và hào khí Đông A với vẻ đẹp hào sảng, khí thế, dũng mãnh.

Cùng với "Hịch tướng sĩ" – Trần Quốc Tuấn, "Bạnh Đằng giang phú"- Trương Hán Siêu,… "Thuật hoài" mãi là khúc tráng ca hào hùng ngợi ca vẻ đẹp con người và thời đại, và sẽ tồn tại mãi cùng với dòng trôi chảy của thời gian…

Trao Duyên

Nguyễn Du

Trong suốt chiều dài lịch sử văn học, có rất nhiều những thành tựu văn học rực rỡ thời kì trung đại của những nhà tác giả lớn như: Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Bỉnh Khiêm… Đóng góp vào trong dòng chảy văn học ấy ta không thể không nhắc đến đại thi hào Nguyễn Du. Ông không những là một nhân cách lớn mà đồng thời còn là một nhà văn, nhà thơ vĩ đại.

Những sáng tác của Nguyễn Du bao gồm cả sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm nhưng tiêu biểu nhất là tác phẩm Đoạn trường tân thanh hay còn được biết nhiều hơn dưới tên Truyện Kiều. Đoạn trích Trao duyên là một trong những đoạn trích tiêu biểu thể hiện được tài năng cũng như tử tưởng nhân đạo của tác giả.

Truyện Kiều của Nguyễn Du được viết bằng chữ Nôm dựa trên cốt truyên có sẵn của Thanh Tâm Tài Nhân là Kim Vân Kiều truyện. Thế nhưng, điều đáng nói là bằng sự sáng tạo của người nghệ sĩ, Nguyễn Du đã biến một cốt truyện bình thường trở thành một kiệt tác.

Nếu như Kim Vân Kiều truyện là một câu chuyện "tình khổ" thì Truyện Kiều của Nguyễn Du lại là một khúc ca đau lòng thương người bạc mệnh, nới lên những điều trông thấy trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động. Đoạn trích nằm ở câu thơ 723 đến câu 756, trong phần gia biến và lưu lạc.

Đây cũng chính là mở đầu cho nỗi đau khổ dằng dặc của Kiều trong suốt 15 năm lưu lạc. Sau khi tạm chia tay Kiều, Kim Trọng trở về quê để chịu tang chú. Thế nhưng trong thời gian đó, gia đình của Kiều có biến, cha và em bị bắt.

Là người con có hiếu, Thúy Kiều đã quyết định bán mình để chuộc cha và cũng vì thế mà nằng không thể giữ trọn lời thề thủy chung với Kim Trọng. Kiều một mình chịu đựng nỗi đau:

Một mình nàng ngọn đèn khuya
Áo đầm giọt lệ, tóc se mái đầu.

Kiều ngổn ngang bao nỗi băn khoăn, trăn trở và cuối cùng nàng quyết định nhờ em mình là Thúy Vân chắp mối tơ duyên với Kim Trọng mặc dù vô cùng đau khổ và dằn vặt:

Hở môi ra cũng thẹn thùng
Để lòng lại phụ tấm lòng với ai.

Vượt lên trên tất cả, Kiều đã quyết định trao duyên cho em cùng muôn vàn đau khổ, rơi vào mối mâu thuẫn: lí trí bắt buộc phải trao nhưng tình cảm lại không thể. Trao duyên còn là đứng trước nỗi đau của một bi kịch kép: tình yêu tan vỡ và bi kịch của một cuộc đời lầm than.

Tất cả xảy ra khi Kiều còn đang ở độ tuổi rất trẻ vì vậy, Nguyễn Du đã viết nên đoạn trích bằng tất cả niềm cảm thông, thấu hiểu và thương xót của mình.

Thúy Kiều mở lời nhờ cậy em một cách vừa từ tốn, trang trọng nhưng cũng vô cùng khéo léo, tinh tế và sắc sảo:
Cậy em em có chịu lời

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa
Giữa đường đứt gánh tương tư
Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.

Từ "em" được nhắc đi nhắc lại hai lần, đi liền với từ "cậy", "chịu" và cử chỉ kì lạ: "ngồi lên", "lạy", "thưa" khiến cho lời nhờ cậy trở nên tha thiết, đưa Thúy Vân đến với không gian trang trọng, thiêng liêng của buổi trao duyên.

Trong lời mình, Thúy Kiều đã dùng chữ "cậy" thay cho chữ "nhờ" khiến cho lời lẽ trở nên tha thiết và có sức nặng đồng thời thể hiện sự tin tưởng tuyệt đối của nàng dành cho em. Kiều muốn Vân biết rằng em chính là chỗ bấu víu, trông cậy duy nhất của chị.

Đồng thời, Kiều cũng hiểu rằng việc Vân nhận lời giúp mình cũng là một sự san sẻ. Cũng chính vì thế, thay bằng lối giao tiếp thông thường, Kiều quỳ xuống lạy em như lạy một ân nhân cứu mạng của cuộc đời mình.

Ngay từ những lời đầu tiên, với từng lời nói và cử chỉ ta thấy được tấm lòng tha thiết của Kiều nhưng vô cùng sắc sảo, mặn mà. Sau đó Kiều đã tâm sự với Thúy Vân về mối tình của mình với Kim Trọng:

Kể từ khi gặp chàng Kim
Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề

Kiều nói rõ cho em sự dang dở của mình trong mối tình với Kim Trọng. Câu thơ đã sử dụng cách nói tượng trưng thể hiện sự đau khổ của Thúy Kiều về mối tình đầu dang dở với chàng Kim. Kiều còn gọi mối tình của mình với Kim Trọng là "mối tơ thừa" bởi nàng hiểu với mình, mối tình ấy là tất cả thế nhưng đối với Thúy Vân thì đó lại là điều trói buộc, trái ngang.

Kiều không muốn Thúy Vân phải bận lòng, băn khoăn quá nhiều. Nàng cũng muốn tùy em xử trí: "mặc em". Lời nói của Kiều tưởng như vô cùng dứt khoát và mạnh mẽ thế nhưng, bên trong đó là một nỗi đau đến đứt ruột bởi mối tình của Thúy Kiều với Kim Trọng là mối tình đầu sâu đậm không dễ nguôi ngoai.

Kiều đã kể lại cho em về buổi gặp gỡ, thề nguyền đính ước với chàng Kim. Thúy Kiều gọi Kim Trọng một cách rất trân trọng cùng với sự nối tiếp của các hình ảnh: "quạt ước", "chén thề" gợi về những kỉ niệm giữa hai người.

Qua đó Kiều muốn khẳng định một cách chắc chắn với Thúy Vân rằng mối tình của mình với Kim Trọng là mối tình sâu sắc chứ không phải trăng gió vật vờ. Đồng thời khi hồi tưởng lại mối tình xưa, Thúy Kiều thể hiện tình cảm tha thiết và đầy nuối tiếc mà tất cả hiện lên như vừa mới hôm qua. Kiều còn nói với em về cảnh ngộ hiện tại của mình:

Sự đâu sóng gió bất kì,
Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai.

Nàng muốn Vân hiểu những bất hạnh bất ngờ ập tới khiến cho Kiều vô củng rối bời, Kiều muốn em hiểu rằng mình đang làm tròn chữ hiếu và mong em giúp mình làm trọn chữ tình. Qua đó ta còn thấy một Thúy Kiều muốn sống khao khát sống trọn tình vẹn nghĩa nhưng cuộc đời đầy đau khổ bất hạnh lại không cho phép nàng. Không những thế, Kiều còn nói đến hoàn cảnh hiện tại của Vân để rồi cất lời nhờ em:

Ngày xuân em hãy còn dài
Xót tình máu mủ thay lời nước non.

Kiều nhắc đến tình máu mủ để nói việc mình nhờ cậy em cũng là hợp với đạo lí. Kiều cũng nói đến lời nước non để chứng minh rằng tình cảm của mình với Kim Trọng là tình cảm thiên liêng rất xứng đáng với em. Kiều cũng nói với em những lời rất tội nghiệp để thuyết phục hoàn toàn Thúy Vân:

Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.

Dù có ở thế giới khác đi chăng nữa thì Kiều cũng cảm thấy mãn nguyện khi đã trao duyên được cho em. Nhưng mặt khác, hai chữ "thơm lây" khiến cho Kiều trở thành một người ngoài cuộc bởi hạnh phúc bây giờ đã trao lại cho Thúy Vân.

Qua đây ta cũng thấy được thân phận và số phận của Kiều khi thốt ra những lời như thế. Nếu như không có sóng gió bất ngờ xảy ra thì Kiều đã được hưởng những hạnh phúc ấy và bởi vậy, lời nói của Kiều có gì đó thật xót xa, hạnh phúc mới chớm nở thì đã tàn.

Sau khi mở lời nhờ cậy em, Kiều đã trao lại cho em những kỉ vật đính ước và tha thiết tâm sự với em:

Chiếc vành với bức tờ mây
Duyên này thì giữ, vật này của chung.
Dù em nên vợ nên chồng
Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên.
Mất người còn chút của tin,
Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa.

Thúy Kiều trao lại cho em những kỉ vật là chiếc vành, bức tờ mây, phím đàn, mảnh hương nguyền. Đó là những tín vật của

tình yêu gợi lại mối tình đầu. Nhìn thấy những kỉ vật Kiều như được sống lại với kỉ niệm tình yêu của mình.

Trong hoàn cảnh hiện tại khi Kim Trọng đang ở nơi xa thì những kỉ vật ấy là chỗ bấu víu duy nhất của Thúy Kiều nên không dễ dàng gì để trao lại cho em. Cũng vì thế là Kiều thốt lên những lời đầy lạ lùng: “Duyên này thì giữ vật này của chung”.

Chính sự không rõ ràng trong hai từ “của chung” ấy đã thể hiện sự lúng túng là ngập ngừng của Thúy Kiều, cho thấy tâm trạng của nàng khi trao lại kỉ vật cho em: lí trí mách bảo phải trao nhưng tình cảm thì lại không thể. Trao lại kỉ vật cho em những tâm hồn Kiều không thể nguôi ngoai:

Mai sau dù có bao giờ
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này,
Trông ra ngọn cỏ lá cây
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề
Nát thân bồ liễu, đền nghì trúc mai.

Dạ đài cách mặt khuất lời
Rưới xin chén nước cho người thác oan.

Kiều tự nhận mình là người mệnh bạc, coi mình như đã chết. Những hình ảnh trong câu thơ gợi ra một Thúy Kiều đang ở trong một thế giới khác, không thể trở lại hòa nhập với cuộc sống và số phận của nàng vô cùng mong manh.

Ngay cả khi ở thế giới bên kia kia thì Kiều cũng thể thanh thản mà còn nặng lòng với tình duyên , cuộc sống và nàng coi mình là người thác oan, nỗi đau tức tưởi nhưng đồng thời cũng vô cùng bất lực.

Trong tận cùng đau khổ, Kiều hướng về Kim Trọng với những tâm sự tha thiết:

Bây giờ trâm gãy gương tan,
Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân.
Trăm nghìn gửi lạy tình quân
Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi!
Phận sao phận bạc như vôi
Đã đành nước chảy, hoa trôi lỡ làng
Ơi Kim lang! Hỡi Kim lang!
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây.

Thúy Kiều tâm sự với chàng Kim nhưng Kim Trọng đang ở phương xa và thực chất đây là những lời độc thoại, thể hiện sự tự ý thức sâu sắc của Thúy Kiều về nỗi đau thân phận mình. “Gương gãy”, “trâm tan” là những hình ảnh diễn tả một cách cảm động và xót xa về bi kịch của Thúy Kiều. Đằng sau đó ta thấy một Thúy Kiều nặng tình nặng nghĩ với chàng Kim.

Đi liền với nỗi đau về tình yêu còn là nỗi đau về thân phận bạc bẽo. Thành ngữ “bạc như vôi” như có gì đó oán trách, đi liền với nó là tâm trạng gần như bất lực “Đã đành nước chảy, hoa trôi lỡ làng.”

Kết thúc đoạn thơ, Thúy Kiều cất lên tiếng gọi Kim Trọng tha thiết khiến cho lời than như một tiếng nấc được thốt ra nghẹn ngào. Trong lời than ấy, Kiều đã gọi Kim Trọng là Kim lang, coi Kim Trọng giống như chồng của mình.

Điều này tưởng như phi lí bởi Kiều đã trao duyên cho em nhưng lại rẩ có lí bởi Kiều đã thể hiện tình cảm chân thật của mình mà quên đi tất cả mọi thứ xung quanh. Nàng mắc phải một mặc cảm là mình đã phụ tình Kim Trọng.

Người đau khổ nhất lúc này đó chính là Thúy Kiều nhưng nàng đã quên đi những đau khổ ấy để chỉ nghĩ về Kim Trọng. Thúy Kiều không chỉ nặng tình mà còn nặng nghĩa. Những câu thơ cuối là những câu cảm thán khiến cho đoạn thơ như những tiếng than đứt ruột. Bi kịch, đau khổ và cả tình yêu nồng nàn của Thúy Kiều được đẩy lên đến đỉnh điểm, qua đó bộc lộ được những nét đẹp trong tâm hồn của nàng.

Độc Tiểu Thanh Kí

Nguyễn Du

Đọc những tác phẩm của Nguyễn Du, không thể nào không cảm nhận những giọt nước mắt khi đau đớn, khi xót xa, căm giận…của nhà thơ đa tình này. Đặc biệt trong Truyện Kiều thì dường như thi hào đầm đìa giọt thương như một nhà thơ đã thấy " Tố Như ơi lệ chảy quanh thân Kiều".

Sự rung cảm trước những vận mệnh bất hạnh đã là một "đặc tính" của Nguyễn Du khi ông sáng tạo các tác phẩm để đời. Độc Tiểu Thanh Kí, một bài thơ đã thực sự trở thành tiếng lòng nức nở hồn thơ nhạy cảm Tố Như.

Câu chuyện về nàng Tiểu Thanh có tài mà bạc mệnh đã là mối thương tâm cho những ai yêu mến nàng. Song dường như người hiểu nàng nhất, thương nàng nhất không ai khác mà chính là Nguyễn Du, dù thi hào đất Việt cách xa hàng nghìn trùng không gian và thời gian. Ông không khóc nàng bằng tiếng khóc thường tình, nhỏ một vài giọt lệ rồi quên ngay mà khóc bởi một trái tim quặn thắt, đau xé tâm can. Trong khi khóc Tiểu Thanh, ông cũng đã khóc cho chính mình.

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

Ba trăm năm từ khi Tiểu Thanh qua đời, Nguyễn Du mới biết nàng và khóc cho nàng. Thế còn 300 năm sau, có ai còn nhớ đến ông mà khóc hay không? Cái sự " thấy người ngẫm ta" ấy thực là đau xót làm sao. Những người theo đuổi nghiệp văn ấy nhạy cảm lắm, hay đau lắm, họ khóc cho người và cũng khóc luôn cho mình. Mà có gì đâu, chỉ là những chuyện rất thường.

Tây Hồ hoa uyển tận thành khư
(Vườn hoa bên Tây Hồ đã thành gò hoang rồi).

Sự chuyển biến của vũ trụ là quy luật ngàn đời, những người đa cảm nhìn thấy sự chuyển biến lạnh lung ấy của đất trời thì cảm thấy hết sức đau đớn, xót xa. Khung cảnh điêu tàn, lạnh lẽo của Tây Hồ là khoảng không gian gợi sầu, gợi cảm và làm động mối thương tâm cho nhà thơ nhiều lắm, nhất là khi đang đọc những phần dư cảo hết sức thương tâm của người con gái bạc mệnh Tiểu Thanh.

Độc điếu song tiền nhất chỉ thư
(Chỉ viếng nàng qua một một tập sách đọc trước cửa sổ).

Cái sự gặp gỡ này hết sức tình cờ nhưng nó như là mối lương duyên. Người xa lạ này chỉ mới nếm chút dư vị xót xa nàng thôi nhưng trong tâm tư đã dâng lên khối tình cảm rất lớn với con người tài hoa bạc mệnh.

Trước hết là đau cho người tài hoa chết trẻ, sau là cho nghiệp văn chương và cuộc đời tàn nhẫn đã giết chết những tâm hồn. Bản dịch là " Thổn thức bên trong mảnh giấy tàn" để lại được cái tình của con người đa cảm này. Ông đã khóc tự trong lòng.

Chi phấn hữu thần tiên tử hậu
Văn chương vô mệnh lụy phần dư
(Son phấn có thần chắc phải xót xa vì những việc sau khi chết

Văn chương không có số mệnh mà cũng bị đốt dở).

Hai câu thơ này là " thần cú" đã khái quát được cả một cuộc đời đau khổ của Tiểu Thanh. Hình ảnh "son phấn" ước lệ khi nói về người con gái là cách nói đẹp nhất, yêu thương và quý trọng nhất. Người đẹp thường như hoa,nàng đã phải chịu sự ghen tuông thái quá, phải sống trong sự cô đơn lạnh lung trong tuổi thanh xuân đang hứa hẹn nhiều hương sắc cho đời.

Lúc chết đi, những tưởng người ta sẽ tha cho người con gái tội nghiệp này, thế mà đau đớn thay…sự ghen tuông mù quáng đến bệnh hoạn của người vợ đã giết chết nàng một lần nữa, chết trong nỗi đau đớn mà những suy nghĩ, tình cảm bị cấm đoán thì còn chăng một tình cảm nào nữa ngoài sự tàn nhẫn của đời người.

Xót đau cho người bạc mệnh. Nguyễn Du càng thấm thía hơn, cay đắng hơn cho những tác phẩm văn chương của nàng " Văn chương vô mệnh", nó chỉ là tâm tư, tình cảm của người ta thổ lộ, là những gì quý giá nhất tình cảm nhất con người. Thế giới của văn chương và người đời hoàn toàn khác nhau, không thể nào hàn gắn cho văn chương cùng một số mệnh với người làm ra nó.

Đó là một điều tất yếu xưa nay. Thế mà nàng Tiểu Thanh tội nghiệp đến cả những tác phẩm của mình cũng bị người đời ghen ghét đốt đi, tàn nhẫn và lạnh lung đến vô cùng. Còn gì đau đớn hơn thế nữa, xót xa hơn thế nữa. Nguyễn Du đã khóc cho nàng và bật lên những tiếng nói căm hờn.

Cổ kim hận sự thiên nan vấn
(Những mối hận cổ kim khó mà hỏi trời được).

Cái hận này là hận cho sự lạnh lung, tàn nhẫn của đời người, hận cho thói true đùa của con tạo " hận" " nan" – cay lắm, xót lắm, mà đành kêu trời chứ biết làm thế nào bây giờ. Trời xanh thì khôn cùng vời vợi.

Có thể như đang thấy Nguyễn Du trong nước mắt vẫn cười một nụ cười chua đắng đến tận cùng tâm can. Khóc cũng vì một nỗi đau mà cười cũng là vì một nỗi đau.

Còn gì ghê gớm hơn thế nữa? Ông khóc, ông cười cho Tiểu Thanh vì đồng thời, ông cũng nhận ra: Mình là ai?

Phong vận kì oan ngã tự cư
(Ta tự coi như người cùng một hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lung vì nết phong nhã).

Ông tự xem mình là người cùng một hội với Tiểu Thanh, con người tài hoa bạc mệnh. Cuộc đời của Tiểu Thanh soi sáng tâm hồn của Nguyễn Du, ông thấm thía nỗi đau của khách văn chương đa tài đa nạn. Ông đau với nỗi đau biết mình không tránh khỏi cái sự nghiệt ngã của người cùng hội cùng thuyền giữa biển đời song gió.

Nhưng chính nỗi đau ý thức được ấy lại rang buộc gắn kết ông sâu sắc, mạnh mẽ và xót xa hơn bao giờ hết bởi ông biết rằng đó chính là đường đời của mình. Mà con đường trước mắt thì vời vợi, ai biết được rằng ngày mai sẽ ra sao? Đau đớn tận đáy lòng, ông không khỏi kêu lên tiếng than của một trái tim đầy ắp nỗi sầu nhân thế.

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

Một nỗi đau thật nhất, không hề giấu diếm, cả cuộc đời ông đã khóc cho người, còn ai hiểu và khóc cho trái tim ông hay không? Khóc cho Tiểu Thanh, ông không khỏi chạnh nghĩ về mình. Tâm lý thường tình của người đời là vậy, dường như bây giờ.

Nguyễn Du mới thật sự thấy hết nỗi cô đơn của mình, khao khát muốn có người để chia sẻ cùng mình. Lời bộc bạch kết thúc bài thơ, kết thúc những liên tưởng của Nguyễn Du nhưng lại mở ra một thế giới cảm xúc trong lòng người đọc. Tựa như giọt nước mắt cuối cùng của Nguyễn Du, từ từ, nhỏ giọt vào tận đáy lòng.

Độc Tiểu Thanh kí – tiếng khóc của người đa tình Nguyễn Du dường như là một dự báo cho tiếng thơ nhân ái và cuộc đời bất hạnh của Nguyễn Du say này.

Suốt đời ông khóc cùng người đời, nói lên tiếng nói cảm thương vô hạn cùng thân phận của người đời bằng trái tim xót đau và nhạy cảm.

Và trong ông, cái day dứt ấy không bao giờ nguôi ngoai vẫn cứ còn bật lên tiếng khóc thầm, lặng lẽ ủ kín trong nỗi đau đớn, khắc khoải của nhân gian dài dặc.

Cảnh Ngày Hè

Nguyễn Trãi

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng dành những lời trân trọng nhất "Nguyễn Trãi là người đầu đội trời Việt Nam, chân đạp đất Việt Nam, tâm hồn lộng gió thời đại…" Vẻ đẹp ấy của hồn thơ Nguyễn Trãi đã được phác họa qua những vần thơ của "Cảnh ngày hè", một trong số bài thơ của chùm thơ 61 bài "Bảo kính cảnh giới". Ở đó, ta không chỉ bắt gặp một tâm hồn tinh tế nhạy cảm trước thiên nhiên của một người nghệ sĩ mà còn thấy được một tấm lòng luôn cháy sáng vì nước vì dân của vị anh hùng dân tộc.

Thiên nhiên vốn là mảnh đất vô cùng màu mỡ của biết bao thi nhân trung đại cày xới và cũng, là nguồn thi hứng không bao giờ vơi cạn Nguyễn Trãi .Nhà thơ sống giữa thiên nhiên, bầu bạn cùng thiên nhiên, và lấy từ thiên nhiên những bài học quý giá làm "gương báu răn mình" để rồi ghi lại trong tập thơ "Bảo kính cảnh giới".

Một nhân cách thanh cao "tỏa sáng tựa sao khuê", một tấm lòng cao cả, vẫn luôn tha thiết với nhân dân, với đất nước dẫu trong tình cảnh ngặt nghèo bị nghi kị, dèm pha hay ngay cả khi có cuộc sống yên bình, nên thơ giữa thiên nhiên của Nguyễn Trãi đã đến với người đọc chính qua những vần thơ ấy. Tám câu thơ của "Cảnh ngày hè" đã góp thêm nét vẽ để bức chân dung tâm hồn của Ức Trai hiện lên rõ nét nhất.

Ngay từ những câu thơ đầu tiên, tác giả đã dẫn chúng ta đến với một bức tranh thiên nhiên rực rỡ, tràn trề sự sống của mùa hè, đến với một không khí náo nhiệt, rộn ràng của cuộc sống thường nhật vẫn đang tiếp diễn.

Rồi, hóng mát thuở ngày trường

Câu thơ mở đầu cho bài thơ tác giả đã giới thiệu về hoàn cảnh hưởng "nhàn" bất đắc dĩ của mình.Lời thơ biểu đạt sự nhàn hạ trong một ngày hè của một con người không bị vướng bận bởi điều gì với nhịp của chữ "rồi" tách riêng khỏi nhịp của câu thơ như nhấn mạnh sự rảnh rỗi của nhà thơ.

Nhưng khi đọc sâu, ngẫm kĩ vào từng câu chữ ta lại cảm nhận được tiếng thở dài trong câu thơ. Cụm từ "thuở ngày trường" trong câu đầu có cùng nghĩa với "hạ nhật trường" trong một câu thơ của Cao Biền thời Đường:

Lục thu âm nồng hạ nhật trường"
(Cậy xanh bóng rợp ngày hè dài)

Bài thơ được viết trong thời gian Nguyễn Trãi an nhàn lui về ở ẩn xa dời chốn bon chen đầy cám dỗ của quan trường, và như thế nhà thơ đã có cơ hội để cảm nhận trọn vẹn cái "ngày hè dài" ấy. Thế nhưng liệu đó có phải chỉ là những cảm quan về thời gian, ngày tháng? Hay đằng sau hai chữ "ngày trường" cùng với nhịp thơ như trải dài ấy còn là tâm trạng nhân vật trữ tình, những nỗi niềm của Ức Trai chăng?

Và phải chăng tất cả những tâm tư ấy đang dồn nén vào trong bức tranh thiên nhiên ngày hè mãnh liệt và căng tràn sức sống trước mắt và được nhà thơ nâng niu ghi lại:

Hòe lục đùn đùn tán rợp giương
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương

Chỉ trong ba câu thơ hàm súc tác giả đã vẽ ra trước mắt người đọc một bức tranh mùa hè rực rỡ với những gam màu đậm, tươi tắn cùng những hình ảnh đặc trưng của mùa hè. Bao trùm lên bức tranh ấy chính là những "chiếc lọng" xanh biếc của tán hòe đang bung sắc như làm dịu đi cái chói chang, gay gắt của nắng hè.

Đặt điểm nhìn xuống thấp hơn, nhà thơ đã khéo léo đan cài màu đỏ rực rỡ của thạch lựu trước hiên nhà cùng sắc hồng của ao sen đang tỏa hương thơm ngát lan tỏa khắp không gian. Nếu thơ ca cổ điển ưa những gam màu trầm hơn là những sắc gắt, ưa tả tĩnh hơn tả động thì Nguyễn Trãi đã dám bước qua cái khuôn khổ ấy để thoát khỏi những bức tranh thanh đạm, tiêu sơ và để đến gần hơn với bức tranh cảnh ngày hè tươi vui, đầy sức sống.

Nhà thơ không chỉ cảm nhận được hình sắc của thiên nhiên tạo vật mà còn nhận thấy một mạch sống đang ứa căng, tràn trề, đang đùn đùn phun ra những sắc xanh, sắc đỏ của hoa lá, cỏ cây. Thiên nhiên của Nguyễn Trãi hiện lên qua những động từ mạnh "đùn đùn", "phun", "tiễn" "giương" như đang trào dâng một sức sống nội sinh mãnh liệt, mạnh mẽ ẩn sâu bên trong mỗi tạo vật. Hòe không được miêu tả như một vật thể thông thường mà nó được đặt trong sự vận động, phát triển của tự nhiên. Ao sen cũng không chỉ gợi một thứ hương dịu nhẹ mà còn thể hiện sự lan tỏa, sự chuyển động của mùi hương ấy khắp không gian. Đều lấy tâm điểm là những bông hoa thạch lựu đỏ như những đốm lửa.

Nhưng nếu Nguyễn Du gợi tả được màu sắc qua phép điệp âm"lửa lựu lập lòe" trong câu thơ "Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông" (Truyện Kiều) thì hoa lựu trong thơ Nguyễn Trãi còn có cả nhựa sống dồi dào bên trong đang "phun" tỏa, phát lộ ra ngoài. Cái sinh khí rực rỡ, viên mãn nhưng cũng rất thanh thoát ý vị ấy khác hẳn với cái nóng nực của mùa hè mà các nhà thơ trong "Hồng Đức quốc âm thi tập" đã biểu hiện:

Nước nồng sừng sực đầu rô trỗi
Ngày nắng chang chang lưỡi chó lè

Phải chăng chính nhà thơ đã mở rộng tâm hồn mình để cảm nhận cuộc sống, để phát hiện ra cái thế giới bên trong đang tuôn tràn của thiên nhiên, và cái vận động không ngừng trong tự nhiên.

Nhưng trong thi của Nguyễn Trãi không chỉ có họa, có hương mà còn có cả những thanh âm muôn vẻ của cuộc sống thường nhật.

Lao xao chợ cá làng ngư phủ
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương

Thiên nhiên không hề u ám, trầm lặng khi nắng chiều buông mà trái lại, rất rộn rã và sôi động. Nhà thơ đã đưa vào bức tranh của mình những hình ảnh vô cùng quen thuộc, gần gũi nhưng lại không đi theo khuôn sáo, lối mòn nào. Hai từ láy "lao xao", dắng dỏi được đảo lên đầu mỗi câu thơ làm bật lên cái âm thanh sôi động, náo nhiệt, xóa tan không khí quạnh hiu, cô tịch lúc 'tịch dương". C

ảnh phiên chợ – một dấu hiện của sự sống con người hiện ra trong câu thơ với tiếng người mua, kẻ bán, tiếng cười nói, tiếng chuyện trò gian thật bình yên và ấm áp! Nhà thơ không hề thoát tục, không hề xa dời cuộc sống mà là đang hướng lòng mình về với cuộc sống bình dị từ những âm thanh bình dị nhất.

Nhà thơ như căng mở hết tất cả những giác quan cả thị giác, khứu giác, thính giác và cả những liên tưởng bất ngờ "dắng dỏi cầm ve".

Tiếng ve inh ỏi – một thứ âm thanh không xa lạ với mùa hè được ví như một cung đàn mùa hạ tấu lên một cách rộn ràng hòa chung với bản đàn rạo rực, hối hả của nhịp sống căng tràn trong thiên nhiên. Lời thơ như diễn tả một cuộc sống đang sinh sôi, tiếp diễn ngay cả khi ngày sắp tàn, một khung cảnh thật êm đềm và thanh bình nơi làng quê. Cùng viết về mùa hè nhưng những cảm xúc trong mỗi bài thơ lại đem đến một mùa hè khác nhau.

Tháng tư đầu mùa hạ
Tiết trời thực oi ả
Tiếng dế kêu thiết tha
Đàn muỗi bay tơi tả

Nếu như ta cảm nhận được mùa hè rộn ràng, náo nhiệt trong những vần thơ Ức Trai thì mùa hè của Nguyễn Khuyến oi nồng và có phần u uất. Bởi, với "Cảnh ngày hè" Nguyễn Trãi đã cảm nhận thiên nhiên sự sống bằng chính sức sống dồi dào trong tâm hồn mình, bằng sự tha thiết với cuộc sống còn Nguyễn Khuyến đã mượn mùa hè để dãi bày những bức bối, u uất của mình đúng như tên bài thơ "Than mùa hè".

Thi nhân như đang náo nức muốn hòa cùng niềm vui sự sống với một tâm hồn thiết tha yêu thiên nhiên để rồi từ đó thổi bùng lên khát vọng bấy lâu nay của một con người luôn hết lòng vì đất nước.

Sống giữa vòng tay bình yên của mẹ thiên nhiên, giữa cuộc sống "vô ưu vô tư" nhưng chưa giây phút nào Nguyễn Trãi quên đi bổn phận của mình:

Dẽ có Ngu cầm đàn một tiếng
Dân giàu đủ khắp đòi phương

Sâu trong tâm khảm, Ức Trai luôn mang một nỗi niềm dân nước, một hoài bão về sự an thịnh như thời Đường Ngu nên đã mượn điển tích Ngu cầm để nói lên tấm lòng của mình. Liệu có phải nhà thơ muốn có cây đàn Ngu cầm để gẩy nên khúc Nam Phong để ngợi ca cảnh thái bình, thịnh trị đang hiện hữu mà tiếng lao xao của cuộc sống bình yên đã dẫn dắt đến tâm sự ấy?

Hay đó chỉ là những ước mong, khao khát ở phía trước của nhà thơ về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc của dân nước? Dù hiểu theo cách nào thì người đọc đều cảm nhận được tấm lòng "ưu dân ái quốc" của nhà Nguyễn Trãi mà trong một bài thơ khác, Ức Trai cũng đã nhắc tới sở nguyện này:

Dân Nghiêu Thuấn, vua Nghiêu Thuấn
Dường ấy ta đà phỉ sở nguyền

Những lời thơ vô cùng giản dị và mộc mạc được cất lên từ một tấm lòng rất đỗi chân thành, một con tim luôn cháy bỏng tình yêu với đất nước, với nhân dân. Nguyễn Trãi rảnh rỗi nhưng không hề thanh thản, ông nhàn thân nhưng không nhàn tâm, trong lòng nhà Nho chân chính ấy luôn canh cánh nỗi niềm dân nước:

Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu
Hậu thiên hạ chi lạc ưu lạc

Nguyễn Trãi luôn đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc lên hàng đầu với một niềm mong mỏi rất cao cả "khắp nơi không một tiếng oán hờn". Nếu như với Nguyễn Bỉnh Khiêm "nhàn" là tránh xa phú quý quay về hòa hợp với thiên nhiên để giữ trọn cốt cách thì qua "Cảnh ngày hè", vị anh hùng dân tộc đã khẳng định triết lí "nhàn" của mình: Sự nhàn rỗi, thảnh thơi luôn phải song hành với cuộc sống no đủ, bình yên. Chính kết cấu đầu cuối tương ứng của hai câu lục ngôn ở đầu và cuối tác phẩm đã khép mở hai tâm trạng tạo nên mạch hàm ẩn của toàn bài thơ.

"Cảnh ngày hè" được viết theo thể thơ thất ngôn xen lục ngôn với nhịp thơ đa dạng và linh hoạt. Bài thơ đã thoát khỏi tính quy

phạm khuôn thước của văn học trung đại bằng việc sử dụng nhiều hình ảnh sinh động, qua cách miêu tả thiên nhiên và đặc biệt là việc sử dụng ngôn ngữ.

Bằng các động từ mạnh, các từ tượng thanh được sử dụng liên tiếp làm cho bức tranh mùa hè không phải là hình ảnh tĩnh trên trang giấy mà căng tràn nhựa sống. Nguyễn Trãi đã đưa ngôn ngữ thơ ca về gần với ngôn ngữ đời sống, mở đường cho khuynh hướng dân tộc hóa, bình dị hóa của thơ ca Việt Nam sau này.

Cuộc sống muôn màu muôn vẻ đã được Nguyễn Trãi tái hiện một cách đầy chân thực và sinh động. Nhưng đọc bài thơ, ta không chỉ đơn thuần thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên mùa hè rực rỡ, sống động mà còn cảm nhận được vẻ đẹp phong phú, thanh cao của hồn thơ Nguyễn Trãi. Một hồn thơ đã bắt rễ sâu vào đời sống thiên nhiên, một cảm xúc thơ đã hòa nhịp với mạch sống nhân dân, dân tộc.

Nhà bác học Lê Quý Đôn đã từng khẳng định rằng “Thơ khởi phát từ trong lòng người ta”. Quả thực không có những cảm xúc, những tâm sự sâu kín nén chặt, chất chứa trong lòng sẽ chẳng bao giờ có thơ. Qua “Cảnh ngày hè” ta không chỉ ngưỡng mộ tài năng của nhà văn hóa lớn mà ta còn nghe được tiếng lòng, tiếng yêu cuộc sống, tiếng yêu quê hương, dân tộc của Ức Trai tiên sinh tha thiết hơn bao hết.

Chuyện chức phán sự đền Tản Viến

Nguyễn Dữ

Các nhà văn, nhà thơ thời xưa khi sáng tác văn chương thường quan niệm *"Văn dĩ tải đạo, thi dĩ ngôn chí"*. Phải chăng cũng vì vậy mà hình tượng của người trí thức được yêu mến và nhắc đi nhắc lại trong nhiều tác phẩm lúc bấy giờ? Nguyễn Dữ cũng đã góp thêm nét vẽ chân dung người trí thức đương thời qua hình ảnh nhân vật Ngô Tử Văn trong "Chuyện chức phán sự đền Tản Viên" trích trong áng thiên cổ kì bút "Truyền kì mạn lục".

Qua câu chuyện mang đậm yêu tố kì ảo này, chân dung Ngô Tử Văn khảng khái, cương trực quyết tâm chống lại cái xấu, cái ác mang những phẩm chất của một kẻ sĩ hiện lên thật rõ nét.

Ngô Tử Văn xuất hiện bằng những lời giới thiệu rất ngắn gọn và cụ thể về tên họ, quê quán, tính tình và phẩm chất. Đây là một lối giới thiệu rất đặc trưng của văn xuôi trung đại.

Tác giả đã để cho nhân vật hiện lên qua những nét rất cơ bản nhưng đặc biệt trực tiếp giới thiệu được tính cách, phẩm chất của nhân vật để từ đó dẫn dắt đến những sự viêc hoặc những tình tiết xảy ra trong câu chuyện *"Chàng khảng khái, nóng nảy, thấy gian tà thì không thể chịu được"*.

Đó không phải chỉ là những lời đánh giá chủ quan mà như một lời nhận xét rất khách quan *"vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực.*Tính cách ấy, Tử Văn vẫn giữ nguyên tới cuối tác phẩm và là tiền đề cho hành động quyết liệt của nhân vật sau này. Không vòng vo, nhân vật Tử Văn đã nhanh chóng đến với người đọc một cách vô cùng chân thực mang bóng hình của một bậc trí thức, nhà Nho cương trực.

Qua cuộc chiến đấu quyết liệt với tên Bách hộ họ Thôi, Ngô Tử Văn như "*vàng đã qua thử lửa"* sáng lên tinh thần dũng cảm, cương quyết trước gian tà, thực hiện đúng trách nhiệm của một người có học thức nhận biết được cái xấu, cái ác. Nghe tin ngôi đền trong làng bị yêu quái hị Thôi quấy nhiễu, với tính tình nóng nảy và bộc trực, không chịu đứng nhìn cái ác đang hoành hành, Tử Văn *"rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời rồi châm lửa đốt đền"*.

"Đốt đền" đó là một hành động mà không phải ai cũng dám làm, bởi đền miếu là những nơi cảu tín ngưỡng, linh thiêng *"mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, lo sợ thay cho Tử Văn"*. Nếu chỉ thoáng qua thì chắc hẳn nhiều người sẽ nghĩ đây là một hành động bồng bột, thiếu suy nghĩ của một kẻ đang trong cơn nóng giận. Nhưng không, trước hành động đốt đền, Ngô Tử Văn đã tắm gọi chay sạch, khấn trời đất công khai và đàng hoàng rồi mới châm lửa đốt.

Người trí thức này hiểu được sự linh thiêng của thần thánh, trời đất, cũng nhận biết được hành động mình đang làm nên đã tiến hành đầy đủ những nghi lễ chứ không phải là hành động làm càn của một kẻ vô học.

Đó không phải là một sự liều lĩnh nữa, mà ở đây đã chứng tỏ bản lĩnh dám đương đầu với những khó khăn, thử thách để giành lại ngôi đền, giành lại cuộc sống bình yên cho dân làng của Ngô Tử Văn. Chàng đốt đền bởi chàng bất bình, tức giận vì hồn ma viên bách Hộ đã chiếm giữ ngôi đền để tác oai tác quái trong nhân gian, tất cả là vì lợi ích chung của nhân dân chứ không bởi bất kì một lí do cá nhân nào của Tử Văn.

Không phân biệt con người hay ma quỷ, lẽ công bằng đều được chàng thực thi. Chàng như ánh sáng của chính nghĩa không chỉ dũng cảm đẩy lùi gian tà mà còn đánh vào sự mê tín, mê hoặc làm cho con người ta trở nên yếu đuối, nhu nhược. Phải chăng ý thức trách nhiệm cùng lương tâm của một kẻ sĩ đã không cho phép Tử Văn chỉ đứng nhìn ngay cả khi biết những hành động đó có thể làm cho chàng gặp nguy hiểm? Sự khảng khái của chàng một lần nữa thể hiện qua thái độ coi thường tên tướng giặc với những lời lẽ hăm dọa của hắn. *"Tử Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưởng tự nhiên"*.

Chàng ung dung khi đối mặt với những nguy hiểm bởi chàng tự tin vào chính nghĩa mà mình đang nắm giữ, tin hành động của mình là hành động theo lẽ phải. Sự tự tin của người trí thức một lần nữa chứng tỏ bản lĩnh phi phàm, cái cần thiết nhất để Tử Văn có thể bảo vệ chính nghĩa. Chính bởi theo chính nghĩa nên chàng đã được thần linh dang tay phù trợ giúp. Thổ Công đã giúp chàng hiểu rõ được bộ mặt xảo trá của kẻ thù, hiểu được trước mắt có biết bao khó khăn đang chờ chàng và mách kế để tiếp thêm động lực cho Tử Văn trong cuộc chiến tranh đầy cam go ấy.

Ngô Tử Văn đã bắt đầu bước đến những hồi căng thẳng nhất của trận chiến sinh tử ấy. Cuộc đấu tranh không hề đơn giản, nó khốc liệt và dai dẳng, nó không chỉ ở cõi trần, cõi người mà còn cả âm ti, địa phủ.

Chàng bị quỷ bắt xuống địa ngục và sắp phải đối mặt với những hình phạt ghê rợn thế nhưng tinh thần khảng khái ấy vẫn không hề bị lu mờ mà còn sáng lên hơn bao giờ hết. Không chùn bước, chàng kêu to khẳng định: *"Ngô Soạn là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian, có tội lỗi gì xin bảo cho, không nên bắt phải chết một cách oan uổng"*. Vững lòng tin về nhân phẩm của mình, chàng đã dám nói lên, dám kêu oan và sau nữa là dám vạch trần bộ mặt của kẻ gian tà.

Trước lời kết tội của Diêm Vương, Tử Văn đã cầu xin được phán xét minh bạch công khai không một chút nhún nhường. Dù bị tên Bách hộ một mực vu oan giáng họa nhưng chàng không hề nao núng, sợ hãi làm cho lời lẽ và thái độ của tên tướng giặc kia trở nên xảo trá và khiến hắn tự lột chiếc mặt nạ xấu xa của chính mình. Chiếc mặt nạ của hắn rơi xuống cũng là lúc lá cờ chiến thắng của chính nghĩa giương lên mà chính Tử Văn là người cầm lá cờ ấy một cách kiêu hãnh. Đứng trước công đường, đối mặt với những khó khăn, khí phách của của đấng quân tử càng được thể hiện sáng rõ.

"Phú quý bất năng dâm
Bần tiện bất năng di
Uy vũ bất năng khuất"

Những yêu tố kì ảo xuất hiện trong tác phẩm không chỉ tăng thêm sự hấp dẫn của tác phẩm mà còn vừa làm bật lên sự chính trực, bản lĩnh cứng cỏi nhân vật Ngô Tử Văn vừa tô đậm thêm chiến thắng của con người trước cái xấu và cái ác.

Nhìn sâu hơn vào câu chuyện, dường như Nguyễn Dữ đang muốn gửi gắm ước nguyện về một anh hùng của chính nghĩa sẽ đứng lên bảo vệ cho đất nước, nhân dân như cách mà Tử Văn đã bảo vệ dân làng trước sự xâm chiếm của tên tướng giặc phương Bắc. Phải yêu quý, và gắn bó với quê hương biết chừng nào, phải xót xa và đau đớn trước nỗi đau dân nước biết chừng nào, những hành động của Tử Văn mới quyết liệt và dữ dội đến thế!

Đó là sự chiến đấu đến cùng, là sự tự tôn dân tộc, là sự quyết tâm sắt đá khó lòng lay chuyển. Chính bởi vậy, chiến thắng của Tử Văn lại càng có ý nghĩa hơn, nó sẽ khơi dậy tinh thần yêu nước, yêu công bình và sẵn sàng xả thân vì chính nghĩa của biết bao những trí thức lúc bấy giờ.

Cuộc chiến đấu không khoan nhượng của Ngô Tử Văn là một tấm gương phản chiếu nhân cách cao đẹp, bản lĩnh cứng cỏi, thái độ kiên quyết chống lại những thế lực đen tối của một kẻ sĩ. Lời bình kết thúc câu chuyện *“Vậy kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi”*cùng với hình tượng Ngô Tử Văn như một lời kêu gọi, một lời động viên, cổ vũ thôi thúc người trí thức hành động quyết liệt để công bằng, chính nghĩa sẽ tồn tại vĩnh hằng, vĩnh cửu ở mọi thời đại.